

BÁO CÁO 2017
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THỂ KỸ

Trụ sở chính:

Địa chỉ: B1-1 KCN Tây Bắc Củ Chi,
Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: **(+84) 28 3790 7565** | Fax: **(+84) 28 3790 7566**

Chi nhánh:

Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng,
Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: **(+84) 276 389 9537** | Fax: **(+84) 276 389 9536**

Văn phòng đại diện:

Địa chỉ: 102-104-106 Bàu Cát, Phường 14,
Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2017 | Công ty Cổ phần Sợi Thể Kỹ

XÂY DỰNG
NỀN TẢNG
hướng đến **thời trang**
xanh



CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI THỂ KỸ
CENTURY SYNTHETIC FIBER CORPORATION



THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên công ty	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ
Tên tiếng Anh	Century Synthetic Fiber Corporation
Tên giao dịch	Century Corp
Mã chứng khoán	STK
Trụ sở chính	BI-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh	Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
Văn phòng đại diện	102-104-106 Bàu Cát, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ	599,377,980,000 VNĐ
Điện thoại	(+84) 28 3790 7565 / (+84) 276 389 9537
Fax	(+84) 28 3790 7566 / (+84) 276 389 9536
Email	csf@century.vn
Website	www.theky.vn
Mã số doanh nghiệp	0302018927

THÔNG DIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quý cổ đông và Nhà đầu tư kính mến,

Tôi rất hân hạnh được chia sẻ với Quý vị báo cáo PTBV năm 2017 của STK. Chúng tôi hi vọng báo cáo này sẽ mang đến cho Quý vị những thông tin hữu ích về tình hình hoạt động kinh doanh của STK trong năm qua và chiến lược, kế hoạch PTBV của Công ty trong thời gian tới.

Năm 2017 nhu cầu dệt may toàn cầu đã có xu hướng phục hồi, đặc biệt ở các thị trường lớn như Mỹ, Nhật và EU. Bên cạnh đó, nhờ xu hướng dịch chuyển đơn hàng về Việt nam, ngành dệt may Việt nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kim ngạch trên 10% và đã tăng thị phần ở hầu hết các thị trường chính. Mặc dù vậy, xu hướng cạnh tranh về giá đã và đang là một thách thức với hầu hết các doanh nghiệp trong ngành.

Đối với ngành sợi polyester filament, cán cân cung cầu đã dần được khôi phục nên giá sợi đã cải thiện đáng kể so với năm 2016. Ngành sợi polyester filament của Việt nam đã đạt được mức tăng trưởng kim ngạch gần 13% với tốc độ tăng trưởng rất cao ở một số thị trường chủ chốt và tiềm năng như Thái lan, Hàn Quốc, Nhật bản nhờ vào các lợi ích của các hiệp định tự do thương mại cũng như xu hướng dịch chuyển đơn hàng của các hãng thời trang thể thao toàn cầu tới Việt nam.

Khắc phục được những khó khăn trong năm 2016, Ban Tổng Giám Đốc cùng với đội ngũ nhân viên đã quyết tâm và hợp lực để đạt được mức tăng trưởng vượt trội hơn năm 2016 và 2015 thông qua việc phát triển các thị trường mới (như Hàn quốc, Nhật bản), khách hàng mới và sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, khai thác tối đa công suất của tất cả các nhà máy và hạ giá thành sản xuất. Có thể nói, Công ty đã lấy lại được đà tăng của mình sau năm 2016. Cụ thể, doanh thu thuần hợp nhất đạt 1,989 tỷ đồng, tăng 68% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 99.6 tỷ đồng, tăng 248% so với cùng kỳ. Công ty đã vượt kế hoạch doanh thu gần 4% và kế hoạch lợi nhuận hơn 14%.

Bên cạnh đó, để xây dựng nền tảng cho phát triển trong tương lai nhằm đón đầu làn sóng tiêu dùng xanh, trong năm 2017 Công ty cũng đã triển khai một số dự án đầu tư mới như dự án hợp tác với e.Dye Ltd. (Hongkong) để sản xuất sợi màu, dự án Trảng Bàng 5 để tái chế sợi phế và tăng công suất sợi DTY. Công ty cũng đã và đang nghiên cứu một loạt dự án sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng cho các hãng thời trang hàng đầu cũng như mở rộng chuỗi sản xuất tích hợp theo chiều dọc.

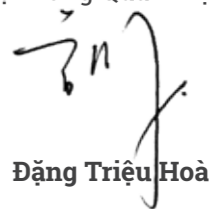
Trong năm 2017, Công ty cũng đã chú trọng tới việc cải thiện tình hình tài chính của công ty thông qua việc kiểm soát tốt vốn lưu động và tích cực giảm tỷ lệ vay nợ. Ngoài ra, Công ty cũng đã từng bước hoàn thiện công tác quản trị công ty.

Tương lai tăng trưởng của ngành dệt may Việt nam nói chung và của STK nói riêng khá sáng sủa với xu hướng dịch chuyển đơn hàng về Việt nam ngày càng rõ rệt và tiềm năng của các hiệp định thương mại sẽ được triển khai trong tương lai như Hiệp định tự do thương mại Việt nam-EU ("EVFTA") và Hiệp Định Đối Tác Toàn Diện và Tiến Bộ Xuyên Thái Bình Dương ("CPTPP").

Tuy nhiên, các rủi ro ngắn hạn luôn tiềm ẩn và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ mang đến nhiều thách thức cho các doanh nghiệp. Để đáp ứng các yêu cầu của các khách hàng về chất lượng sản phẩm và dịch vụ ngày càng khắt khe hơn, Công ty sẽ phải tiếp tục hoàn thiện qui trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hạ giá thành.

Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ tiếp tục hoàn thiện nâng cao năng lực quản trị của mình với việc xây dựng bộ máy kiểm toán nội bộ và hệ thống quản trị rủi ro. Chúng tôi mong rằng với sự nỗ lực vượt bậc của Ban điều hành và CBCNV và sự ủng hộ mạnh mẽ của cổ đông, STK sẽ đạt được sự phát triển bền vững trong những năm tới.

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Đặng Triệu Hoà

MỤC LỤC

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY
Trang 9



NỘI DUNG BÁO CÁO
Trang 73

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2017
Trang 39



**BẢNG THAM CHIẾU CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO
VỚI TIÊU CHUẨN GRI**
Trang 123



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Tâm nhìn và sứ mạng	12
Cột mốc hình thành và phát triển	14
Sơ đồ thành lập	18
Giải thưởng và các danh hiệu được tôn vinh	20
Chỉ số về quy mô của STK	22
Cơ cấu cổ đông	24
Thông tin về lĩnh vực hoạt động	26
Địa bàn kinh doanh	26
Sơ đồ cơ cấu tổ chức	28
Ban Quản trị công ty	30
Ban điều hành	32
Ban kiểm soát	34

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BKS	Ban kiểm soát
BTNMT	Bộ Tài Nguyên Môi Trường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CC	Củ Chi
CTCP	Công ty cổ phần
DTY	Sợi xơ dài
FDY	Sợi kéo duỗi hoàn toàn.
FTA	Hiệp định thương mại tự do
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐQT	Hội đồng quản trị
Inverter	Máy biến áp
KCN	Khu công nghiệp
LEAN	Sản xuất tinh gọn
POY	Sợi nguyên liệu
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ-BYT	Quy định Bộ Y Tế

Spinning	Máy kéo sợi
SSR	Điện trở
STK, CENTURY	Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TB	Trảng Bàng
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVS	Tiêu chuẩn vệ sinh
TCVSLĐ	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TG	Tổng Giám Đốc
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
Winder	Máy cuốn sợi
SGDCK	Sở Giao Dịch Chứng Khoán
HOSE	Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM
QC	Quản lý chất lượng
SOP	Quy trình hoạt động chuẩn
PDCA	Chu trình cải tiến liên tục
ESOP	Cổ phiếu ưu đãi

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH

TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi.



SỨ MỆNH

Chúng tôi ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cầu tiến sáng tạo, thông qua tiết giảm tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường thiên nhiên để đóng góp cho xã hội, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện.



CAM KẾT CỦA ĐỘI NGŨ STK

Chúng tôi luôn trân trọng khách hàng, có sự phân công hợp tác, chủ động, đảm đương trong thực thi công việc.



GIÁ TRỊ CỦA CHÚNG TÔI

1

Phục vụ khách hàng

Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

2

Đồng tâm hiệp lực

Mỗi người trong CENTURY phải phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để hướng tới mục tiêu chung.

3

Liên tục cầu tiến

Không thỏa mãn với hiện trạng, luôn khát vọng cải tiến kết quả công việc, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.

4

Cùng nhau phát triển

Gắn kết sự phát triển của CENTURY với cộng đồng và với mỗi người trong CENTURY.

CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2000

Thành lập nhà máy kéo sợi đầu tiên tại Củ Chi

Thành lập ngày 01/06/2000

Sản phẩm chính: Draw Textured Yarn (DTY)

Chưa có quy trình sản xuất khép kín mà phải nhập khẩu bán thành phẩm Partially Oriented Yarn (POY) để sản xuất DTY.

Công suất ban đầu: 4,800 tấn sợi DTY/năm

2003

Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất

Tăng công suất sản xuất lên gấp đôi so với lúc mới thành lập, tương đương 9,600 tấn sợi DTY/năm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

2005

Cổ phần hóa – Sự thay đổi mang tính chiến lược

Ngày 11/04/2005, Công ty TNHH Sợi Thế Kỳ chính thức được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ. Sự thay đổi mang tính chiến lược này giúp STK đa dạng hóa các nguồn vốn huy động nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển không ngừng của công ty.

2008

Lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất

Công ty đầu tư xây dựng thêm nhà máy sản xuất nguyên liệu bán thành phẩm POY, lần đầu tiên khép kín quy trình sản xuất từ hạt nhựa chip, tạo nên một bước ngoặt mới trong quá trình phát triển để gia tăng chuỗi giá trị và nâng cao lợi nhuận, giảm sự phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Với sự kiện này, STK chính thức trở thành công ty Việt Nam đầu tiên sản xuất sợi microfilament từ polyester chips nhập khẩu.

Mở rộng đầu tư và tăng tổng công suất lên 14,500 tấn POY/năm & 15,000 tấn DTY/năm

2011

Phát triển sản phẩm mới FDY, ứng dụng hệ thống quản trị ERP-SAP All in one

Đầu tư nhà máy sản xuất sợi POY, DTY, FDY tại Chi nhánh Trảng Bàng, tăng công suất sản xuất DTY, POY thêm 11,000 tấn/năm. Nhà máy này được khởi công xây dựng vào 28/11/2009 và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất từ 18/01/2011.

Ngoài POY và DTY, nhà máy còn sản xuất thêm sản phẩm mới FDY để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường. Với dự án này đã nâng tổng công suất toàn công ty lên 29,500 tấn POY/năm và 37,000 tấn DTY & FDY/năm.

Để đáp ứng cho chiến lược phát triển dài hạn của công ty, từ đầu năm 2012, công ty đã chính thức áp dụng hệ thống quản trị ERP-SAP All in one.

CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

2014

Đón đầu xu hướng,
năm bắt cơ hội

Để nắm bắt cơ hội từ xu thế dịch chuyển đại trà các nhà sản xuất từ Trung Quốc qua Việt Nam, cơ hội tăng thêm do Hiệp định TPP mang lại đồng thời để tối ưu hóa quy mô sản xuất của công ty, STK đã triển khai dự án đầu tư nhà máy mở rộng tại Trảng Bàng với tổng vốn đầu tư dự kiến 34.2 triệu USD.

Huy động vốn thuận lợi, IPO thành công ra công chúng 3 triệu cổ phiếu thu được 75 tỷ đồng để tài trợ cho dự án xây dựng mở rộng nhà máy Trảng Bàng – Giai đoạn 3.

2015

Niên yết trên Sở GDCK TP.
Hồ Chí Minh (HOSE), phát
triển thành công sản
phẩm mới Sợi tái chế

Ngày 30/09/2015, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại HOSE. Uy tín thương hiệu STK và giá trị công ty được nâng cao;

Ngày 18/09/2015, nhà máy mở rộng Trảng Bàng – Giai đoạn 3 chính thức đi vào hoạt động.

Nhà máy có công suất sản xuất khoảng 15,000 tấn sợi POY/năm và 15,000 tấn sợi DTY/năm, góp phần nâng tổng công suất toàn công ty lên khoảng 52,000 tấn DTY & FDY/năm. Bên cạnh các dàn máy kéo sợi DTY tự động có công nghệ hiện đại do tập đoàn hàng đầu Châu Âu Oerlikon Barmag sản xuất, nhà máy mới còn được trang bị hệ thống điều khiển trung tâm ("POC"-"Plant Operation Center");

Công ty đã hợp tác với một doanh nghiệp hàng đầu trong ngành nhằm phát triển thành công sản phẩm Sợi tái chế từ hạt nhựa tái chế, bước đầu triển khai thành công chiến lược đa dạng hóa phân khúc sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn.

Nắm bắt cơ hội ở các thị trường mới nhờ hưởng ưu đãi thuế suất thông qua các Hiệp định Tự Do Thương mại ("FTAs").

2016

Xây dựng bàn đạp cho
Phát triển bền vững

Tiếp tục đầu tư mở rộng nhà máy Trảng Bàng 4, nâng tổng công suất của công ty lên 60,000 tấn DTY và FDY/năm vào cuối năm 2016.

Được tổ chức Control Union cấp giấy chứng nhận GRS 3.0 về sản xuất tái chế.

Được tổ chức SGS cấp giấy xác nhận sản phẩm của Công ty tuân thủ các quy định về sử dụng hóa chất độc hại theo quy định của REACH do cục Hóa Chất Châu Âu (European Chemical Agency) ban hành.

Ký hợp đồng nhượng quyền Thương hiệu về sản xuất sợi tái chế với một doanh nghiệp hàng đầu cùng ngành và bắt đầu triển khai bán mặt hàng này cho các khách hàng tại thị trường Việt Nam và quốc tế.

2017

Năm bắt cơ hội để
tăng trưởng vượt trội

Đưa nhà máy Trảng Bàng 4 vào hoạt động, nâng tổng công suất sản xuất lên 60,000 tấn/năm.

Khai thác thành công hai thị trường là Hàn Quốc và Nhật Bản.

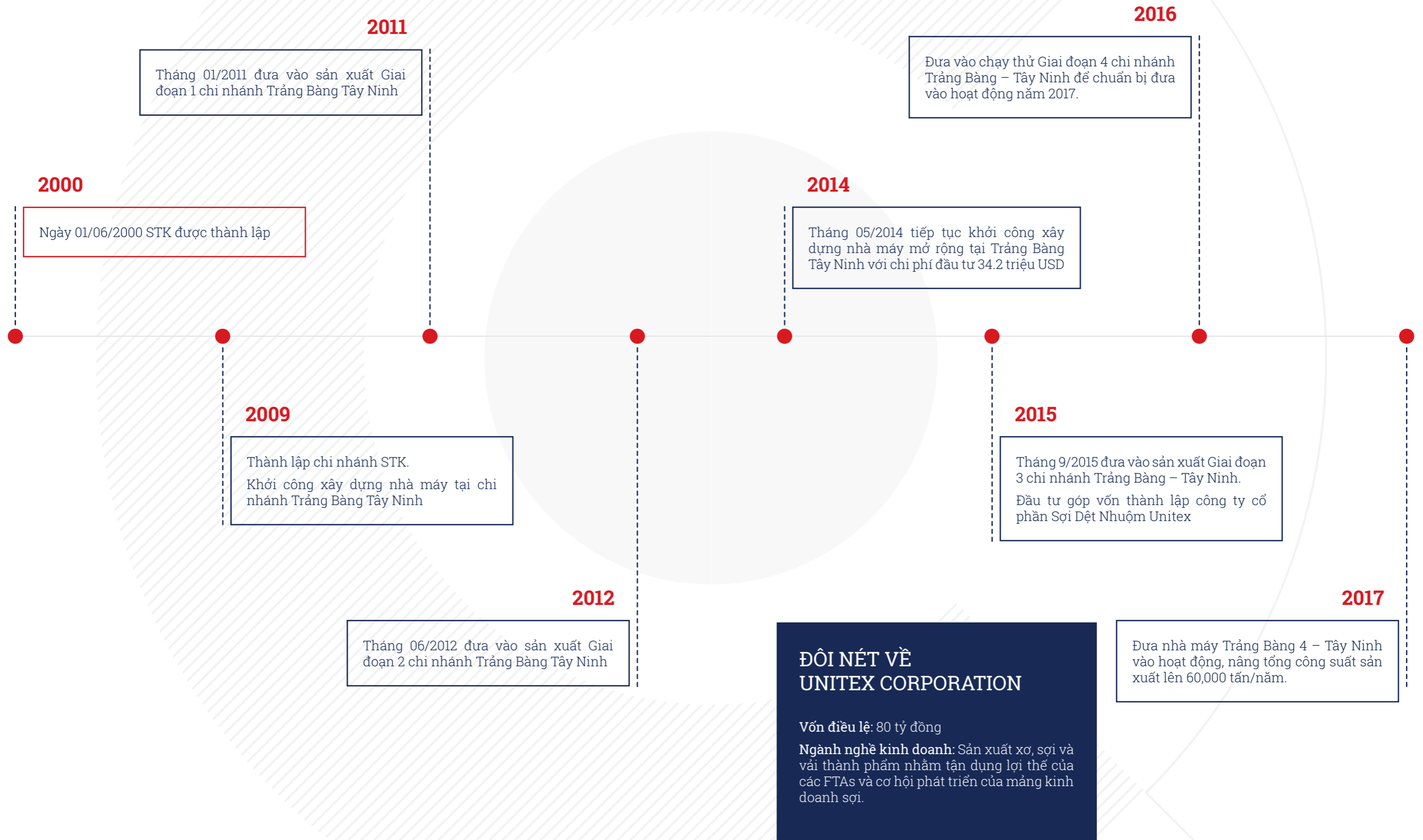
Nhằm bắt kịp xu hướng sử dụng sợi tái chế STK đã hợp tác với Tập đoàn Unifi để trở thành nhà sản xuất nhượng quyền dưới thương hiệu REPVEVE cung cấp sản phẩm cho các nhãn hàng lớn trên thế giới.

Sản phẩm của STK cũng được cấp chứng chỉ OEKO-TEX 100 chứng nhận sản phẩm không thải hóa chất độc hại ra môi trường theo chương trình ZDHC.

Công ty hợp tác với đối tác chiến lược thành lập Công ty cổ phần E.DYE Việt Nam chuyên sản xuất Sợi màu, không gây ô nhiễm môi trường nước và tiết kiệm nước sạch.

SƠ ĐỒ THÀNH LẬP

Công ty, Chi nhánh, Công ty liên doanh & Văn phòng đại diện



GIẢI THƯỞNG VÀ CÁC DANH HIỆU ĐƯỢC TÔN VINH

CHỨNG NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG

2017

- ♦ Top 500 công ty lớn nhất Việt Nam (VNR500): xếp hạng 361 trên Bảng Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam.
- ♦ Tổ chức trao giải: Việt Nam Report và báo Vietnamnet.
- ♦ Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững 2017 (CSI100)
- ♦ Tổ chức trao giải: VCCI.
- ♦ IR Award 2017 – Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin
- ♦ Tổ chức trao giải: VAFE và CTCP Tài Việt (báo điện tử Vietstock).

2016

- ♦ Danh hiệu “Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất 2016” và “Top 10 Báo cáo phát triển bền vững” và “Báo cáo thường niên tiến bộ vượt bậc” do Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh trao tặng.
- ♦ Danh hiệu “Doanh nghiệp phát triển bền vững 2016” do Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trao tặng

2011

- ♦ Bằng khen của Thủ Tướng Chính phủ Việt Nam do đã có nhiều thành tích trong công tác tổ chức kêu gọi thu hút đầu tư và tham gia xây dựng, phát triển các Khu chế xuất và công nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội TP.HCM.

2010

- ♦ Giấy khen của Sở Lao động Thương binh Xã hội do có thành tích tốt trong công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động năm 2010.
- ♦ Bằng khen của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do có thành tích xuất sắc trong công tác đầu tư, góp phần tích cực xây dựng phát triển kinh tế đất nước năm 2010.

2009

- ♦ Bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP.HCM do có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009.
- ♦ Danh hiệu “Doanh nghiệp Thương mại dịch vụ tiêu biểu 2009” do Bộ Công Thương trao tặng.

2008

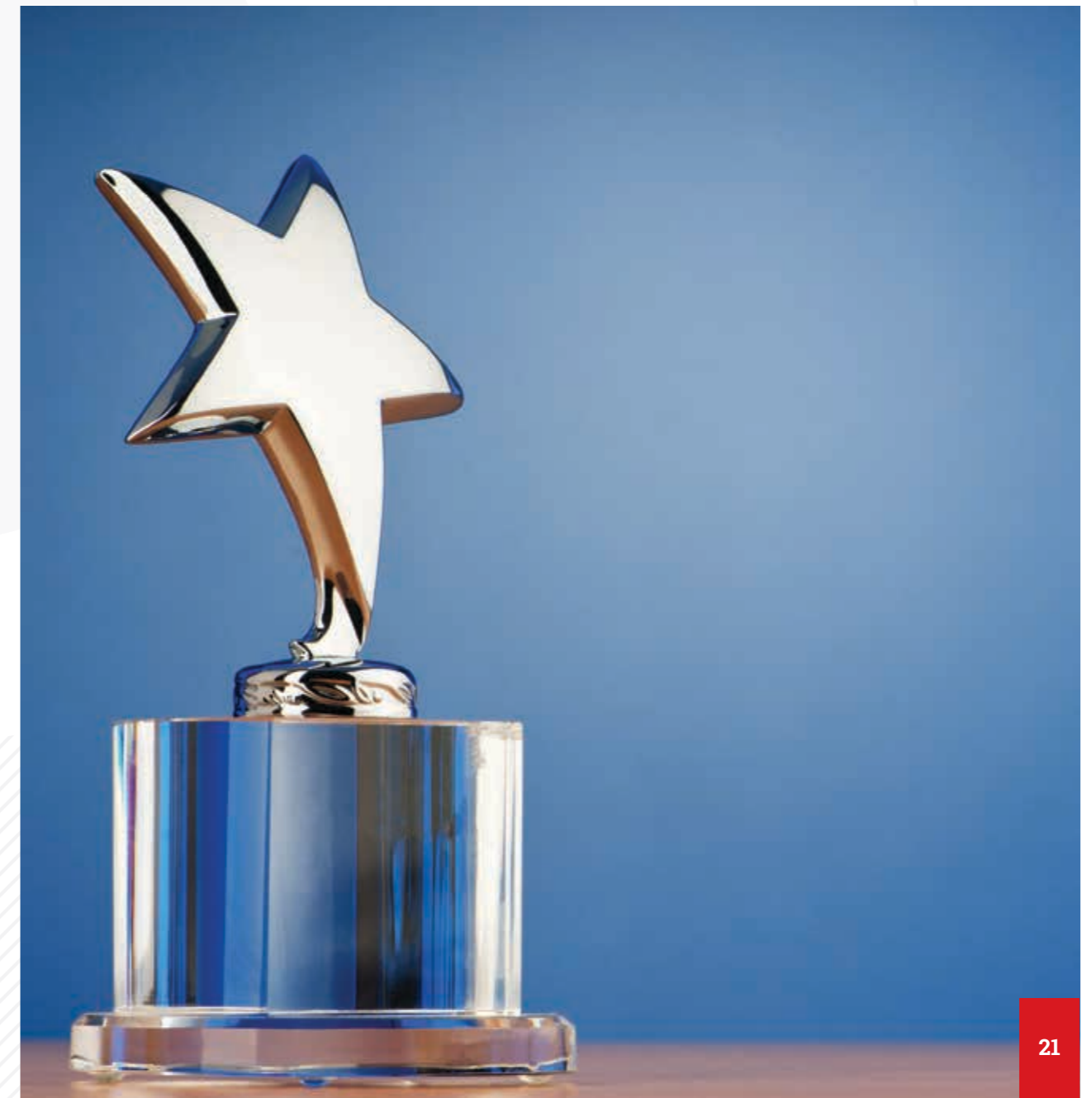
- ♦ Danh hiệu “Doanh nghiệp Thương mại dịch vụ tiêu biểu 2008” do Bộ Công Thương trao tặng.
- ♦ Bằng khen của Bộ Công thương do có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008.
- ♦ Huy chương bảo vệ người tiêu dùng do tạp chí Thương Hiệu Việt - Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng năm 2008.
- ♦ Tổng Giám đốc Đặng Triệu Hòa được bình chọn là doanh nhân tiêu biểu năm 2008 bởi tạp chí Thương Hiệu Việt - Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam.
- ♦ Danh hiệu Top Ten ngành hàng năm 2008 do tạp chí Thương Hiệu Việt - Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật bình chọn.
- ♦ Danh hiệu Top 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2008 do tạp chí Thương Hiệu Việt - Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam bình chọn.

2007

- ♦ Bằng khen của Bộ Công Thương do có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.
- ♦ Tổng Giám đốc Đặng Triệu Hòa nhận Bằng khen của Bộ Công Thương do có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.

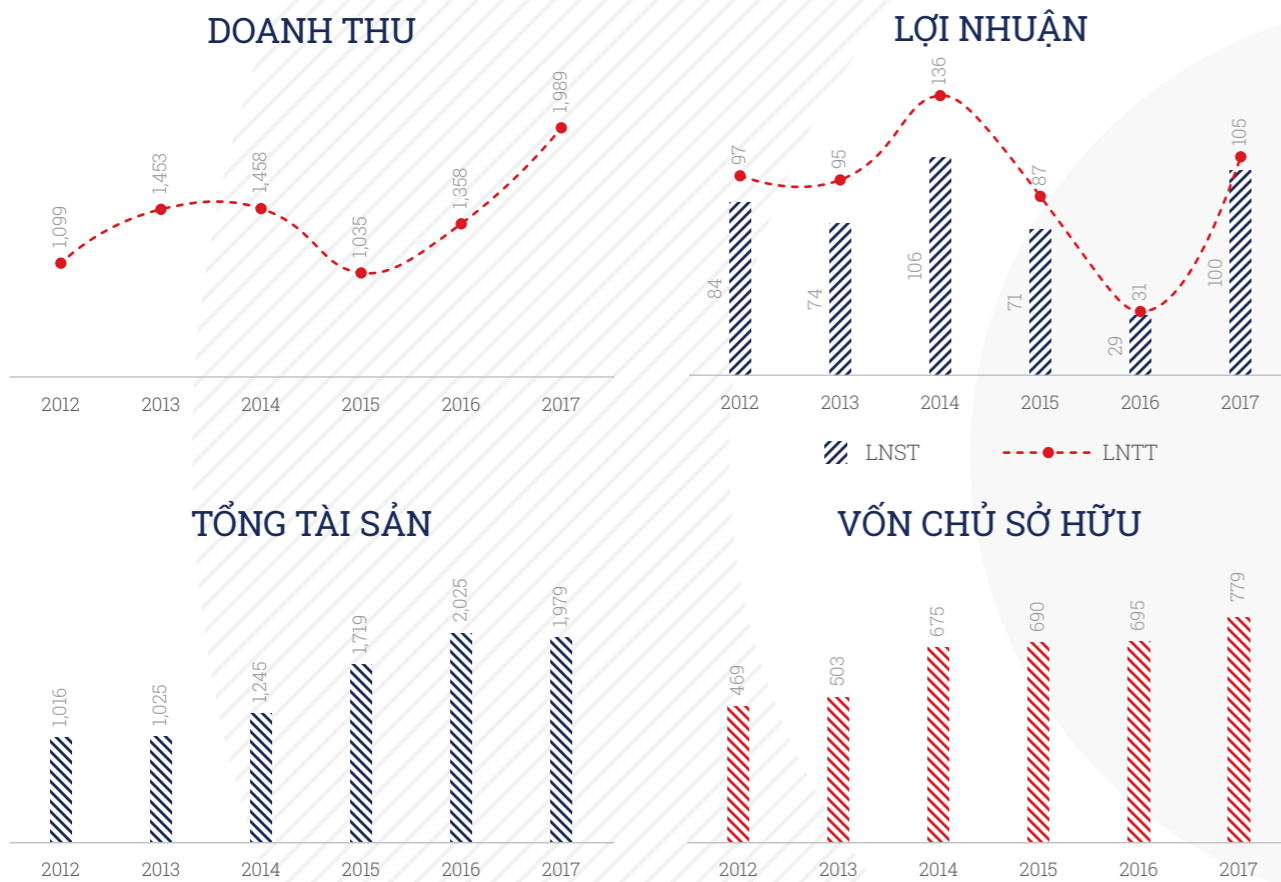
2005

- ♦ Bằng khen Ủy ban nhân dân TP.HCM do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2004.
- ♦ Giấy khen của Ban Quản lý các khu chế xuất - khu công nghiệp TP.HCM (HEPZA) do có thành tích đóng góp xây dựng và phát triển khu công nghiệp năm 2005.



CHỈ SỐ VỀ QUY MÔ CỦA STK

CHỈ SỐ VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ QUY MÔ HOẠT ĐỘNG



ROA **5.0%** | ROE **12.8%**

1. Tính đến ngày 05/02/2018:

415
cổ đông

2. Tổng số cổ phần:

59,937,798
cổ phần

THEO LOẠI CỔ PHẦN

Loại cổ phiếu	Số quyền biểu quyết tương ứng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ phiếu phổ thông	01 cổ phiếu : 01 quyền biểu quyết	59,937,798	100%
Cổ phiếu ưu đãi	/	0	0%
Cổ phiếu quỹ	/	0	0%
Tổng cộng		59,937,798	100%

3. Công ty không có cổ phiếu quỹ.

THEO ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU

ĐỐI TƯỢNG	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ/ Tổng số cổ đông	Số lượng CPSH	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
Nhà nước	0	0.0%	0	0.0%
Cổ đông nội bộ	52	12.5%	19,192,799	32.0%
HĐQT, BKS, BDH	5	1.2%	18,639,683	31.1%
CBCNV	47	11.3%	553,116	0.9%
CĐ bên ngoài	363	87.5%	40,744,999	68.0%
Cá nhân	319	76.9%	20,725,317	34.6%
Tổ chức	44	10.6%	20,019,682	33.4%
Tổng cộng	415	100.0%	59,937,798	100.0%

4. THEO ĐỊA LÝ

VỊ TRÍ	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ/ Tổng số cổ đông	Số lượng CPSH	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
Trong nước	376	90.6%	53,254,799	88.9%
Cá nhân	356	85.8%	39,602,277	66.1%
Tổ chức	20	4.8%	13,652,522	22.8%
Ngoài nước	39	9.4%	6,682,999	11.1%
Cá nhân	15	3.6%	315,839	0.5%
Tổ chức	24	5.8%	6,367,160	10.6%
Tổng cộng	415	100.0%	59,937,798	100.0%

5. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TRÊN 5% CỔ PHẦN CÔNG TY)

Tên cổ đông	Loại hình sở hữu	Quốc tịch	Cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp (%)
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu Tư Hướng Việt	Tổ chức	VN	12,083,414	20.16%	
Đặng Triệu Hòa	Cá nhân	VN	8,332,793	13.90%	
Đặng Mỹ Linh	Cá nhân	VN	5,112,168	8.53%	
Đặng Hương Cường	Cá nhân	VN	5,112,168	8.53%	
VietNam Holding Limited	Tổ chức	Cayman Islands	3,745,181	6.25%	
Tổng cộng			34,385,724	57.37%	

GIAO DỊCH CỔ ĐÔNG LỚN TRONG NĂM

STT	Người thực hiện giao dịch	Ngày thực hiện giao dịch	Chức danh	Cổ phiếu trước khi giao dịch	Cổ phiếu sau khi giao dịch	Lý do tăng giảm	Tỷ lệ nắm giữ sau khi giao dịch
1	Vietnam Holding Limited	29/08/2017	Cổ đông lớn	4,213,441	4,167,041	Bán 46,400 cổ phiếu cơ cấu danh mục đầu tư	6.95%

THÔNG TIN VỀ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Lĩnh vực kinh doanh

CTCP Sợi Thế Kỷ hoạt động trong ngành xơ, sợi dệt là một mắt xích trong chuỗi cung ứng của ngành dệt may. Công ty chủ yếu sản xuất sợi Polyester Filament, đây là loại sợi chiếm thị phần lớn nhất trong các loại sợi nhân tạo.



Sợi xơ dài
(DTY: Drawn Textured Yarn)

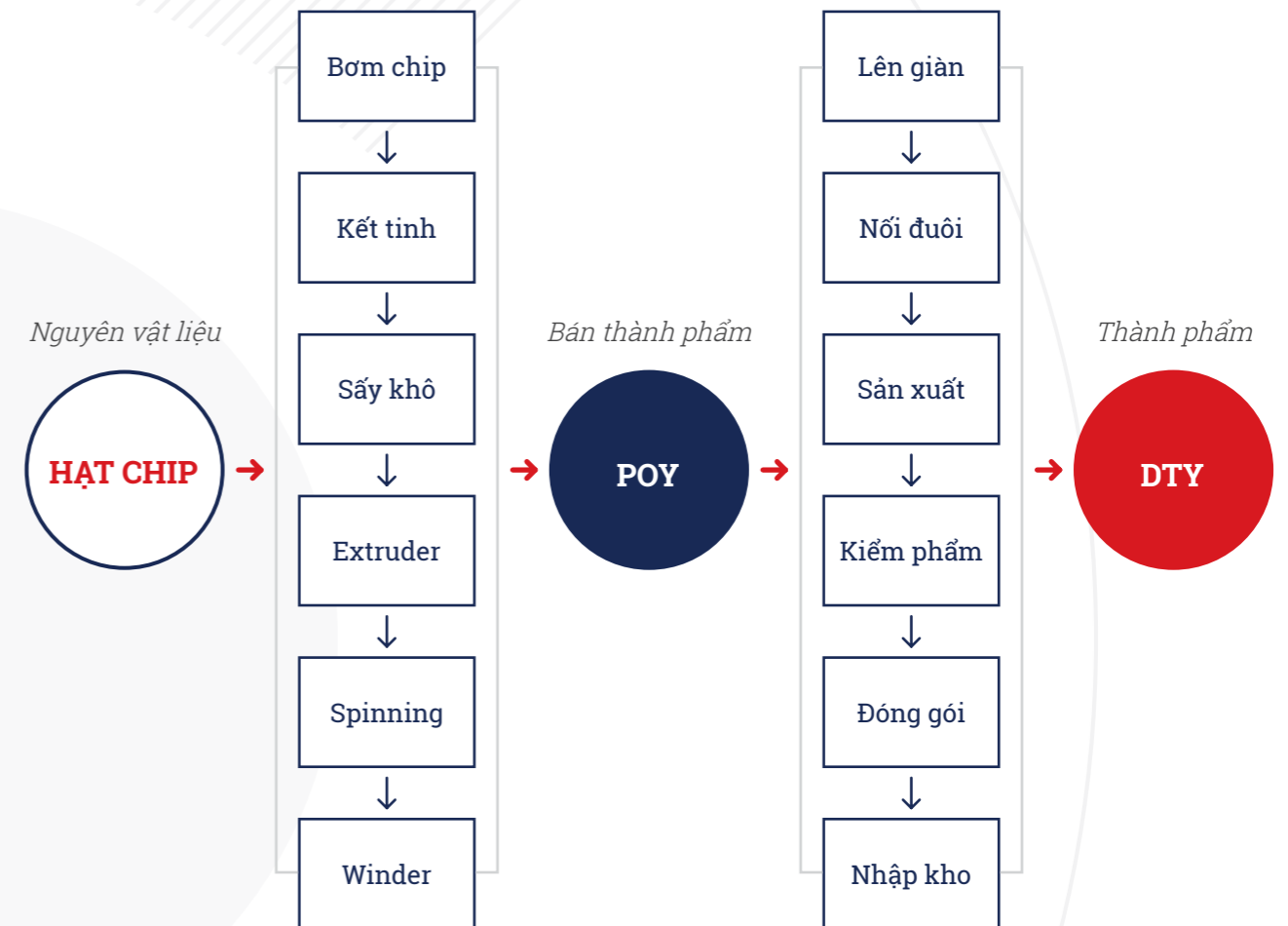
Sợi kéo duỗi hoàn toàn
(FDY: Fully Textured Yarn)

Quy mô sản xuất

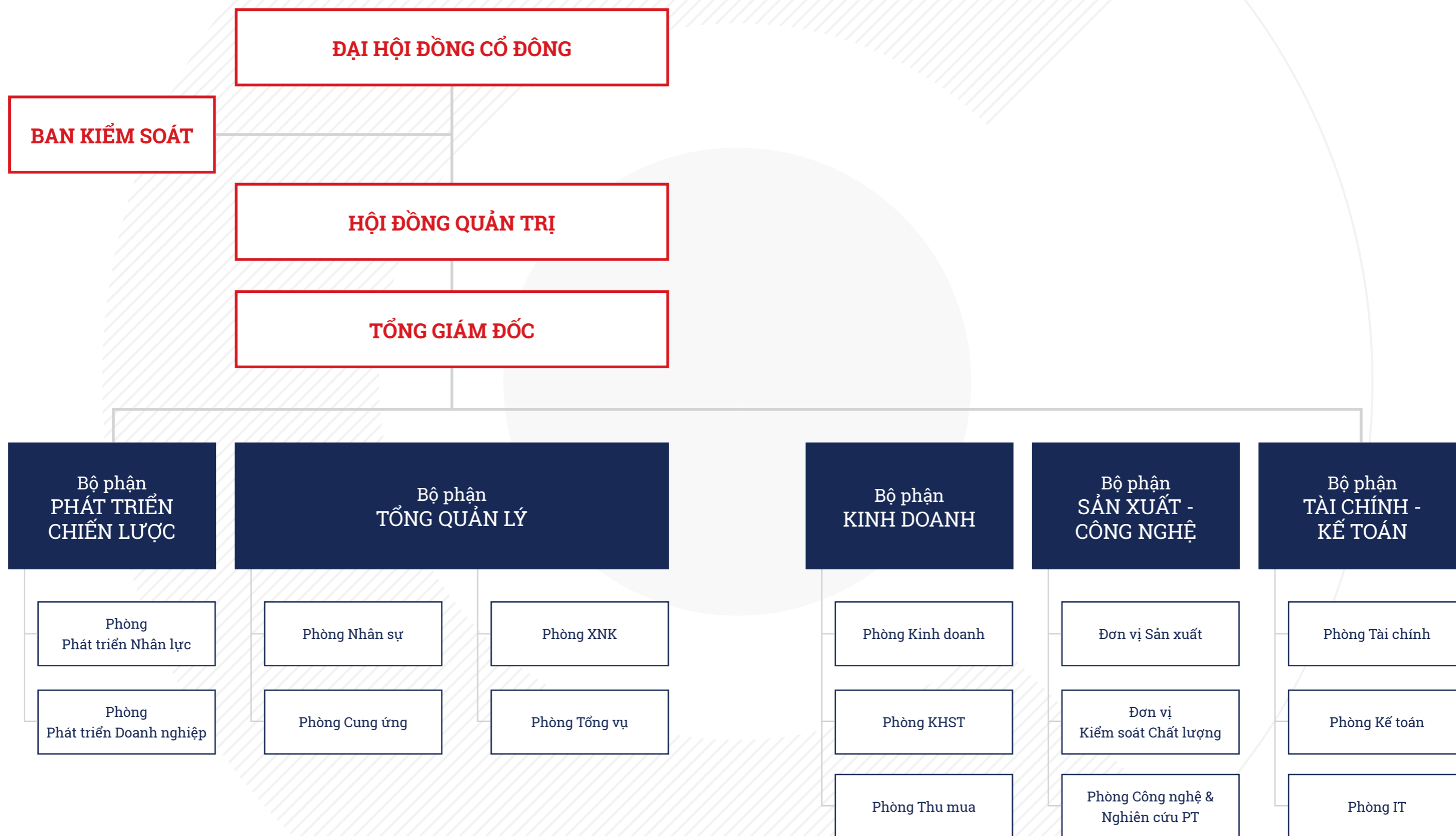
Công ty có 2 trụ sở nhà máy đặt tại Củ Chi và Trảng Bàng với trên tổng diện tích là 68.00 m2. Với việc không ngừng mở rộng, phát triển và gia tăng công suất, ở thời điểm 31/12/2017, tổng công suất của Công ty đã được nâng lên là 60,000 tấn sợi DTY và FDY. Năm 2018, Công ty sẽ triển khai dự án Trảng Bàng 5 và sẽ chính thức đưa dự án này vào hoạt động, nâng tổng công suất toàn công ty lên 63,300 tấn, ngoài ra còn tạo ra giá trị gia tăng cho Công ty với 1,500 tấn sản phẩm hạt nhựa tái chế.



QUI TRÌNH SẢN XUẤT SỢI TẠI STK



SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC



BAN QUẢN TRỊ CÔNG TY NHIỆM KỲ 2013 - 2018

1



Ông Đặng Triệu Hòa

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - 49 tuổi

Ông Đặng Triệu Hòa là người sáng lập Công ty từ năm 2000 và đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của STK.

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp sản xuất sợi, dệt may và am hiểu sâu sắc về công nghệ sản xuất và xu hướng ngành nghề sợi nói riêng và dệt may nói chung.

Ông đã từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á và Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú trước khi sáng lập STK.

Với vai trò Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") kiêm Tổng Giám đốc, Ông là người đóng vai trò quyết định trong công tác điều hành và định hướng phát triển của Công ty. Ông đã nhận được bằng khen của Bộ công thương vì thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007.

2



Ông Đặng Hương Cường

Thành viên Hội đồng Quản trị - 42 tuổi

Ông Đặng Hương Cường cũng là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, Ông Cường đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc của Công ty TNHH P.A.N Châu Á, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sợi.

3

Bà Đặng Mỹ Linh

Thành viên Hội đồng Quản trị - 46 tuổi

Bà Đặng Mỹ Linh là một trong những thành viên sáng lập của STK. Hiện tại, bà đang đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An từ năm 2001.

Trước đó, bà Linh đã công tác với thời gian 10 năm tại Công ty Worldtex Enterprise, một công ty dệt may của Đài Loan.



4

Bà Cao Thị Quế Anh

Thành viên Hội đồng Quản trị - 52 tuổi

Hiện tại Bà Quế Anh đang đảm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Xanh. Trước đó, Bà Quế Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính tại Cộng hòa Ba Lan và Việt Nam.



5

Ông Lee Chien Kuan

Thành viên Hội đồng Quản trị - 56 tuổi

Là một chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong ngành sợi và may mặc, Ông Lee Chien Kuan có những đóng góp tích cực cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.



BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Đặng Triệu Hòa

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Năm sinh: 1969

1

Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán

Quá trình làm việc:

- *Tháng 06/2000 - nay*: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, STK.
- *1995 - 2000*: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hoàn Á.
- *1991 - 1995*: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Việt Phú.

Bà Nguyễn Phương Chi

Giám đốc Chiến lược - Năm sinh: 1972

2

Trình độ học vấn: Thạc sỹ Tài chính Ứng dụng

Quá trình làm việc:

- *1/2000 - nay*: Giám đốc Chiến lược, STK
- *3/2008-12/2014*: Giám đốc Tư vấn Đầu tư, Công ty Cổ phần Quốc tế Trí Tín.
- *4/2005-2/2008*: Giám Đốc Dự án Cao cấp, Openasia Consulting Ltd.
- *10/2004-2/2005*: Chuyên viên Phát triển Doanh nghiệp, Chương trình Phát Triển Dự án Mê Kông ("MPDF").
- *10/2002-10/2004*: Chuyên viên Tài chính Cao cấp, Pricewaterhouse Coopers (Vietnam) Ltd.
- *3/1997-3/2000*: Trợ lý Luật sư, Công ty Luật Deacons Graham & James, chi nhánh Hà Nội.



Ông Nguyễn Thái Hùng

Giám đốc Tổng Quản lý - Năm sinh: 1956

3

Trình độ học vấn: Cử nhân Vật lý

Quá trình làm việc:

- *Tháng 02/2016 - nay*: Giám đốc Tổng quản lý
- *2011 - 2016*: Công ty CP KỸ VY: Giám Đốc Sản xuất.
- *2008 - 2010*: Công ty CP Sợi Thế Kỷ: Phó Tổng Giám Đốc.
- *2002 - 2008*: Công ty CP Tập đoàn Dệt May Thái Tuấn: Giám Đốc Nhà Máy Dệt 1 và Nhà Máy Dệt 2.
- *2001*: Công Ty TNHH SX - TM Thế Kỷ: Xưởng Trưởng.
- *1998 - 2000*: Công Ty TNHH Dệt May Thái Tuấn: Giám Đốc Nhà Máy Dệt.
- *1994 - 1998*: Công ty Sợi Liên Minh (Đài Loan, KCX Tân Thuận): Xưởng trưởng.
- *1982 - 1993*: Công ty Dệt Việt Thắng (Thủ Đức): Trưởng phòng Thí nghiệm Sợi.

Ông Phan Như Bích

Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng - Năm sinh: 1970

4

Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán

Quá trình làm việc:

- *Tháng 10/2016*: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng STK
- *Tháng 11/2010*: Kế toán trưởng, STK.
- *Tháng 03/2004 - 03/2010*: Kế toán, Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dệt May - Đầu tư - Thương Mại Thành Công.
- *1997 - 03/2004*: Kế toán tại Điện Lực tỉnh Bình Phước.



BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Tự Lực

Trưởng Ban kiểm soát - Năm sinh: 1952

1



Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán

Quá trình làm việc:

- 2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát, STK
- 2006 - nay: Trợ lý Tổng Giám đốc, STK
- 2000 - 2006: Kế toán trưởng, STK
- 1984 - 2000: Kế toán trưởng, Công ty XNK Giày dép Nam Á
- 1979 - 1984: Kế toán tổng hợp Công ty Khách sạn TP.HCM, Kế toán trưởng Khách sạn Sài Gòn

Ông Lê Anh Tuấn

Thành viên Ban kiểm soát - Năm sinh: 1951

2



Trình độ học vấn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình làm việc:

- 2013 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát, STK
- 1999 - 2012: Phó Ban Quản lý các KCX-KCN TP.HCM (HEPZA)
- 1998 - 1999: Chuyên viên, Ban tổ chức thành ủy TP.HCM

Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh

Thành viên Ban kiểm soát - Năm sinh: 1976

3



Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng. Sau đại học, Chuyên ngành Tài chính công, Trưởng Fulbright - John F. Kennedy School of Government thuộc Đại học Havard (Hoa Kỳ).

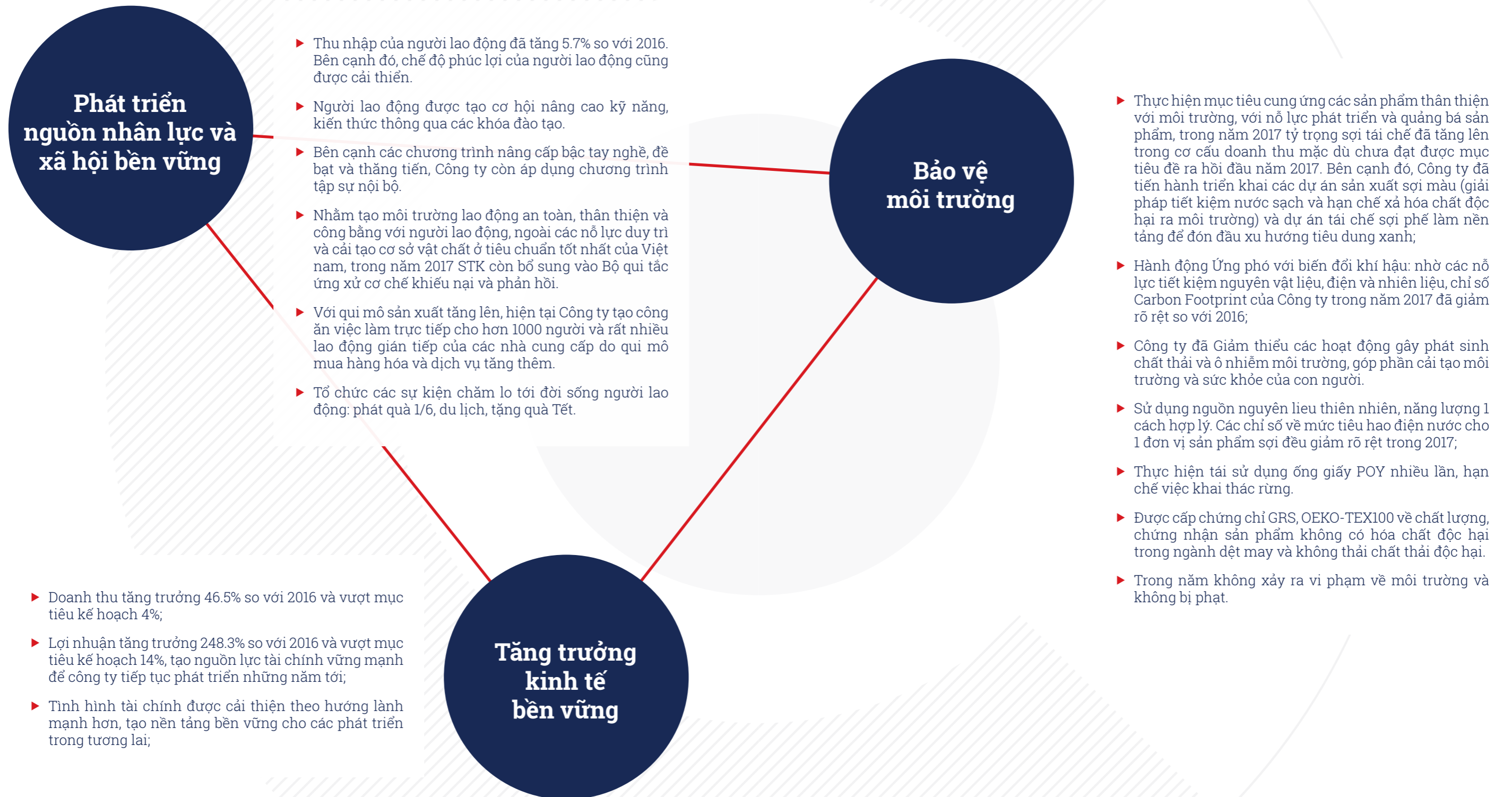
Quá trình làm việc:

- 2007 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát, STK
- 2006 - 2014: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Incomfish, Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè...
- 2004 - 2014: Giám đốc Dịch vụ Khách hàng Tổ chức kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ CÁC THÀNH TỰU PTBV 2017

Trong năm 2017, nỗ lực của toàn bộ tập thể CBCNV của Công ty, STK đã thực hiện những rất nhiều cải cách trong kinh doanh và đạt được những kết quả khả quan phù hợp với các mục tiêu PTBV trung dài hạn. Cụ thể:





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2017

Tổng quan về Báo cáo Phát triển bền vững 2017	40
Các giá trị đạo đức của Công ty	42
Nguyên tắc ứng xử với các bên liên quan	42
Cách thức xác định nội dung báo cáo	56
Bối cảnh phát triển bền vững của STK	56
Tham vấn các bên liên quan	57
Danh mục các rủi ro trọng yếu	64
Các chủ đề của Báo cáo phát triển bền vững	71
Đảm bảo báo cáo bởi bên thứ ba	72

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2017

Ngành dệt may hiện nay đang đóng một vai trò rất quan trọng là ngành xuất khẩu chủ lực cũng như sự đóng góp đáng kể cho nền phát triển kinh tế của Việt Nam. Được coi như là một trong những ngành có tỷ lệ đóng góp cao nhất vào GDP Việt Nam, tạo ra công ăn việc làm cho hàng triệu người lao động, chính vì thế ngành dệt may luôn được Chính phủ, các Bộ và ngành liên quan hỗ trợ và quan tâm trong việc tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện thuận lợi nhất để ngành dệt may phát triển một cách tối ưu. Là một mắt xích trong chuỗi cung ứng toàn cầu của ngành dệt may, Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của sự dịch chuyển của chuỗi cung ứng toàn cầu dưới tác động của các FTA. Trong các năm gần đây, ngành dệt may Việt Nam đã chứng kiến làn sóng đầu tư ồ ạt của các dự án FDI để đón đầu các FTAs, kéo theo đó là những nguy cơ tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, với mức độ thâm dụng lao động cao, ngành dệt may cũng thu hút sự chú ý của người tiêu dùng và cơ quan chính quyền về các trách nhiệm đối với người lao động.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành sợi, thuộc chuỗi cung ứng của ngành dệt may, STK luôn chú trọng và quan tâm đến chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp. Công ty đặt ra các mục tiêu tăng trưởng về kinh tế song song với các mục tiêu tuân thủ và cải thiện trách nhiệm với xã hội, cộng đồng và môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn luôn cam kết cho lợi ích cao nhất cho các bên liên quan khi đạt được các mục tiêu tăng trưởng vững chắc về doanh thu, lợi nhuận gắn liền với sự phát triển chung của nền kinh tế, xã hội và môi trường.

Năm 2017 là năm thứ ba Công ty STK lập báo cáo phát triển bền vững. Mục đích của việc thực hiện báo cáo là nhằm công bố kết quả cũng như việc đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đã đề ra trong năm 2017 và những mục tiêu, trách nhiệm của doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững trong năm 2018.

Báo cáo Phát triển bền vững 2017 của Sợi Thế Kỷ được lập dựa trên hướng dẫn tiêu chuẩn của Sáng kiến báo cáo toàn cầu GRI-G4.

Kỳ báo cáo	Báo cáo này được lập cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2017 (cùng niên độ Báo cáo thường niên năm 2017).
Chu kỳ báo cáo	Được lập theo định kỳ hàng năm.
Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi	Phòng Quan hệ cổ đông – CTCP Sợi Thế Kỷ Địa chỉ: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Email: ir@century.vn Điện thoại: (+84.66) 389 9537 (máy lẻ: 113)
Phạm vi và ranh giới của báo cáo	Báo cáo được lập tại Việt Nam, lĩnh vực ngành sợi, đối với hoạt động của CTCP Sợi Thế Kỷ.

NHỮNG ĐIỂM CẢI TIẾN TRONG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2017

Rút kinh nghiệm từ Báo cáo phát triển bền vững 2016, trong báo cáo lần này Công ty đã có một số cải tiến như sau:

- 1 **Bổ sung mục tiêu phát triển trung và dài hạn của công ty**
- 2 **Bổ sung đánh giá thực hiện mục tiêu PTBV 2017 của Ban điều hành**
- 3 **Bổ sung bản tham chiếu mục tiêu phát triển bền vững**
- 4 **Mô tả chi tiết chính sách đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng của công ty**
- 5 **Mô tả chi tiết đánh giá tác động, ảnh hưởng của các bên liên quan tới và từ STK**
- 6 **Bổ sung về các rủi ro trọng yếu về môi trường và phát triển bền vững, giải pháp khắc phục, giảm thiểu rủi ro;**
- 7 **Bổ sung bản quy chuẩn văn hóa trong công ty**
- 8 **Bổ sung thêm thông tin về nội dung trách nhiệm đối với người lao động**
- 9 **Cung cấp thêm thông tin về các nỗ lực xây dựng các tiểu ban của HĐQT;**

CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA CÔNG TY

Các thành viên STK cam kết sẽ:

- ♦ Tuân thủ luật pháp, hiến pháp của nhà nước Việt Nam.
- ♦ Tuân thủ những quy định, quy chế theo Điều lệ Công ty, các Nguyên tắc quản trị và các quy định khác mà Công ty đã ban hành.
- ♦ Đề cao tính bảo mật thông tin, quản lý và sử dụng các nguồn lực hiệu quả, có ý thức bảo vệ tài sản Công ty.
- ♦ Hành động vì lợi ích tối ưu của Công ty và hạn chế tối đa mâu thuẫn quyền lợi với Công ty.
- ♦ Có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng địa phương nơi Công ty hoạt động.
- ♦ Cạnh tranh công bằng, lành mạnh, đảm bảo các thông tin được cung cấp chính xác, kịp thời, tránh gây thiệt hại đến quyền lợi và lợi ích của các bên liên quan.
- ♦ Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng.

Xem người lao động là tài sản quý giá, luôn tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm chăm sóc, chú trọng đến việc đào tạo, phát triển năng lực người lao động.

NGUYÊN TẮC ĐỐI XỬ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nguyên tắc đối xử với cổ đông - nhà đầu tư

Cổ đông là bên liên quan quan trọng của Công ty. Chính vì thế mối quan hệ giữa STK và cổ đông được đặc biệt chú trọng hàng đầu. STK luôn gắn kết lợi ích của cổ đông với sự phát triển bền vững của Công ty. STK cam kết:

- ♦ Đặt lợi ích của cổ đông lên hàng đầu, ngăn chặn những xung đột lợi ích, đảm bảo cho cổ đông một kênh đầu tư an toàn, chính sách cổ tức hấp dẫn, sinh lợi bền vững.
- ♦ Cung cấp cho cổ đông các kênh thông tin đa dạng, hiệu quả. STK luôn đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về công bố thông tin như minh bạch, chính xác, kịp thời và rõ ràng.
- ♦ Đảm bảo đối xử công bằng với tất cả các cổ đông.
- ♦ Đảm bảo việc bảo mật thông tin của nhà đầu tư, cổ đông trừ trường hợp được sự cho phép của người có liên quan hoặc yêu cầu của cơ quan luật pháp.

Nguyên tắc đối xử với khách hàng

Mọi hoạt động của Công ty đều hướng đến việc xây dựng niềm tin với khách hàng, đặt uy tín và chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, không ngừng vun đắp xây dựng mối quan hệ với khách hàng bằng những hành động cụ thể như chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng phù hợp với chuẩn mực chung hai bên đã thỏa thuận.

- ♦ Công ty cam kết đối xử công bằng, chính trực với tất cả khách hàng, luôn trân trọng khách hàng, xây dựng mối quan hệ trên cơ sở đôi bên cùng có lợi và phát triển.
- ♦ Hướng tới mục tiêu xây dựng và duy trì sự hài lòng của khách hàng ở mức cao nhất, thiết lập mối quan hệ bền vững với khách hàng thông qua việc tạo ra những sản phẩm chất lượng tốt với mức giá cạnh tranh, giao hàng đúng hạn và đúng số lượng, dịch vụ hậu mãi tốt.
- ♦ Liên tục cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm, tạo điều kiện tối ưu cho sự lựa chọn của khách hàng.
- ♦ Bảo vệ thông tin khách hàng.

Nguyên tắc đối xử với cán bộ công nhân viên

Trên cơ sở hệ giá trị của STK "Cùng nhau phát triển: Gắn kết sự phát triển của STK với cộng đồng và mỗi người trong STK", STK luôn xem người lao động là tài sản quý giá. Công ty luôn tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm chăm sóc đến nhân viên, chú trọng đến việc đào tạo, tạo cơ hội phát triển năng lực người lao động.

- ♦ Công ty xây dựng chính sách lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh, cam kết thực hiện đầy đủ các lợi ích và quyền lợi chính đáng cho người lao động theo đúng nội dung "Thỏa ước lao động tập thể" đã được ký kết, thực hiện đúng quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước.
- ♦ Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.
- ♦ Công ty cam kết không phân biệt đối xử với người lao động.
- ♦ Công ty cam kết đảm bảo cho người lao động làm việc trong môi trường an toàn, được chăm lo sức khỏe và được hưởng các chế độ theo đúng quy định. Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo, tạo điều kiện thăng tiến cho nhân viên.
- ♦ Công ty thực hiện đánh giá kết quả công việc, khuyến khích nhân viên phản hồi, chia sẻ nguyện vọng và ý kiến để đóng góp cho sự phát triển của công ty.

Nguyên tắc ứng xử đối với các đối tác, nhà cung cấp

- ♦ Công ty cam kết đối xử công bằng với tất cả các nhà cung ứng, hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, tránh những xung đột lợi ích thực sự hoặc tiềm ẩn với các nhà cung cấp.
- ♦ Công ty luôn tuân thủ các quy định về đấu thầu, đàm phán, ký hợp đồng.
- ♦ Công ty cam kết không tiết lộ những thông tin bí mật của nhà cung ứng cho đối thủ cạnh tranh của nhà cung ứng.

Nguyên tắc đối xử với Đối thủ cạnh tranh

STK luôn hướng đến việc nâng cao hình ảnh, vị thế của Công ty trong ngành, xác định mục tiêu cạnh tranh công bằng trên cơ sở chất lượng vượt trội và giá bán hợp lý. Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc cạnh tranh sau:

- ♦ Cạnh tranh công bằng, minh bạch, hợp pháp: không đưa ra những nhận xét về sản phẩm hay dịch vụ của đối thủ cạnh tranh một cách không chính xác hay không trung thực, không tham gia vào các hoạt động nhằm phá hoại đối thủ cạnh tranh.
- ♦ Công ty cam kết chỉ sử dụng những phương tiện hợp pháp để lấy thông tin mang tính cạnh tranh, tuyệt đối không sử dụng những cách thức không phù hợp hoặc trái giá trị đạo đức.

Nguyên tắc ứng xử với Chính phủ, Bộ ngành liên quan

- ♦ Công ty cam kết tuân thủ luật pháp, hiến pháp của nhà nước Việt Nam.
- ♦ Công ty không thực hiện những hành vi tiêu cực để đạt được những ưu đãi, lợi ích đặc biệt từ chính quyền, cơ quan nhà nước.
- ♦ Công ty đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ thuế và đóng góp ngân sách cho địa phương theo quy định hiện hành.

Nguyên tắc ứng xử với báo chí và các cơ quan truyền thông

- ♦ Danh tiếng, uy tín của Công ty là tài sản quan trọng mà tất cả mọi nhân viên đều có nghĩa vụ phải giữ gìn và phát huy.
- ♦ Chúng ta làm việc với truyền thông để hỗ trợ họ hiểu về doanh nghiệp và đảm bảo rằng mọi thông tin chúng ta cung cấp là minh bạch, chính xác, không sai lệch.
- ♦ Bộ phận Quan hệ cổ đông (IR) chịu trách nhiệm phản hồi, cung cấp thông tin trên các phương tiện truyền thông. Các bộ phận khác không được tự ý tiếp xúc, trả lời các vấn đề liên quan đến Công ty.

Từ năm 2016, Công ty đã tiến hành cải thiện Bộ quy tắc ứng xử để đưa vào thực tế áp dụng. Dựa trên những nguyên tắc cơ bản ban đầu, Công ty đưa ra hướng dẫn cụ thể để xác định một cá nhân có vi phạm quy tắc ứng xử của Công ty hay không, đồng thời thiết lập nên cơ chế kiểm soát tuân thủ, thực hiện cải tiến và phản hồi thông tin đối với những vấn đề liên quan đến Bộ quy tắc ứng xử.

ĐỊNH HƯỚNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN GIAI ĐOẠN 2018-2023

Trong những năm gần đây khái niệm và định hướng phát triển bền vững đã và đang ngày càng trở thành một yếu tố cốt lõi quan trọng đối với chiến lược duy trì sự thịnh vượng và lâu dài của doanh nghiệp. STK là một trong những công ty hàng đầu trong ngành sợi dệt ở Việt Nam, Công ty ưu tiên tập trung phát triển kinh doanh kết hợp nâng cao chất lượng và tính gắn kết với lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội trọng định hướng phát triển của doanh nghiệp. Với tầm nhìn "Trở thành doanh nghiệp toàn cầu đứng hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành nghề có liên quan với ngành cốt lõi." STK xây dựng mô hình phát triển bền vững dựa theo việc tạo ra các giá trị ảnh hưởng tích cực đến nhóm liên quan: Công ty, xã hội và môi trường. STK quan tâm chú trọng phát triển kinh tế doanh nghiệp song song với bảo vệ các mục tiêu, quyền lợi đến cộng đồng xã hội.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG HẠN 2018-2023

Tiếp tục mở rộng sản xuất nhằm đạt lợi thế về qui mô. Phát triển các sản phẩm/dự án thân thiện với môi trường. Tăng tỷ trọng sợi tái chế lên 30% vào năm 2020. Phát triển chuỗi sản xuất theo chiều dọc nhằm tối ưu hóa kết quả hoạt động. Không ngừng hoàn thiện chính sách, cải tiến qui trình quản lý sản xuất và kinh doanh để nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và tăng kết quả hoạt động. Xây dựng đội ngũ lao động lành nghề thông qua việc tiếp tục đào tạo chuyên môn, hoàn thiện chính sách nhân sự, kế hoạch đào tạo đội ngũ kế cận và xây dựng văn hóa doanh nghiệp lành mạnh. Dự kiến thực hiện kế hoạch phát hành ESOP để gắn kết sự phát triển của công ty với người lao động.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN HẠN 2018 -2020

Tiếp tục đẩy mạnh việc quảng bá và bán hàng sản phẩm sợi Recycled và nâng cao chất lượng sản phẩm. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới có tính năng vượt trội như sợi hút ẩm, sợi co giãn, sợi CD, sợi doped dye. Triển khai dự án sợi màu nhằm tiết kiệm nguồn nước sử dụng, giảm thiểu việc xả hóa chất độc hại ra môi trường. Triệt để tuân thủ các tiêu chuẩn sản xuất của REACH 168 và OEKO-TEX 100 nhằm vệ sức khỏe khách hàng tiêu dùng. Đa dạng hóa danh mục khách hàng nhằm giảm thiểu rủi ro phải lệ thuộc vào một vài khách hàng.

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp Quốc, STK đã lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2018-2023 của doanh nghiệp bao gồm:

Bảo vệ môi trường

- ▶ Phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường,
- ▶ Hạn chế sự tiêu hao các nguồn tài nguyên thiên nhiên;
- ▶ Không gây ô nhiễm môi trường



Phát triển nguồn nhân lực và xã hội bền vững

- ▶ Lương và thu nhập thỏa đáng;
- ▶ Cơ hội phát triển và thăng tiến;
- ▶ Môi trường làm việc an toàn, thân thiện và công bằng;
- ▶ phát triển kinh tế và xã hội của địa phương và cộng đồng dân cư;



Tăng trưởng kinh tế bền vững

- ▶ Tăng trưởng doanh thu ổn định;
- ▶ Tăng trưởng lợi nhuận ổn định
- ▶ Tình hình tài chính lành mạnh



Bảo vệ môi trường bền vững

- ♦ Phát triển doanh nghiệp bền vững dựa trên nền tảng bảo vệ môi trường xanh.

Nước sạch và điều kiện vệ sinh tốt



- ♦ Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người.
- ♦ Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người.
- ♦ Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng các công trình và điều kiện vệ sinh phù hợp cho tất cả mọi người, đặc biệt chú ý đến nhu cầu của phụ nữ, trẻ em gái, người khuyết tật và đối tượng dễ bị tổn thương; chấm dứt đi vệ sinh ngoài trời; 100% số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh.
- ♦ Đến năm 2030, cải thiện chất lượng nước, kiểm soát được các nguồn gây ô nhiễm; chấm dứt việc sử dụng các loại hóa chất độc hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học; 100% nước thải nguy hại được xử lý; giảm một nửa tỷ lệ nước thải đô thị chưa qua xử lý; tăng cường tái sử dụng nước an toàn.
- ♦ Đến năm 2030, tăng đáng kể hiệu quả sử dụng nước trong tất cả các lĩnh vực, đảm bảo nguồn cung nước sạch bền vững nhằm giải quyết tình trạng khan hiếm nước.

- ♦ Công ty cũng bố trí 50 nhà vệ sinh riêng biệt cho nam và nữ tại 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, đảm bảo tuân thủ theo quy định 20 nhân viên/ca/nhà vệ sinh theo tiêu chuẩn 3733 của nhà nước.
- ♦ Các nhà vệ sinh đều được cung cấp nước sạch, trang bị giấy vệ sinh và xà bông rửa tay, được nhân viên vệ sinh quét dọn sạch sẽ hàng ngày.
- ♦ Công ty cũng không sử dụng hóa chất độc hại trong sản xuất được chứng nhận bởi tổ chức uy tín trên thế giới (vd: chứng chỉ REACH STK đã đạt được trong 2017), OEKO-TEX 100.
- ♦ Định kỳ hàng quý và 6 tháng công ty tiến hành quan trắc chất lượng nước thải và đo kiểm tác động môi trường nhằm mục tiêu giám sát và kịp thời đưa ra các biện pháp phù hợp góp phần làm giảm thiểu tác động đến chất lượng nguồn nước.
- ♦ Ngoài ra Công ty thường xuyên tuyên truyền và phổ biến chính sách tiết kiệm nước trong Công ty, và sử dụng nước tiết kiệm để bảo vệ nguồn nước

- ♦ Theo dõi, giám sát các báo cáo về môi trường để có biện pháp phòng ngừa.
- ♦ Tiếp tục triển khai dự án sọt màu và hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để đưa vào sản xuất chính thức. Tăng tỷ trọng sản xuất sọt tái chế từ 6% lên mục tiêu 30% năm 2020.

Năng lượng sạch và giá hợp lý



- ♦ Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người.
- ♦ Đến năm 2030, tăng gấp đôi tốc độ cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng; giảm tiêu thụ điện 10% so với kịch bản cơ sở.

- ♦ Bên cạnh việc đầu tư các máy móc tiết kiệm năng lượng, Công ty thường xuyên kiểm tra việc sử dụng năng lượng và thực hiện các giải pháp để tiết kiệm năng lượng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn năng lượng.
- ♦ Xây dựng thói quen tiết kiệm năng lượng trong ý thức của CBCNV thông qua việc tắt bớt các thiết bị điện không cần thiết và sau sử khi sử dụng.
- ♦ Định kỳ hàng năm Công ty luôn đề ra các giải pháp liên tục tiết kiệm năng lượng và định kỳ hàng tháng đều có chỉ tiêu, báo cáo để kiểm soát và kịp thời đề ra các giải pháp khắc phục hiệu quả.

Ứng phó biến đổi khí hậu



- ♦ Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai.

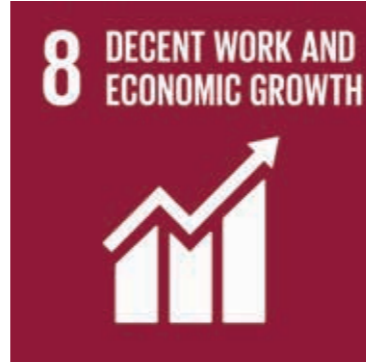
- ♦ Nhận thức được tác động tiêu cực của khí nhà kính, từ năm 2016 STK đã tiến hành đo lường carbon footprint và đề ra biện pháp để giảm thiểu lượng khí thải như ngưng các loại xe gây ô nhiễm, phát thải nhiều, tiết kiệm điện, xăng, dầu DO, phối hợp đơn hàng và các bộ phận đi công tác để giảm thiểu việc sử dụng phương tiện vận tải

Lĩnh vực	Định hướng thực hiện	Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc	Định hướng mục tiêu phát triển bền vững quốc gia của Việt Nam đến 2030	Hành động đóng góp của Công ty STK hướng tới mục tiêu phát triển bền vững	Mục tiêu 2018-2020
Phát triển nguồn nhân lực và xã hội bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Lấy mục tiêu nhân viên chính là tài sản của Công ty, Công ty luôn chú trọng phát triển nguồn nhân lực. Đảm bảo môi trường lao động an toàn cho CBCNV. 	Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc	<ul style="list-style-type: none"> Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi. Đến năm 2030, giảm 20 - 25% tỷ lệ tử vong trước 70 tuổi do các bệnh không lây nhiễm (NCDs) thông qua dự phòng và điều trị, nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất. Tăng cường dự phòng và điều trị lạm dụng các chất gây nghiện, bao gồm lạm dụng ma túy và sử dụng các đồ uống có cồn ở mức gây hại. Đến năm 2030, giảm đáng kể số ca mắc bệnh và tử vong do các hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất. 	<ul style="list-style-type: none"> STK luôn nỗ lực trong việc bảo đảm an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe (công ty có phòng y tế cho người lao động được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, thuốc và dụng cụ y tế với 1 cán bộ y tế chuyên trách). Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV) hàng năm, gửi những công nhân bị phát hiện có vấn đề sức khỏe tới trung tâm y tế chuyên khoa để thăm khám, chữa bệnh và theo dõi liên tục 6 tháng. Ngoài ra, Công ty không sử dụng hóa chất độc hại trong quá trình sản xuất để bảo vệ sức khỏe người lao động và người tiêu dùng. Công ty nghiêm túc thực hiện các quy định về phòng chống việc sử dụng các chất kích thích, ma túy trong Công ty. Ban lãnh đạo quản lý chặt chẽ và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. 	<ul style="list-style-type: none"> Duy trì các chương trình nâng cao tay nghề, ý thức trân trọng sản phẩm, bảo đảm an toàn lao động đến đội ngũ sản xuất. Đào tạo quản lý cấp cơ sở, cấp trung và cấp cao để quản lý sâu sát, kịp thời đến từng CBCNV một cách toàn diện. Chú trọng công tác lựa chọn nguồn tuyển dụng có chất lượng cao.
		Xoá nghèo			



Phát triển nguồn nhân lực và xã hội bền vững (tiếp theo)

Việc làm tốt và phát triển kinh tế



- Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người.
- Đến năm 2030, giảm đáng kể tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc đào tạo. Chủ động thực hiện hiệu quả Hiệp ước Việc làm Toàn cầu của ILO.
- Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động, đặc biệt là lao động nữ di cư và lao động làm trong khu vực phi chính thức.

- Công ty đảm bảo mức lương thưởng và phụ cấp ở STK luôn được duy trì ở mức cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành và trong cùng địa bàn khu vực.
- Mức tăng lương bình quân của STK trong các năm luôn cao hơn mức độ tăng GDP của cả nước và tỷ lệ lạm phát.
- Bên cạnh môi trường làm việc tiện nghi và an toàn/vệ sinh, STK còn xây dựng một văn hóa doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để người lao động có thể làm việc hiệu quả nhất và hài lòng nhất.
- Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức.

Hòa bình công lý và thể chế hiệu quả



- Thúc đẩy xã hội hòa bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp.
- Thúc đẩy pháp quyền, đảm bảo tiếp cận công lý bình đẳng cho tất cả mọi người
- Giảm đáng kể mọi loại hình tham nhũng và hối lộ.
- Xây dựng các thể chế minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp.

- STK luôn cam kết hành động chính trực. Công ty có chính sách và biện pháp để ngăn chặn các hành vi tham nhũng, hối lộ và trốn thuế.
- Đảm bảo tính minh bạch thông qua cam kết thực hiện việc công bố thông tin minh bạch và chính xác.
- Tuân thủ và ủng hộ các quy định chính sách pháp luật do nhà nước đề ra.

Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm

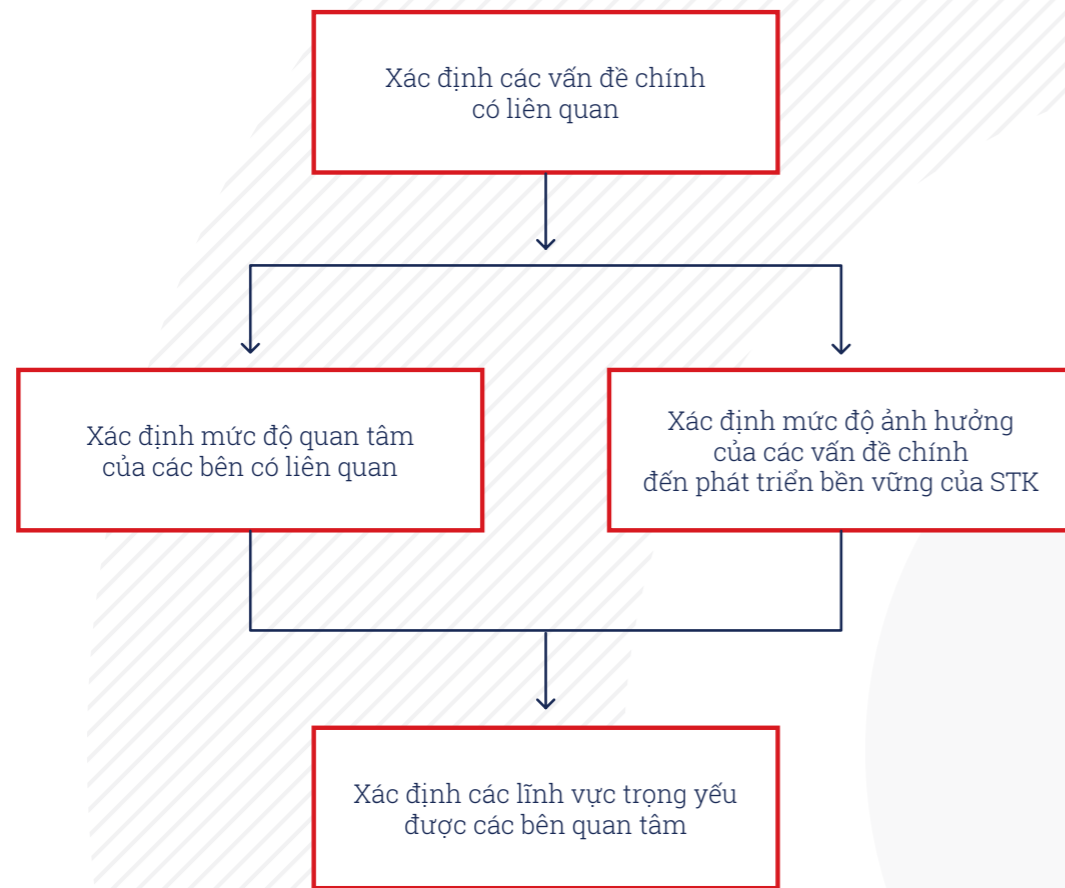


- Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững.
- Đạt được quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản.
- Đến năm 2030, giảm đáng kể lượng chất thải phát sinh, tăng cường giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên chất thải thông qua việc phòng ngừa, giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng, thu hồi năng lượng từ xử lý chất thải.
- Khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp áp dụng các thông lệ bền vững, bao gồm công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người nghèo và nhóm dân cư yếu thế; tích hợp các thông tin về tính bền vững vào báo cáo định kỳ của mình.

- Với mong muốn bảo vệ môi trường và bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên, STK đã triển khai sản xuất sợi sử dụng nguyên liệu tái chế góp phần giảm thiểu sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên trong quá trình sản xuất.
- Thêm vào đó, Công ty cũng có các biện pháp để tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước sạch (tái sử dụng nước hồ AC), tái sử dụng ống giấy POY, khuyến khích tái chế rác thải (thùng phuy sắt và nhựa) giảm thiểu chi phí đầu vào, tác động đến nguồn tài nguyên thiên nhiên và nâng cao giá trị gia tăng cho Công ty.
- STK cũng ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp đáp ứng được các tiêu chuẩn sản xuất và tiêu dùng bền vững về môi trường, trách nhiệm xã hội và chiến lược bền vững.

Lĩnh vực	Định hướng thực hiện	Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc	Định hướng mục tiêu phát triển bền vững quốc gia của Việt Nam đến 2030	Hành động đóng góp của Công ty STK hướng tới mục tiêu phát triển bền vững	Mục tiêu 2018-2020
<p>Tăng trưởng kinh tế bền vững</p> <ul style="list-style-type: none"> Đóng góp cho sự phát triển kinh tế tại địa phương. Bảo vệ môi trường sản xuất tại địa phương. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Khu công nghiệp. 		<p>Công nghiệp đổi mới và cơ sở hạ tầng</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới 	<ul style="list-style-type: none"> Là một công ty sản xuất sản phẩm công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt may, STK đã và đang góp phần thúc đẩy sự phát triển ngành dệt may Việt nam cũng như tạo ra rất nhiều công việc làm trực tiếp và gián tiếp cho cộng đồng địa phương đóng góp vào sự phát triển cơ sở hạ tầng cũng như đổi mới chất lượng cuộc sống của người dân địa phương. STK cũng liên tục đầu tư để tạo ra các sản phẩm mới, có giá trị gia tăng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xu hướng tiêu dùng xanh như sợi tái chế, sợi chông ẩm, sợi màu, góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên (dầu mỏ, nguồn nước). 	<ul style="list-style-type: none"> Đào tạo và nâng cao chất lượng nhân lực tại địa phương.
		<p>Việc làm tốt và phát triển kinh tế</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người. Đến năm 2030, giảm đáng kể tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không đi học hoặc đào tạo. Chủ động thực hiện hiệu quả Hiệp ước Việc làm Toàn cầu của ILO. Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động, đặc biệt là lao động nữ di cư và lao động làm trong khu vực phi chính thức. 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty đảm bảo mức lương thưởng và phụ cấp ở STK luôn được duy trì ở mức cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành và trong cùng địa bàn khu vực. Mức tăng lương bình quân của STK trong các năm luôn cao hơn mức độ tăng GDP của cả nước và tỷ lệ lạm phát. Bên cạnh môi trường làm việc tiện nghi và an toàn/vệ sinh, STK còn xây dựng một văn hóa doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để người lao động có thể làm việc hiệu quả nhất và hài lòng nhất. Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức. 	<ul style="list-style-type: none"> Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động ở Củ Chi và Trảng Bàng. Theo dõi và giám sát báo cáo môi trường để kịp thời giải quyết các vấn đề về môi trường (nếu có). Tuân thủ pháp luật hiện hành, đảm bảo minh bạch trong thông tin và hoạt động kinh doanh, tích cực chống tham nhũng, hối lộ.
		<p>Hòa bình công lý và thể chế hiệu quả</p> 	<ul style="list-style-type: none"> Thúc đẩy xã hội hòa bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp. Thúc đẩy pháp quyền, đảm bảo tiếp cận công lý bình đẳng cho tất cả mọi người Giám đàng kể mọi loại hình tham nhũng và hối lộ. Xây dựng các thể chế minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm giải trình ở tất cả các cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> STK luôn cam kết hành động chính trực. Công ty có chính sách và biện pháp để ngăn chặn các hành vi tham nhũng, hối lộ và trốn thuế. Đảm bảo tính minh bạch thông qua cam kết thực hiện việc công bố thông tin minh bạch và chính xác. Tuân thủ và ủng hộ các quy định chính sách pháp luật do nhà nước đề ra. 	

CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH PHẠM VI BÁO CÁO, GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU



Bối cảnh phát triển bền vững của STK:

Nền kinh tế thế giới trong năm 2017 đồng loạt khởi sắc từ đầu tàu kinh tế thế giới tới các nước phát triển và mới nổi đều được ghi nhận lại các hoạt động kinh tế khả quan hơn so với các dự báo ban đầu đầu năm 2017. Không chỉ Mỹ, mà các nước châu Âu, Nhật Bản, những nền kinh tế vốn được xem là có tốc độ tăng trưởng chậm trong nhiều năm vừa qua, cũng có những bước nhảy vọt và trở thành động lực thúc đẩy cho nền kinh tế của toàn cầu trên nhiều lĩnh vực trong đó có ngành dệt may.

Từ bối cảnh khả quan từ nền kinh tế thế giới và nhu cầu hàng hóa tăng tích cực trong 12 tháng 2017. Kim ngạch xuất khẩu ngành xơ sợi của Việt Nam trong 2017 đạt 1.35 triệu tấn trị giá 3,59 tỷ USD, tăng 15,6% về lượng và 22,7% về trị giá so với năm ngoái. Cụ thể xuất khẩu đến Hàn Quốc đạt 319 triệu USD, tăng 20,5% và Nhật Bản đạt 66.5 triệu USD, tăng 31,8% so với năm ngoái. Dự kiến theo số liệu thống kê về kim ngạch xuất khẩu ngành xơ sợi của Việt Nam, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của ngành sẽ tăng 22,7% hàng năm mở ra tiềm năng lớn trong phát triển nền kinh tế và kinh doanh của công ty. Trong năm 2017 so với các đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Indonesia, Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất.

Yêu cầu của người tiêu dùng và các nhãn hàng lớn đối với trách nhiệm bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam ngày càng khắt khe... Vì vậy, để đáp ứng mong đợi này của khách hàng, các thương hiệu lớn đã đưa ra các chính sách rất khắt khe về bảo vệ môi trường và mục tiêu phát triển bền vững; ví dụ như Nike, Puma, Adidas,... đã thực hiện phân tích đánh giá tuân thủ trách nhiệm xã hội, môi trường và mức độ cải tiến kỹ thuật sản xuất của nhà cung ứng về chỉ số xanh, các khía cạnh môi trường nước thải, khí thải, nhiệt độ và các mục tiêu, chương trình nhằm giảm thiểu nguồn năng lượng tiêu thụ, cũng như các yêu cầu ràng buộc về việc sử dụng nguồn nguyên vật liệu không gây hại ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, doanh nghiệp Việt cần phải nâng cao tối đa trách nhiệm đối với người lao động, cộng đồng xã hội. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực rất nhiều từ các doanh nghiệp Việt.

Có lẽ chưa bao giờ mà các vấn đề về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững được Thế giới nói chung và Việt Nam quan tâm như hiện nay. Tại Hội nghị về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc 2015, COP21 được tổ chức ở Paris từ ngày 30/11 đến 12/12/2015, 195 quốc gia tham gia đã tập trung thảo luận và đi đến một thỏa thuận chung thống nhất. Đến ngày 5/10/2016, Hiệp định Paris đã đạt được ngưỡng quy định cần thiết để có thể bắt đầu chính thức có hiệu lực vào ngày 4/11/2016. Đây là lần đầu tiên một hiệp ước quốc tế nhận được sự tham gia mạnh mẽ và nhanh chóng, cho thấy sự ủng hộ đặc biệt của cộng đồng quốc tế đối với các vấn đề về khí hậu. Một số nội dung chính của Hiệp định đó là cam kết của các quốc gia về việc giảm khí thải nhà kính, chuyển đổi từ sử dụng năng lượng hóa thạch sang các nguồn năng lượng sạch thay thế nhằm hướng tới nền kinh tế phát thải khí thấp và hạn chế mức tăng nhiệt độ Trái Đất không quá 2°C so với thời kỳ tiền Cách mạng công nghiệp.

Việt Nam trong năm 2017 vừa qua đã chứng kiến sự tác động mạnh mẽ từ biến đổi khí hậu như thời tiết từ đầu năm 2017 ngày càng bất thường, hạn hán, ngập lụt, sạt lở, giông tố, bão lũ có diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế và thương mại của cả nước. Chính phủ Việt Nam phát triển nền kinh tế cả nước gắn liền với sự bền vững của môi trường và xã hội. Chính vì thế những dự án và kế hoạch phát triển của doanh nghiệp Việt sẽ được chú trọng hơn trên việc kiểm soát và quản lý tác động đến môi trường và yếu tố bền vững trong kinh doanh.

THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN



1. Gắn kết các bên liên quan

1.1 Xác định các bên liên quan và mức độ ưu tiên

Sự phát triển của STK luôn được đánh giá, xây dựng và xem xét dựa trên các tác động tích cực và tiêu cực đến các bên liên quan với Công ty. Vì vậy, những hoạt động gắn kết các bên liên quan đóng vai trò rất quan trọng trong việc định hướng phát triển chiến lược của Công ty cũng như tạo dựng mối quan hệ bền vững giữa các đối tác chiến lược của Công ty. Việc xác định các bên liên quan trọng yếu của STK dựa trên mức độ tương tác của họ với STK theo hình thức gián tiếp hoặc trực tiếp hoặc chiều ngược lại.



1.2 Gắn kết các bên liên quan

Các bên có liên quan	Hình thức tương tác và tiếp nhận ý kiến	Nội dung tham vấn và mối quan tâm từ các bên có liên quan	Hành động của STK đã thực hiện để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
Cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua các cuộc họp ĐHĐCĐ, các buổi gặp mặt trực tiếp với nhà đầu tư, các chương trình hội thảo, chương trình tham quan nhà máy, Ban Tổng giám đốc cũng như Bộ phận Quan hệ Cổ đông đã có cơ hội tiếp xúc, trao đổi để biết được những mối quan tâm của cổ đông dành cho Công ty. Khảo sát ý kiến cổ đông bằng văn bản Bản tin IR Ngoài ra, bộ phận quan hệ cổ đông của STK cũng luôn sẵn sàng thảo luận, trả lời các vấn đề, mối quan tâm của cổ đông và nhà đầu tư qua điện thoại và email. 	<ul style="list-style-type: none"> Minh bạch thông tin và bảo vệ quyền lợi cho nhà đầu tư Năng lực quản trị doanh nghiệp tốt Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trong hoạt động SXKD, tài chính. Định hướng phát triển bền vững của doanh nghiệp, mối quan tâm của doanh nghiệp đối với các vấn đề xã hội, môi trường, cộng đồng. Chi trả cổ tức cho nhà đầu tư Giá trị của doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> Bất chấp những khó khăn của thị trường trong giai đoạn đầu năm 2017, Công ty vẫn cố gắng đẩy mạnh việc phát triển thị trường mới, khách hàng mới, sản phẩm mới, tăng trưởng doanh số cao và duy trì hoạt động kinh doanh có lời làm bàn đạp cho sự phát triển của công ty Công ty luôn tuân thủ đúng và chặt chẽ về quy định công bố thông tin. Kể từ khi được niêm yết trên SGDCK Hồ Chí Minh, STK chưa từng bị nhắc nhở về vi phạm liên quan đến việc công bố thông tin. Công ty cam kết trả cổ tức tối thiểu 15%/năm cho cổ đông với sự đảm bảo công bằng cho cổ đông và nhà đầu tư. Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp của mình cũng như quản lý chặt chẽ việc phòng chống rủi ro. Công ty luôn hướng tới mô hình phát triển bền vững. Trong năm 2017, Công ty đã lọt Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam.

1.2 Gắn kết các bên liên quan (tiếp theo)

Các bên có liên quan	Hình thức tương tác và tiếp nhận ý kiến	Nội dung tham vấn và mối quan tâm từ các bên có liên quan	Hành động của STK đã thực hiện để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
<p>Khách hàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> Bộ phận kinh doanh và quản lý chất lượng thường xuyên trao đổi với khách hàng (bao gồm các buổi gặp mặt, đến thăm công ty khách hàng, email, điện thoại...) để trao đổi thông tin, tìm hiểu các nhu cầu, mong đợi từ phía khách hàng về chất lượng, dịch vụ, giá cả của sản phẩm... Định kỳ, Công ty có gửi phiếu khảo sát cho khách hàng để thu thập các đánh giá, ý kiến đóng góp nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ của Công ty, thỏa mãn mong đợi của khách hàng. Website của công ty, hội thảo, diễn đàn hiệp hội ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty hoạt động bền vững-an toàn và uy tín Chất lượng sản phẩm- dịch vụ mang lại. Giá cả cạnh tranh. Các điều khoản hợp đồng. Dịch vụ khách hàng vượt trội. Công nghệ, năng lực hoạt động. Sự chuyên nghiệp trong dịch vụ cung ứng. Các sản phẩm mang đến giá trị gia tăng cao. Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty liên tục nghiên cứu phát triển để cho ra đời các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Công ty đã cho ra mắt sản phẩm sợi tái chế. Trong tương lai, Công ty sẽ tiếp tục cho ra đời các sản phẩm như sợi màu, sợi hút ẩm, sợi co giãn cao, sợi CD (Cationic Dyedable), sợi Dope Dyed. Nâng cao uy tín thương hiệu của STK thông qua các giải thưởng uy tín, củng cố lòng tin của khách hàng. Củng cố nghiệp vụ đội ngũ kinh doanh và quản lý chất lượng để nâng cao hiệu quả phục vụ khách hàng. Công ty được tổ chức SGS cấp giấy chứng nhận sản phẩm không sử dụng các chất độc hại theo tiêu chuẩn châu Âu (REACH 168). Công ty đã được cấp chứng chỉ Global Recycle Standard v3.0 (GRS) về sản xuất sợi tái chế. Để đạt được chứng chỉ này, STK đã thực hiện các tiêu chuẩn khắt khe về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, sức khỏe con người, cam kết không sử dụng hóa chất độc hại. Công ty được các khách hàng trong nước và quốc tế đánh giá cao về chất lượng và dịch vụ, được đánh giá ngang với các công ty sản xuất sợi polyester hàng đầu thế giới như Nan Ya (Formosa), Lan Fa, Zig Sheng, Hengli, LeaLea, Far Eastern New Century.
<p>Người lao động</p>	<ul style="list-style-type: none"> Hàng tuần, Công ty thường tổ chức chương trình Tôn chỉ cũng như các cuộc họp giao ban để qua đó trao đổi về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, những vấn đề khó khăn còn đang vướng mắc của các bộ phận cũng như nắm rõ hơn những nhu cầu, tâm tư, nguyện vọng của người lao động. Định kỳ hàng quý, Công ty thực hiện đối thoại định kỳ với người lao động nhằm chia sẻ thông tin, tăng cường sự hiểu biết giữa người sử dụng lao động và người lao động để bảo đảm việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. Hàng năm, tại Hội nghị người lao động, Công ty cũng tiếp thu những ý kiến đóng góp của CBCNV để hoàn thiện hơn các cơ chế, chính sách Công ty, góp phần cải thiện môi trường làm việc cũng như hiệu quả lao động. Bên cạnh đó, người lao động còn có thể trực tiếp trao đổi với người quản lý trực tiếp của mình hoặc phòng nhân sự về những suy nghĩ, vướng mắc, khó khăn trong công việc của mình để nhận được sự tư vấn. Ngoài ra, định kỳ hoặc đột xuất, Công ty và người lao động còn tiến hành phiên họp thương lượng tập thể để xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; xác lập các điều kiện lao động mới để tiến hành ký kết thỏa ước lao động tập thể; giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong công việc. 	<ul style="list-style-type: none"> Môi trường làm việc thoải mái an toàn, sức khỏe nghề nghiệp cân bằng giữa công việc và cuộc sống Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao. Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển, nâng cao tay nghề. Cơ hội thăng tiến trong công việc Tâm nhìn của người lãnh đạo. Sự công bằng và dân chủ. Không phân biệt đối xử. 	<ul style="list-style-type: none"> Nhằm mang lại sự hài lòng cho nhân viên, Công ty không ngừng cải thiện những chính sách về lương thưởng, phúc lợi, đào tạo, thăng tiến cũng như môi trường làm việc cho CBCNV. Đưa ra các cam kết về quyền dân chủ, quyền được đối xử công bằng, tôn trọng đối với người lao động. Đảm bảo cho người lao động điều kiện làm việc an toàn, được chăm lo sức khỏe bằng việc ban hành, xây dựng và tuân thủ các chính sách trách nhiệm xã hội chặt chẽ. Trong năm 2017, Công ty đã tăng lương bình quân cho CBCNV từ 7% đến 9% tùy vào vị trí công việc. Số lượng người được đề bạt lên vị trí cao hơn là 55 người. Ngoài ra, Công ty cũng đã tổ chức 2 khóa học nâng cao kỹ năng quản lý cho hơn 80 cán bộ công nhân viên cấp quản lý. Mỗi khóa học kéo dài bình quân 3 ngày.

1.2 Gắn kết các bên liên quan (tiếp theo)

Các bên có liên quan	Hình thức tương tác và tiếp nhận ý kiến	Nội dung tham vấn và mối quan tâm từ các bên có liên quan	Hành động của STK đã thực hiện để đáp lại mong đợi và mang lại giá trị cho các bên liên quan.
Đối thủ cạnh tranh	<ul style="list-style-type: none"> Dựa trên những khảo sát nghiên cứu và phân tích thị trường độc lập của đơn vị và các báo cáo ngành, hiệp hội được các cơ quan chức năng- các tổ chức phân tích trong nước và quốc tế cung cấp, Công ty có thể đưa ra những kết quả phân tích, đánh giá về chiến lược cũng như quan điểm của đối thủ cạnh tranh. 	<ul style="list-style-type: none"> Môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch. 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty thực hiện cạnh tranh công bằng trên cơ sở nâng cao chất lượng sản phẩm vượt trội và giá bán hợp lý.
Nhà cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> Dựa trên các kế hoạch mua hàng của Công ty, bộ phận thu mua thường xuyên gặp mặt, tương tác với nhà cung ứng để đạt được những thống nhất có lợi cho cả hai bên. Bộ phận thu mua cùng với bộ phận quản lý chất lượng cũng thường xuyên đến thăm nhà máy của nhà cung ứng để đánh giá về công nghệ sản xuất của đối tác, trao đổi về nhu cầu của hai bên, cùng nhau hợp tác và phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> Uy tín, cộng tác dài lâu. Hợp tác trên cơ sở đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển. Xây dựng chuỗi giá trị bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty hợp tác với nhà cung ứng trong việc cùng nhau phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại lợi ích cho cả hai bên.
Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> Công ty thường tiếp xúc với các cơ quan nhà nước qua các cuộc họp, các đợt thanh tra, các báo cáo hoặc các văn bản hành chính của nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật. Đáp ứng đầy đủ các chứng chỉ, giấy phép theo quy định Hỗ trợ phát triển cộng đồng Triển khai và ủng hộ các chủ trương của nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty luôn tuân thủ chính sách và quy định pháp luật của nhà nước. Công ty không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật. STK luôn tiên phong triển khai và ủng hộ và thực thi các chủ trương lớn của nhà nước. Công ty hướng đến phát triển bền vững và hỗ trợ phát triển địa phương.
Ngân hàng đối tác	<ul style="list-style-type: none"> Với các ngân hàng đối tác, cả hai bên thường xuyên có các cuộc gặp mặt, trao đổi thông tin, thương lượng về các điều khoản trong hợp đồng. Trong quá trình hợp tác, cả hai bên cũng thường xuyên trao đổi qua điện thoại và email về các vấn đề phát sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty hoạt động bền vững và uy tín. Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp. Hệ thống quản lý tài chính chuyên nghiệp. Gắn kết và hợp tác lâu dài cùng nhau phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty không ngừng hoàn thiện nâng cao chất lượng hệ thống quản trị doanh nghiệp. Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ trả nợ và lãi vay đối với tổ chức tín dụng. Thực hiện rà soát, kiểm tra và chuẩn bị tốt các công tác liên quan đến hoạt động tài chính nhằm đảm bảo sự tuân thủ đúng hạn, đầy đủ với các đối tác tín dụng.
Cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> Qua các buổi gặp mặt trao đổi định kỳ thăm hỏi, các văn bản hành chính với các cơ quan đoàn thể tại địa phương, các hoạt động xã hội cộng đồng, Công ty có thể nắm được những mối quan tâm, mong đợi của cộng đồng địa phương dành cho Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> Có trách nhiệm, chia sẻ, chung tay phát triển cộng đồng. Hỗ trợ địa phương nâng cao chất lượng đời sống cho người dân thông qua việc nâng cao thu nhập kinh tế. Cải thiện chất lượng, nâng cao và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> Công ty luôn nỗ lực trong việc đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế địa phương thông qua việc nâng cao mức thu nhập bình quân hàng năm của người lao động địa phương. -Đóng góp, xây dựng các quỹ trao học bổng cho con em người lao động địa phương. -Hỗ trợ cải thiện kinh tế địa phương góp phần độ thị hóa nông thôn.
Hiệp hội ngành (VCOSA)	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, văn bản hành chính, email trao đổi giữa doanh nghiệp và Hiệp hội ngành, cả 2 bên có thể chia sẻ những khó khăn, vướng mắc và những kỳ vọng từ cả 2 phía. 	<ul style="list-style-type: none"> Trở thành thành viên có đóng góp tích cực trong việc chia sẻ thông tin, xây dựng phát triển ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> Luôn sẵn sàng hợp tác cùng Hiệp hội và các doanh nghiệp cùng ngành trong việc phát triển ngành sợi nói riêng và chuỗi cung ứng dệt may nói chung.

Danh mục các rủi ro trọng yếu

Tên rủi ro	Nhận diện rủi ro	Đánh giá tác động của rủi ro	Biện pháp khắc phục, giảm thiểu rủi ro
Rủi ro về khủng hoảng kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> Tình hình kinh tế toàn cầu biến động mạnh, không ổn định ảnh hưởng đến quá trình cung cầu, sức tiêu thụ của người tiêu dùng từ đó làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, sản xuất của STK. 	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng xảy ra cao, gây ảnh hưởng nghiêm trọng. 	<ul style="list-style-type: none"> Tiến hành tích cực cập nhật, phân tích tình hình kinh tế, thị trường từ đó có cơ sở đề ra những biện pháp phòng ngừa khi có khủng hoảng kinh tế xảy ra.
Rủi ro về phát triển thị trường	<ul style="list-style-type: none"> Tình hình kinh tế không ổn định dẫn đến thị trường dật may thay đổi, rủi ro về thị trường không phát triển hoặc mất đi phần đang có vì không tìm được khách hàng, đối tác mới. 	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng xảy ra cao, gây ảnh hưởng nghiêm trọng. 	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục tìm kiếm nhiều khách hàng mới và đa dạng hóa thị trường để không bị phụ thuộc vào một vài thị trường hoặc khách hàng trong việc tiêu thụ sản phẩm. Thúc đẩy xây dựng uy tín thương hiệu STK để tăng khả năng cạnh tranh cũng như nâng chất lượng sản phẩm dịch vụ để chủ động trong khả năng bán hàng. Phát triển và đẩy mạnh hoạt động R&D để tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới đón đầu xu thế thị trường giảm sức cạnh tranh trong kinh doanh.
Rủi ro về nguyên vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng rủi ro về chất lượng và nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hóa chất không đáp ứng được nhu cầu sản xuất. Rủi ro biến động giá cả nguyên vật liệu ảnh hưởng đến giá thành sản xuất của STK. Nguyên vật liệu chính của STK là PET-chip được tạo thành từ phế phẩm dầu mỏ, nên giá cả dầu mỏ và các chính sách quy định của thế giới về việc khai thác dầu mỏ cũng ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung cấp nguyên vật liệu. NVL phụ là ống giấy và thùng giấy cũng là những sản phẩm mà việc sản xuất có thể bị ảnh hưởng 	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng xảy ra cao, gây ảnh hưởng nghiêm trọng. 	<ul style="list-style-type: none"> Chính sách đa dạng hóa nhà cung cấp. Liên tục tìm kiếm các nguồn cung cấp mới với chất lượng tốt hơn và có khả năng đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty. Xây dựng kế hoạch mua hàng trong trung và dài hạn. Nâng cao hiệu quả sử dụng NVL, tìm nguồn cung thay thế. Sử dụng Recycled PET-chip (được tái chế từ các chai nhựa polyester) để giảm thiểu khai thác dầu mỏ gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường việc tái sử dụng ống giấy POY nhằm hạn chế việc gây ô nhiễm môi trường và suy giảm nguồn tài nguyên rừng.
Rủi ro về hoạt động sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro tài sản: Thiên tai (động đất, bão, lụt) hay cháy nổ hoặc hành động phá hoại có thể làm tổn thất tài sản. Rủi ro vận hành: Việc nhân viên không tuân thủ các quy trình sản xuất có thể gây ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Các tác động của quá trình sản xuất tới không khí, nguồn nước, rác thải và con người (lạm dụng người lao động hoặc các tai nạn lao động xảy ra trong quá trình sản xuất). 	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng xảy ra trung bình nhưng mức độ ảnh hưởng là rất nghiêm trọng. 	<ul style="list-style-type: none"> STK đã mua bảo hiểm toàn bộ cho các rủi ro về tài sản cũng như mua bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh. Chú trọng đến công tác đào tạo kỹ năng tay nghề tại hiện trường, thường xuyên cập nhật các quy trình hoạt động chuẩn ("SOP") và bộ phận quản lý chất lượng ("QC") tiến hành kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ SOP của bộ phận sản xuất. Tổ chức đào tạo về an toàn lao động cho cán bộ cấp quản lý và toàn bộ công nhân ở bộ phận sản xuất. Cập nhật và áp dụng các chính sách nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động.

Danh mục các rủi ro trọng yếu (tiếp theo)

Tên rủi ro	Nhận diện rủi ro	Đánh giá tác động của rủi ro	Biện pháp khắc phục, giảm thiểu rủi ro
Rủi ro về pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> Sự thay đổi của các chính sách quy định pháp luật về thuế, hải quan, bảo vệ môi trường, lao động có thể làm thay đổi kết quả kinh doanh và định hướng chiến lược của công ty. Các rủi ro liên quan đến chính sách lao động như việc tăng lương tối thiểu, tăng tỷ lệ nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp có thể làm tăng chi phí vận hành của Công ty. Rủi ro về việc các luật định hiện hành không thống nhất đồng bộ gây ảnh hưởng tới các chính sách đang áp dụng tại công ty 	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng xảy ra trung bình nhưng mức độ ảnh hưởng là rất nghiêm trọng. 	<ul style="list-style-type: none"> STK đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh kịp thời để phù hợp với các quy định pháp luật và tình hình thực tế. Tích cực theo dõi và thường xuyên hợp tác với các doanh nghiệp cùng ngành trong hiệp hội Bông Sợi Việt Nam để kịp thời nắm bắt thông tin thị trường và cùng hỗ trợ nhau bảo vệ quyền lợi chính đáng của công ty và doanh nghiệp cùng ngành.
Rủi ro tỷ giá	<ul style="list-style-type: none"> Biến động của tỷ giá USD/VND có thể gây ảnh hưởng tới lợi nhuận của công ty do phần lớn các NVL của STK đều phải nhập khẩu và các khoản vay dài hạn của STK đều bằng USD. 	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng xảy ra cao, mức độ tác động trung bình. 	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi sát các nhân tố có tác động đến tỷ giá. Đa dạng các nguồn thu ngoại tệ, duy trì tỷ trọng doanh thu bằng tiền USD ở mức 60% tổng doanh thu nhằm đảm bảo đủ nguồn ngoại tệ để chi trả cho việc nhập khẩu NVL và trả nợ vay bằng ngoại tệ. Dự báo các biến động về tỷ giá để lên kế hoạch bán hàng linh hoạt dựa trên biến động tỷ giá cũng như thanh toán các khoản công nợ hợp lý, kịp thời.
Rủi ro về chất lượng nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro không đảm bảo được chất lượng của đội ngũ nhân sự đặc biệt tại các vị trí chủ chốt của công ty tạo áp lực cho đội ngũ lãnh đạo trẻ để chứng tỏ năng lực và niềm tin cho các nhà đầu tư, khách hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng xảy ra cao, gây ảnh hưởng nghiêm trọng. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng các khung nhân lực cho vị trí kế thừa ở các cấp quản lý. Tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu công việc. Đảm bảo các chính sách lương thưởng, phúc lợi, chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc tốt cho người lao động. Tập trung vào công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa.
Rủi ro về môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro do tác động trực tiếp từ môi trường khí hậu đến hoạt động kinh doanh, sản xuất của STK như thiên tai bão, lũ, hạn hán... Rủi ro đến môi trường không khí, nước, rác thải và đến công đồng từ quá trình hoạt động kinh doanh sản xuất của STK 	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng xảy ra thấp, mức độ tác động nghiêm trọng 	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá mục tiêu phát triển bền vững từng năm để xác định các tác động trọng yếu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đến môi trường, xã hội đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan đến phát triển bền vững. Thực hiện xây dựng các quy trình chính sách ứng phó sự cố khẩn cấp khi có thiên tai hoặc sự cố xảy ra.
Rủi ro về phát triển bền vững	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro từ các hoạt động kinh doanh, sản xuất sản phẩm của STK ảnh hưởng đến môi trường, con người xã hội Rủi ro từ các ảnh hưởng do từ thiên nhiên, thiên tai, bão lũ đến hoạt động phát triển bền vững của STK Rủi ro từ các tác động quản trị như thiếu hụt nhân lực, đội ngũ kế thừa và chiến lược phát triển không phù hợp ảnh hưởng đến việc phát triển bền vững của Công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> Khả năng xảy ra thấp, mức độ tác động trung bình 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng các chính sách tuân thủ phù hợp và thường xuyên tiến hành việc kiểm tra đánh giá tính tuân thủ của doanh nghiệp Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực hợp lý để kế thừa Tham vấn chiến lược phát triển kinh doanh phù hợp với các bên liên quan trong và ngoài Công ty.

2. Xác định các lĩnh vực trọng yếu



2.1 Lĩnh vực trọng yếu

Các vấn đề trọng yếu được xác định dựa trên các nội dung tham chiếu các mối quan tâm của các bên liên quan phù hợp với mục tiêu phát triển và chiến lược của công ty, các nội dung trọng yếu được xác định theo từng nhóm khía cạnh sau:

Trách nhiệm sản phẩm	<ul style="list-style-type: none">♦ Chất lượng sản phẩm – dịch vụ cao♦ Công ty hoạt động bền vững – an toàn và uy tín♦ Giá cả cạnh tranh.♦ Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại♦ Dịch vụ khách hàng vượt trội.
Xã hội	<ul style="list-style-type: none">♦ Hỗ trợ phát triển địa phương♦ Chống tham nhũng♦ Cạnh tranh lành mạnh♦ Hỗ trợ công ăn việc làm cho người dân địa phương♦ Phát triển cơ sở hạ tầng
Môi trường	<ul style="list-style-type: none">♦ Sử dụng năng lượng hiệu quả♦ Sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường♦ Tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên♦ Giảm xả thải và xử lý chất thải
Lao động	<ul style="list-style-type: none">♦ Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao.♦ Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển, nâng cao tay nghề.♦ Cơ hội thăng tiến trong công việc♦ Tâm nhìn của người lãnh♦ Sự công bằng và dân chủ
Kinh tế	<ul style="list-style-type: none">♦ Nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao kinh tế doanh nghiệp♦ Phát triển kinh tế ngành♦ Cải thiện kinh tế mức sống địa phương
Quyền con người	<ul style="list-style-type: none">♦ Môi trường làm việc thoải mái an toàn, sức khỏe nghề nghiệp cân bằng giữa công việc và cuộc sống;♦ Không phân biệt đối xử, tự do lập hội♦ Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật về quyền con người;♦ Chính sách phúc lợi cho lao động nữ mang thai, có con nhỏ.

Quan tâm của các bên liên quan	Cao	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Phát triển cơ sở hạ tầng ♦ Cải thiện kinh tế mức sống địa phương ♦ Sự công bằng và dân chủ 	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Môi trường làm việc thoải mái an toàn, sức khỏe nghề nghiệp cân bằng giữa công việc và cuộc sống ♦ Hỗ trợ công ăn việc làm cho người dân địa phương ♦ Phát triển kinh tế ngành ♦ Tuân thủ các chính sách, quy định của pháp luật về quyền con người ♦ Chính sách phúc lợi cho lao động nữ mang thai, có con nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Nâng cao hiệu quả kinh doanh. ♦ Sản phẩm an toàn, không chứa hóa chất độc hại ♦ Hỗ trợ phát triển địa phương ♦ Sử dụng năng lượng hiệu quả ♦ Sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường ♦ Tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên ♦ Giảm xả thải và xử lý chất thải ♦ Công ty hoạt động bền vững – an toàn và uy tín ♦ Chất lượng sản phẩm – dịch vụ cao ♦ Dịch vụ khách hàng vượt trội
	Thấp		<ul style="list-style-type: none"> ♦ Không phân biệt đối xử ♦ Chống tham nhũng ♦ Cơ hội học tập, đào tạo, phát triển, nâng cao tay nghề. ♦ Cơ hội thăng tiến trong công việc ♦ Chính sách lương thưởng và phúc lợi cao. 	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Giá cả cạnh tranh. ♦ Cạnh tranh lành mạnh
		Tác động tới STK		

Để đảm bảo tính hiệu quả trong các hoạt động của Công ty trong năm tài chính tiếp theo, STK sẽ tiến hành rà soát các lĩnh vực trọng yếu đã xác định cũng như hiệu quả việc thực hiện trong năm qua để kịp thời cập nhật và bổ sung những cải tiến trong năm tiếp theo.

CÁC CHỦ ĐỀ CỦA BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

- 1 Trách nhiệm với sản phẩm;
- 2 Trách nhiệm với môi trường;
- 3 Trách nhiệm với người lao động;
- 4 Trách nhiệm với cộng đồng địa phương;

ĐẢM BẢO BÁO CÁO BỞI BÊN THỨ BA:

STK tuân thủ nguyên tắc trung thực, chính xác và minh bạch khi công bố các số liệu trong báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của STK sau còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu:

- ♦ Thông tin về Xử lý chất thải được xác nhận bởi các Công ty dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.
- ♦ Thông tin về tiết kiệm năng lượng được kiểm toán bởi Trung Tâm Tiết Kiệm Năng Lượng TP.HCM.
- ♦ Thông tin về Kết quả đo kiểm tra môi trường lao động bởi Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động.
- ♦ Thông tin về Kết quả đo kiểm Môi trường bởi Trung tâm Nghiên Cứu Dịch Vụ Công Nghệ và Môi Trường.
- ♦ Thông tin tài chính được kiểm toán bởi Ernst & Young.



NỘI DUNG BÁO CÁO

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM	74
Đầu tư vào cơ sở vật chất hiện đại	74
Áp dụng các phương thức quản trị hiện đại	74
Sản phẩm chất lượng, không sử dụng hóa chất độc hại	75
Dịch vụ khách hàng	76
Các mục tiêu phát triển sản phẩm mới	77
TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG	78
Vật liệu	79
Năng lượng	82
Nguồn nước	85
Phát thải khí nhà kính	86
Các chính sách phòng chống ô nhiễm	87
Đo kiểm môi trường lao động	95
TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	108
Chính sách tuyển dụng	108
Chính sách người lao động	110
Đào tạo và đề bạt	112
An toàn lao động	113
Văn hóa truyền thống của Công ty	116
TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG - ĐỊA PHƯƠNG	118
Hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế địa phương	118
Tuân thủ	119
Chống tham nhũng và hối lộ	119
THỊ TRƯỜNG VỐN XANH	120

I. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM

STK luôn không ngừng nâng cao và phát triển chất lượng của sản phẩm dịch vụ hướng tới mục tiêu luôn mang đến cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ chất lượng cao thông qua (1) việc đầu tư cho hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, (2) sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chất lượng cao do các nhà sản xuất có uy tín cung cấp, (3) tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về sử dụng hóa chất cũng như các quy trình sản xuất nghiêm ngặt.

Đầu tư cơ sở vật chất hiện đại:

Với chiến lược tập trung vào phân khúc sản phẩm chất lượng cao nên STK luôn chú trọng vào việc đầu tư máy móc và công nghệ. Máy móc thiết bị của Công ty được chế tạo bởi Tập đoàn hàng đầu châu Âu Oerlikon Barmag. Với công nghệ sản xuất mới nhất, những máy móc thiết bị này sẽ đảm bảo cho chất lượng của sản phẩm được ổn định, giúp tiết kiệm năng lượng, góp phần bảo vệ môi trường và gia tăng tính cạnh tranh của sản phẩm về mặt giá thành.

Năm 2011, để nâng cao tính minh bạch và tăng cường hiệu quả quản lý và sản xuất, Công ty đã triển khai áp dụng hệ thống ERP- SAP All In One. Đến tháng 9/2013, hệ thống này đã đi vào hoạt động trọn vẹn, giúp Công ty có thể kiểm soát được tất cả các hoạt động bao gồm sản xuất, bán hàng, mua hàng, nhân sự, tài chính, các nguồn lực và chi phí một cách hiệu quả.

Năm 2015, Công ty đưa hệ thống điều khiển trung tâm Plant Operation Center ("POC") vào áp dụng trong sản xuất. POC có các ứng dụng như quản lý điều kiện sản xuất, kiểm soát hiệu quả sản xuất, kiểm soát chất lượng. Với các ứng dụng nêu trên Công ty có thể gia tăng hiệu quả sản xuất cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm hơn nữa, nhằm đem lại sự hài lòng tốt nhất cho khách hàng đồng thời giúp gia tăng năng suất lao động cho Công ty.

Áp dụng các phương thức quản trị hiện đại:

- ♦ **ISO 9001- 2008:** Đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng qui trình đã thiết lập và chuẩn mực của ngành.
- ♦ **5S:** Giúp tạo dựng môi trường làm việc an toàn, thuận tiện, sạch sẽ, ngăn nắp và loại bỏ những thứ không cần thiết nhằm gia tăng hiệu quả công việc, giảm thời gian lãng phí, là nền tảng cơ bản để có thể thực hiện những phương thức khác ở mức cao hơn là Kaizen và sản xuất tinh gọn ("LEAN").
- ♦ **Kaizen:** Liên tục cải tiến qui trình hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng sản phẩm.
- ♦ **Sản xuất tinh gọn:** là phương pháp cải tiến có hệ thống, liên tục tập trung vào việc loại bỏ các lãng phí trong quá trình sản xuất, giúp tối ưu hóa nguồn lực, rút ngắn chu kỳ sản xuất đồng thời tăng khả năng đáp ứng một cách linh hoạt các yêu cầu không ngừng biến động và khắt khe của khách hàng.



Tất cả các phương thức quản trị hiện đại trên đều được cụ thể hóa thành các quy trình hoạt động chuẩn (SOP- Standard Operating Procedures) cho tất cả các khâu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo việc quản lý chất lượng được thực hiện xuyên suốt từ khâu mua nguyên liệu thô đến khâu sản xuất ra các sản phẩm sợi POY, DTY, FDY và quản lý nhà kho.

Sản phẩm chất lượng, không sử dụng hóa chất độc hại:

STK cam kết mang lại những sản phẩm chất lượng cao được thể hiện qua quy trình hoạt động chặt chẽ từ khâu kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, quản lý quá trình sản xuất, cho đến quá trình tái kiểm tra sản phẩm để đánh giá chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo đúng theo yêu cầu đơn đặt hàng.

Công việc kiểm soát chất lượng được thực hiện ở các bộ phận sau:

- ♦ **Bộ phận thu mua:** thực hiện nghiệm thu tất cả NVL đầu vào để nhận dạng và loại trừ các NVL dị thường trước khi sản xuất, đánh giá chất lượng NVL trong quá trình sản xuất để kiến nghị nhà cung cấp xử lý các khuyết điểm nhỏ nhằm mang lại sự ổn định cho NVL cũng như là chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, bộ phận thu mua còn phải đảm bảo NVL được mua phải tuân thủ theo bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (MSDS).
- ♦ **Đối với nhà máy, Cơ điện, Bảo trì:** thực hiện kiểm soát chất lượng công việc và sản phẩm trong quá trình sản xuất để nhận dạng lỗi nhằm loại bỏ các sản phẩm không đạt chất lượng.

Bộ phận kiểm soát chất lượng (QC- Quality Control) gồm 215 nhân viên thực hiện kiểm tra chất lượng 100% cho bán thành phẩm POY và các sản phẩm cuối cùng như DTY và FDY. Ngoài ra bộ phận này còn chịu trách nhiệm kiểm soát các thông số kỹ thuật của máy móc.

Vào đầu mỗi năm, Công ty đều đề ra các chỉ tiêu về chất lượng:

BỘ PHẬN	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	Tăng/Giảm +/-	Kế hoạch 2018
POY	Tỷ lệ hàng đầy cối AF	95.07%	96.42%	-1.35%	97.17%
	Tỷ lệ POY thứ cấp	1.17%	0.95%	0.22%	0.94%
DTY	Tỷ lệ hàng AA	87.32%	91%	-3.68%	91.50%
	Tỷ lệ DTY thứ cấp	0.68%	0.68%	0.00%	0.68%
FDY	Tỷ lệ hàng đầy cối AA	92.51%	95.50%	-2.99%	95.50%
	Tỷ lệ FDY thứ cấp	3.28%	1.50%	1.78%	1.50%

Để theo sát các mục tiêu về chất lượng đã đề ra, định kỳ hàng tuần Công ty sẽ tổ chức họp giao ban để báo cáo về tình hình chất lượng sản phẩm. Định kỳ hàng tháng, các bộ phận sẽ báo cáo các KPIs (trong đó có KPIs về chất lượng), từ đó đưa ra giải trình về nguyên nhân đạt hay không đạt và đề ra phương án giải quyết.

Sản phẩm chất lượng, không sử dụng hóa chất độc hại (tiếp theo):

Năm 2016, để đảm bảo và nâng cao uy tín về chất lượng Công ty đã được tổ chức SGS cấp giấy chứng nhận sản phẩm của STK tuân thủ các quy định về việc không sử dụng các chất độc hại theo quy định REACH do Cục Hóa Chất Châu Âu ban hành nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường trước các rủi ro gây ra bởi hóa chất.

Ngoài ra, Công ty cũng đạt được chứng chỉ The Global Recycle Standard (GRS). Đây là một tiêu chuẩn sản phẩm cho việc triển khai và xác minh thành phần của nguyên vật liệu tái chế trong sản phẩm cuối cùng, đồng thời vẫn đảm bảo những điều kiện nghiêm ngặt trong quá trình sản xuất. Để đạt được chứng chỉ này, STK đã thực hiện các tiêu chuẩn khắt khe về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, sức khỏe con người, cam kết không sử dụng hóa chất độc hại.

Công ty kết hợp đưa nội dung "Nâng cao ý thức tôn trọng sản phẩm" vào chương trình đào tạo định kỳ. Qua chương trình, học viên sẽ được hướng dẫn cách thực hiện các thao tác trong quá trình sản xuất một cách chính xác nhất, chỉ rõ những hành vi nào là sai so với tác nghiệp chuẩn, làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Đây là một nội dung đào tạo thiết thực, góp phần nâng cao tinh thần ý thức cũng như kỹ năng của nhân viên, qua đó nâng cao chất lượng sản phẩm và uy tín của Công ty.

Trong năm 2017, Công ty đã đạt được chứng nhận OEKO-TEX100. Đây là một chứng nhận được thực hiện đánh giá thông qua hệ thống sự kiểm nghiệm và cấp chứng chỉ đồng nhất trên khắp thế giới cho các nguyên liệu thô, bán thành phẩm và sản phẩm trong ngành dệt may, bao gồm tất cả các cấp độ trong sản xuất với mục đích bảo đảm không chứa chất độc hại một cách tổng thể.

STK đã được tiến hành kiểm tra và đánh giá về chất độc hại bao gồm các chất bị cấm theo luật pháp, các chất bị hạn chế, các loại hóa chất có ảnh hưởng đến sức khỏe cũng như các thông số chuyên dùng để bảo đảm sức khỏe của người tiêu dùng, STK cam kết thực hiện các tiêu chuẩn nghiêm ngặt trong việc bảo vệ môi trường, an toàn - sức khỏe của người lao động và tiêu dùng. Mọi kiểm nghiệm được thực hiện bởi các viện nghiên cứu, viện kiểm nghiệm độc lập, được lựa chọn có đủ kiến thức chuyên môn.



Dịch vụ khách hàng:

Với tôn chỉ phục vụ khách hàng được đặt lên hàng đầu trong công ty, đội ngũ nhân viên STK luôn cố gắng hết mình để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Trong bối cảnh thị trường khó khăn, Công ty đã nỗ lực cạnh tranh với đối thủ bằng chính dịch vụ vượt trội của mình không ngừng củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Bên cạnh việc cam kết giao hàng nhanh, đúng và đủ, STK còn hỗ trợ tư vấn cho khách hàng về các quy cách sản phẩm sao cho phù hợp với nhu cầu của họ. Nhân viên bộ phận chăm sóc khách hàng và quản lý chất lượng của Công ty trực tiếp đến nhà máy của khách hàng để đánh giá kết quả sử dụng sản phẩm sợi của công ty và đưa ra Báo cáo đặc tính sản phẩm sợi.

Các mục tiêu phát triển sản phẩm mới:

Công ty nỗ lực không ngừng trong việc nâng cao chất lượng của sản phẩm và cho ra đời những sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tăng vị thế cạnh tranh trên thị trường. Từ đầu năm 2016 STK đã nghiên cứu phát triển thành công và chính sản xuất sợi tái chế góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho công ty và giảm thiểu tác động tới môi trường. Ngoài ra, trong năm 2017 công ty bắt đầu hợp tác chiến lược với Edye Ltd để sản xuất sợi DTY màu (đây là sản phẩm giúp giảm lượng nước sử dụng cho sản xuất và nước thải độc hại). Dự án sẽ được đưa vào hoạt động sản xuất chính thức từ quý 4 2018. Bên cạnh đó, trong năm 2017 công ty luôn không ngừng phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm mới để kịp thời đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng và đối tác đáng kể như sợi hút ẩm, sợi co giãn cao, sợi CD (cationic dyedable), sợi Dope Dyed Melange, sợi Dope Dyed Fancy.

Mục tiêu 2018 sẽ chú trọng phát triển kinh doanh sợi tái chế với chất lượng cao giá cả hợp lý, góp phần làm giảm chi phí sản xuất đầu vào cũng như giảm thiểu rủi ro tới môi trường.

Năm	Thời gian giải quyết		Không giải quyết	Dưới 1 tuần	1 tuần đến dưới 1 tháng	1 tháng đến dưới 3 tháng	Trên 3 tháng	
	2016	2017						
0	0	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
13	11	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
28	38	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
8	3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
0	0	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	
49	52	TỔNG CỘNG						

Hướng tới phát triển chiều dọc, mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược tạo thành chuỗi cung ứng từ sợi cho đến vải và may mặc, nâng cao thêm giá trị gia tăng cho Công ty.



Sợi tái chế



Sợi màu



Các loại sợi có giá trị gia tăng cao: sợi hút ẩm, sợi co giãn cao, sợi CD, sợi Dope Dyed Melange, sợi Dope Dyed Fancy...

II. TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

Môi trường và các yếu tố liên quan đến môi trường là một trong những mục tiêu, mối quan tâm hàng đầu của STK và luôn được sự quan tâm và cân nhắc của các cấp lãnh đạo và đội ngũ nhân viên công ty. STK luôn không ngừng nghiên cứu, cập nhật các quy định, chính sách tuân thủ nghiêm ngặt về môi trường theo tiêu chuẩn luật hiện hành của nhà nước. Ngoài ra, để nâng cao chất lượng trong việc quản lý và đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt trong tác động tới môi trường TGD của STK còn đưa ra cam kết bền vững về việc thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chính sách môi trường theo tiêu chuẩn GRS –V3.0 trong việc sử dụng năng lượng, nguồn nước, khí thải và chất thải.

CHÍNH SÁCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA STK

1 Mục tiêu tạo ra sản phẩm thân thiện với môi trường, thỏa mãn nhu cầu khách hàng là tâm điểm của mỗi hành động và quyết định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2 Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và các yêu cầu khác về môi trường.

3 Thúc đẩy cải tiến liên tục dựa trên các quy trình hữu hiệu, phương pháp và công cụ đo lường minh bạch kịp thời, biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn và sức khỏe cho người lao động.

4 Cung cấp nguồn lực, cải tiến kỹ thuật công nghệ và thiết bị, thực hiện kiểm toán năng lượng định kỳ nhằm tiết kiệm năng lượng, tài nguyên nước, nguyên vật liệu.

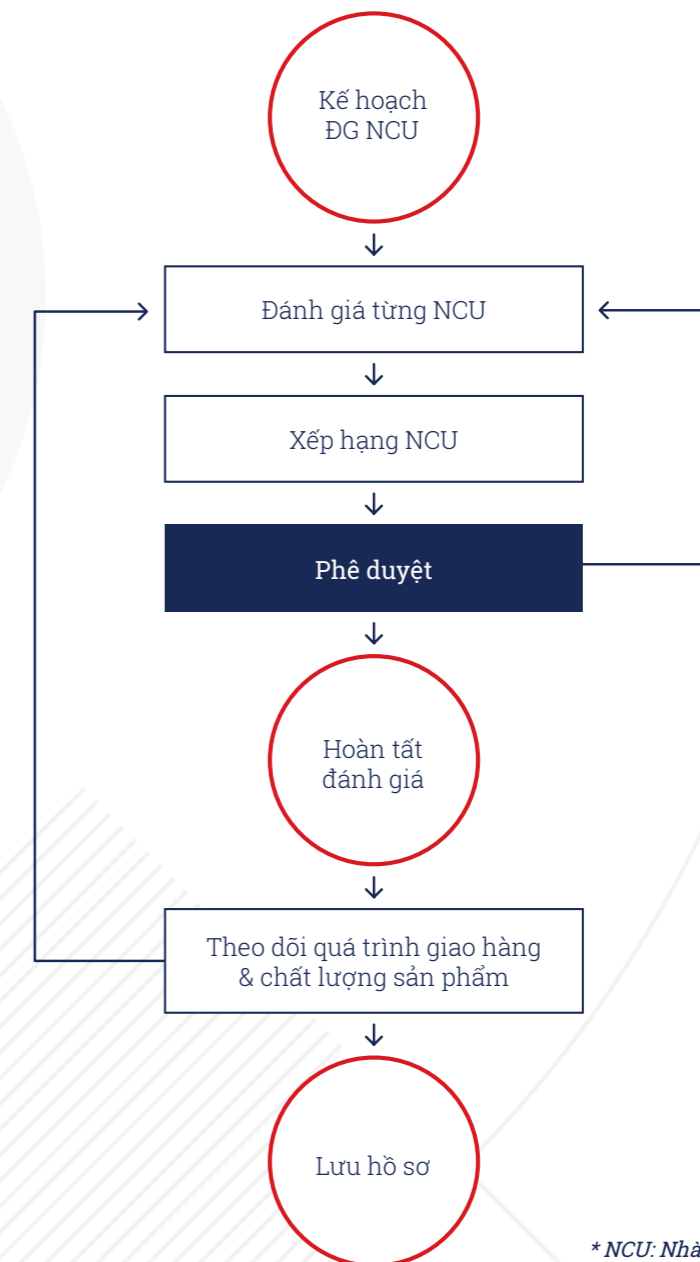
5 Đào tạo nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho tất cả CBCNV và truyền đạt Chính sách môi trường tới tất cả CBCNV Công ty và các bên liên quan.

1. Vật liệu

Chất lượng sản phẩm tại STK được đặt lên hàng đầu chính vì vậy để đảm bảo các sản phẩm đầu ra đạt chất lượng cao và ổn định để cung cấp tới khách hàng, Công ty nhập nguồn nguyên liệu, linh phụ kiện đầu vào hơn 90% từ các nhà cung cấp lớn ở Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Đức để luôn đảm bảo về uy tín chất lượng cũng như tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường từ những khâu đầu tiên của sản xuất.

Ngoài ra để đảm bảo việc đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng nguyên vật liệu chính phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng sản xuất cũng như các chính sách về trách nhiệm xã hội của Công ty, định kỳ hàng năm 2 lần (đợt 1: 01/01 - 15/02, đợt 2: 01/07 - 15/08) bộ phận Thu mua sẽ tiến hành đánh giá các nhà cung ứng. Các nhà cung ứng được yêu cầu trả lời bản câu hỏi được xây dựng trên các tiêu chuẩn mới nhất đang được áp dụng như GRS, ISO, SA 8000..., tiêu chí liên quan tới tiêu chuẩn lao động, an toàn và sức khỏe người lao động, đạo đức kinh doanh và bảo vệ môi trường theo các quy định và luật pháp hiện hành.

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ & LỰA CHỌN NHÀ CUNG ỨNG



* NCU: Nhà cung ứng

Bước thực hiện	Bộ phận thực hiện	Ghi chú
Bước 1: Lên kế hoạch lựa chọn nhà cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> Trưởng bộ phận thu mua có nhiệm vụ lên kế hoạch lựa chọn và đánh giá các nhà cung ứng thiết bị, nguyên vật liệu của Công ty. Định kỳ hàng năm 2 lần với NCU nguyên vật liệu chính cho sản xuất và các nhà cung ứng còn lại 1 lần /năm 	
Bước 2: Đánh giá nhà cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên thu mua có nhiệm vụ đánh giá nhà cung ứng theo từng tiêu chí được lập trên hệ thống SAP của công ty. Nhập điểm đánh giá cho từng nhà cung ứng bằng cách cho điểm từng tiêu chí (theo thang điểm, tiêu chí, tỷ trọng đã được phê duyệt ở Kế hoạch đánh giá NCU). Song song với việc đánh giá dựa theo các tiêu chuẩn quy định trên nhân viên thu mua cũng phải tiến hành đánh giá các nhà cung ứng và nhà cung ứng dịch vụ vận chuyển theo Tiêu chuẩn đánh giá NCC (MM-QT-02/TCĐG) và Tiêu chuẩn đánh giá dịch vụ cung cấp vận chuyển (MM-QT-02/TCĐGCCVC). 	
Bước 3: Xếp hạng nhà cung ứng	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên thu mua nhập điểm và xếp hạng nhà cung ứng trên hệ thống. Trưởng bộ phận thu mua xuất bảng xếp hạng NCU và trình duyệt. Xếp hạng NCU theo vật tư. Kết quả đánh giá NCU bên trong SAP: 70% số điểm đạt. Kết quả đánh giá NCU bên ngoài SAP: 30% số điểm đạt. Tổng số điểm NCU đạt bằng kết quả đánh giá các tiêu chí NCU bên trong SAP + kết quả đánh giá các tiêu chí NCU bên ngoài SAP. 	
Bước 4: Phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> Trưởng bộ phận thu mua trình ký Ban Tổng Giám Đốc. Ban Tổng Giám Đốc phê duyệt kết quả xếp hạng NCU. 	
Bước 5: Hoàn tất đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> Nhân viên thu mua cập nhật thông tin về kết quả đánh giá NCU vào SAP. Cập nhật NCU đánh giá đạt vào Source list trên SAP (Tcode ME01). 	
Bước 6: Lưu hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> Tập hợp các tài liệu đã cập nhật và lưu hồ sơ theo quy định. 	

STT	Chủng loại Nguyên vật liệu	Quốc gia nhập khẩu	Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu trong năm 2017
1	Polyester Chip	Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật, Trung Quốc	46,374 tấn
2	Dầu	Đài Loan, Nhật, Đức	1,004,912.82 kg
3	Ống giấy	Trung Quốc, Việt Nam, Đài Loan	11,161,730 ống
4	Thùng Carton	Việt Nam	1,770,284 thùng
5	Linh phụ kiện	Đức, Đài Loan, Thụy Sĩ, Trung Quốc	

Hiện tại công ty đã và đang tiếp tục tiến hành sản xuất sợi tái chế từ hạt nhựa tái chế. Tổng khối lượng hạt nhựa tái chế Recycled PET Chip mà Công ty đã sử dụng trong năm 2017 là 2,615 tấn, gấp đôi cùng kỳ năm ngoái góp phần giảm thiểu mạnh mẽ tác động đến môi trường (không khí, nước và tầng ozon). Hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu của Công ty còn được thể hiện qua việc giảm tỷ lệ sợi phế. Định kỳ hàng năm Công ty đều đặt ra các định mức sử dụng nguyên vật liệu và chỉ tiêu hạ tỷ lệ sợi phế.

Ngoài ra, để giảm khối lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất POY, Phòng Thu mua và Phòng Quản lý Chất lượng còn hợp tác với nhà cung cấp để nâng cao chất lượng ống giấy POY để có thể tái sử dụng. Nhờ việc nâng cao chất lượng ống giấy, nên hiện nay ống giấy POY có thể tái sử dụng lại từ 3-5 lần, góp phần tiết kiệm chi phí đầu vào của sản xuất và giảm thiểu tối ưu sự tác động tới môi trường thông qua việc giảm số lượng ống giấy sử dụng trong sản xuất.

2. Năng lượng

STK đề ra những mục tiêu cụ thể tiết kiệm năng lượng bởi vì bảo vệ môi trường chính là kết quả của hành động tiết kiệm năng lượng. Vì đặc thù doanh nghiệp phải vận hành máy sản xuất liên tục 24h nên Công ty đã những cam kết thiết thực để có thể giảm thiểu tối đa năng lượng sử dụng:

- ♦ Quản lý việc sử dụng năng lượng theo đúng tất cả các yêu cầu của pháp luật.
- ♦ Thực hiện kiểm toán năng lượng (3 năm/lần): việc kiểm toán năng lượng do cơ quan chức năng có đủ năng lực để đánh giá hiện trạng sử dụng năng lượng của Công ty: điện, dầu DO, xăng; đưa ra các giải pháp khả thi để giảm thiểu tiết kiệm năng lượng, giảm tác hại đến môi trường.
- ♦ Lập kế hoạch và báo cáo quản lý năng lượng hàng năm và 5 năm: trọng tâm đưa các giải pháp tiết kiệm năng lượng, triển khai thực hiện và đánh giá hiệu quả.
- ♦ Theo dõi và lưu trữ hồ sơ tiêu thụ năng lượng trên cơ sở hàng tháng.

Do tiết kiệm chi phí năng lượng sẽ giúp nâng cao lợi nhuận cho Công ty, Công ty luôn nhắc nhở toàn thể CBCNV thực hiện đúng quy định về sử dụng năng lượng trong đơn vị của mình như: sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, tắt khi không sử dụng, áp dụng khoa học kỹ thuật để giảm lượng điện năng tiêu thụ.

KHỐI LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ TRONG NĂM 2017

	Đvt	2015	2016	2017
Lượng điện sử dụng	kwh	101,936,337	120,743,839	145,585,920
Chi phí tiền điện	VNĐ	149,846,415,390	180,878,603,661	219,570,121,615

Trong đó, điện tiêu hao cho từng đơn vị sản phẩm như sau:

Điện tiêu thụ	Đvt	2015	2016	2017
POY	kwh/kg	1.35	1.27	1.19
DTY	kwh/kg	2.08	1.89	1.84
FDY	kwh/kg	1.56	1.71	1.70

Trong năm 2017 vừa qua, Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng theo lộ trình kế hoạch quản lý năng lượng trong 5 năm.

Giải pháp tiết kiệm năng lượng đã thực hiện	Mục đích của giải pháp	Kết quả đạt được
Cải tạo 5 máy kéo sợi DTY M900 từ motor DC sang AC. (sử dụng biến tần thế hệ mới)	Nâng cao hiệu quả sản xuất, sử dụng SSR điều khiển gia nhiệt và sử dụng biến tần tiết kiệm điện	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Mức tiết kiệm năng lượng: 360 kWh/ngày/5máy ♦ Mức tiết kiệm năng lượng: 2.14% so với mục đích sử dụng. ♦ Tiết kiệm chi phí: 180 triệu đồng/năm
Tắt bớt quạt hút khu vực extruder. Mở cửa lấy gió trời cho hướng gió về cuối phòng còn 2 quạt hút, hút không khí nóng ra bên ngoài	Tắt bớt thiết bị điện nhưng vẫn đảm bảo nhiệt độ môi trường, nâng cao tuổi thọ máy móc.	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Mức tiết kiệm năng lượng: 198.2kWh/ngày ♦ Mức tiết kiệm năng lượng: 33% ♦ Tiết kiệm chi phí: 98 triệu đồng/năm
Cải tạo bộ chấu hồ mới cho máy DTY. Quy cách mới 1,2mm (so với quy cách cũ 1,4mm)	Tiết kiệm khí nén trong quá trình gia công sợi DTY. Giảm lưu lượng khí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sợi DTY	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Mức tiết kiệm năng lượng: 1,800kWh/ngày ♦ Mức tiết kiệm năng lượng: 18% ♦ Tiết kiệm chi phí: 900 triệu đồng/năm
Vận hành lò TEG chân không vào giờ thấp điểm	Tiết kiệm về giá thành khi vận hành lò vào giờ thấp điểm nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Mức tiết kiệm chi phí : 40% ♦ Tiết kiệm chi phí: 108.000 VNĐ/lần thực hiện giờ thấp điểm
Tắt xen kẽ đèn chiếu sáng quanh xưởng vào ban đêm	Tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo đủ độ sáng cho công tác ghi hình và bảo vệ tài sản	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Mức tiết kiệm chi phí : 26% ♦ Tiết kiệm chi phí: 851,148 VNĐ/tháng

KẾT LUẬN: Phần lớn năng lượng sử dụng tại Công ty là cho hoạt động sản xuất. Hệ thống máy và thiết bị sản xuất tại công ty đang sử dụng thuộc công nghệ tiên tiến trên thế giới nên khả năng tiết kiệm điện cao. Trong năm 2017, mức tiêu hao năng lượng cho từng đơn vị sản phẩm giảm so với năm trước cụ thể: POY giảm 0.08 kwh/kg, DTY giảm 0.05 kwh/kg, FDY giảm 0.01 kwh/kg. Kết quả thu được là do Công ty thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã được đề ra và đảm bảo việc chấp hành các chính sách, quy định tiết kiệm năng lượng tại Công ty..

Tình hình thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện đã đề ra năm 2017:

STT	Giải pháp	Tình trạng thực hiện	Nguyên nhân
1	Thực hiện thay đổi cài đặt nhiệt độ máy lạnh giữa ngày và đêm của nhà máy TB.	Tiết kiệm được 229,688 kwh/năm	
2	Thay đèn cao áp bằng đèn Compact	Đã thay được 25/50 bóng đèn cao áp thành đèn compact. Tiết kiệm được khoảng 33,945 kwh/năm	Sau thời gian sử dụng đèn Compact nhận thấy tuổi thọ không cao. Nên trong năm 2017 không tiếp tục thay đèn Compact sẽ đưa kế hoạch thay thế bằng đèn LED trong năm 2018.
3	Phân bố cách sử dụng khí nén phù hợp.	Trong năm 2017 có sử dụng cấp hơi khí nén qua lại của hai nhà máy TB. Tiết kiệm được thời gian không mở thêm máy nén 800 HP cấp thêm được 12 ngày → Tiết kiệm được 172,800 kwh/ năm.	

Giải pháp tiết kiệm điện năm 2018

Trong năm 2018, Công ty dự kiến sẽ thực hiện các biện pháp sau để tiết kiệm chi phí điện:

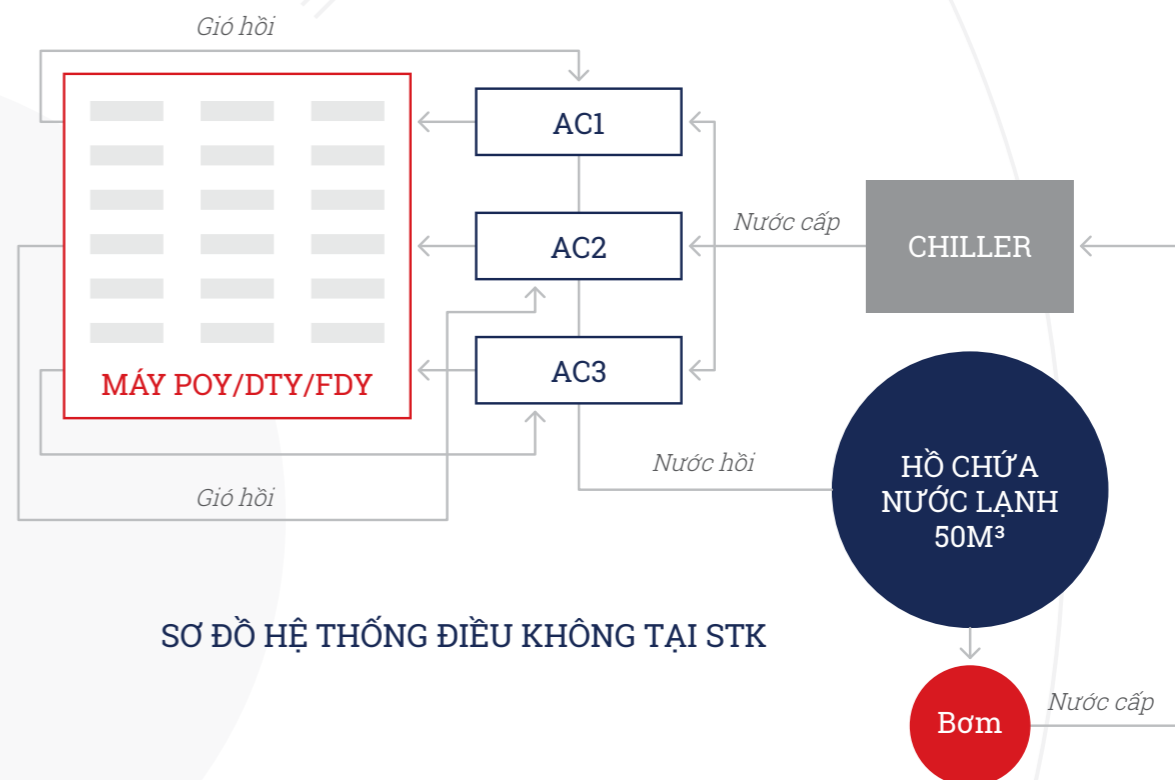
- ▶ Thay thế 100 % đèn cao áp bằng đèn LED cho khu vực bên ngoài nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng 1,2.
- ▶ Thay đổi nhiệt độ cài đặt giữa ngày và đêm cho máy lạnh cấp cho môi trường sản xuất để giảm chi phí điện.



3. Nguồn nước

Nguồn nước được sử dụng tại STK là nguồn nước sạch được cung cấp bởi KCN được dùng cho mục đích sản xuất và sinh hoạt. Công ty cam kết không sử dụng nguồn nước ngầm. Trong trường hợp có nhu cầu sử dụng nguồn nước ngầm, Công ty chỉ sử dụng khi có giấy phép của cơ quan chức năng.

- ♦ Công ty luôn thực hiện tốt trong việc quản lý và đáp ứng tất cả các yêu cầu của pháp luật liên quan đến việc sử dụng nguồn nước. Hàng năm, Công ty luôn lập ra các giải pháp nhằm tiết kiệm nguồn nước sử dụng. Công ty cũng thực hiện đo lường, lưu trữ số liệu để đảm bảo kiểm soát lượng nước sử dụng trên cơ sở hàng tháng.
- ♦ Tại STK, Công ty có hệ thống điều không khép kín, nước cấp sau khi đi qua Chiller để đến phòng AC sẽ được hồi về hồ chứa nước lạnh để tái sử dụng. Nhờ hệ thống này, mỗi năm STK tiết kiệm được 8640 m³ nước.



SƠ ĐỒ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TẠI STK

Công ty thực hiện kiểm soát theo định mức nước. Định mức này được xây dựng vào đầu năm, dựa trên khối lượng sợi, chu kỳ cúp điện định kỳ của điện lực (20 lần/năm), chu kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị, quy trình thay nước các hồ AC, tháp giải nhiệt. Mục tiêu này được báo cáo hàng tháng đến các phòng ban và bộ phận sản xuất của nhà máy.

	Đvt	2014	2015	2016	2017
Lượng nước sử dụng	m ³	161,901	212,481	245,936	252,050
Chi phí tiền nước	VND	1,095,366,084	1,643,732,100	1,964,344,600	2,009,946,200
Mức tiêu hao nước	m ³ /kg sợi	0.003	0.004	0.003	0.0026

Trong năm 2017, mức tiêu hao nước sử dụng giảm so với năm 2016, Nguyên nhân là do Công ty tăng lượng sản xuất đồng thời thực hiện kiểm soát nghiêm ngặt lượng nước sử dụng trong từng ca sản xuất

Năm 2018, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp cũ như tái sử dụng nước hồi từ hồ AC, giảm nước cấp tháp máy nén, giảm nước cấp hệ thống làm mát nhằm tiết kiệm nước sử dụng.

Tái sử dụng nước sau khi qua hệ thống RO của hệ thống xử lý nước siêu tinh khiết ở nhà máy TB12. Ngày đêm được 4 m³ nước/ngày.

4. Phát thải khí nhà kính

Theo báo cáo năm 2009 của Oecotextiles về "Carbon footprint của ngành dệt may", để sản xuất ra 60 triệu tấn vải cần đến 1,074 tỷ kWh điện (tương đương 132 tấn than đá) và 6-9 tỷ lít nước. Với quy mô của ngành dệt may trên thế giới, mức độ ảnh hưởng của nó đến môi trường là rất lớn.

Trong quá trình sản xuất, ngành dệt may thường sử dụng nhiều hóa chất độc hại, chính vì thế nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước là rất lớn. Không chỉ thế, lượng phát thải CO₂ từ quá trình sản xuất các sản phẩm dệt may cũng không hề nhỏ. Theo số liệu năm 2006, trung bình mỗi người dân Mỹ tạo ra 19.8 tấn CO₂, trong đó có 1 tấn CO₂ là từ đóng góp của các sản phẩm dệt may.

Ý thức được điều này, các công ty Việt Nam đã sớm chú ý đến tăng trưởng xanh, chú trọng giải quyết các vấn đề cơ bản: tiết giảm năng lượng, nhiên liệu trong sản xuất kinh doanh, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001 và sản xuất sạch hơn... để giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường.

Số liệu Carbon footprint của ngành dệt may được ước tính dựa trên việc tổng hợp tất cả các năng lượng được sử dụng tại từng bước của quá trình tạo ra vải. Đối với xơ sợi tổng hợp, loại sợi được làm từ các nhiên liệu hóa thạch, tiêu thụ rất nhiều năng lượng từ quá trình khai thác dầu mỏ dưới lòng đất cho đến sản xuất.

SỐ LIỆU CARBON FOOTPRINT CỦA STK TRONG NĂM 2017

	Lượng tiêu thụ	Nhiệt trị, giá trị thấp (TJ/t)	Hệ số phát thải CO ₂ (cho giá trị thấp)	Phát thải ¹ 2017	Phát thải 2016
Điện năng	145,586 MWh/năm		0.6612 ² (tCO ₂ e/MWh)	63,648 (tCO ₂ e/năm)	79,836 (tCO ₂ e/năm)
Trong đó, phát thải cacbon trên 1kg sợi					
♦ POY	1.19 kwh/kg		0.6612 (tCO ₂ e/MWh)	0.786828 (tCO ₂ e/g)	0.839724 (tCO ₂ e/kg)
♦ DTY	1.84 kwh/kg		0.6612 (tCO ₂ e/MWh)	1.216608 (tCO ₂ e/kg)	1.249668 (tCO ₂ e/kg)
♦ FDY	1.70 kwh/kg		0.6612 (tCO ₂ e/MWh)	1.12404 (tCO ₂ e/kg)	1.130652 (tCO ₂ e/kg)
Dầu Diesel để chạy xe nâng	24.798 (t/năm)	0.043 (TJ/t) ³	74.1 (tCO ₂ e/TJ) ⁴	79.01 (tCO ₂ e/năm)	95 (tCO ₂ e/năm)

Nhận thấy, trong 2017 chỉ số cacbon footprint giảm so với năm 2016 cụ thể chỉ số cacbon footprint trong năm 2017 cho điện năng giảm 20% so với 2016 kết quả là do Công ty đã tích cực quản lý chặt chẽ trong công tác giám sát và thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng đã được đề ra. Ngoài chỉ số cacbon footprint cho dầu Diesel cũng giảm 16.7% so với năm 2016.

¹ Công thức tính phát thải cacbon như sau:

- Đối với điện năng: Phát thải (tCO₂e/năm) = Tiêu thụ (Mwh/năm) * Hệ số phát thải CO₂(tCO₂e/Mwh)

- Đối với dầu Diesel: Phát thải (tCO₂e/năm) = Tiêu thụ (t/năm) * Hệ số phát thải CO₂(tCO₂e/TJ) * Nhiệt trị, giá trị thấp (TJ/t)

² Hệ số phát thải (Emission factor- EF) áp dụng cho năm 2014, được công bố bởi DNA Việt Nam (thuộc Bộ TNMT) vào tháng 05/2016.

³ Nhiệt trị, giá trị thấp cho dầu Diesel lấy theo nguồn của IPCC 2006.

⁴ Hệ số phát thải cho dầu Diesel lấy theo nguồn của IPCC 2006.

5. Các chính sách phòng chống ô nhiễm

Công ty luôn tuân thủ trong việc thực hiện các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường hiện hành, cụ thể tiến hành quan trắc môi trường 4 lần/năm, báo cáo giám sát môi trường, quản lý chất thải thông thường, chất thải nguy hại, khí thải theo đúng quy định. Trong Sổ tay môi trường, Công ty có đề ra những kế hoạch, biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố môi trường:

V

KHU VỰC CỔNG CÔNG TY								
STT	Thông số	QCVN 05:2009/BTNMT	QCVN 05:2010/BTNMT	Đơn vị	1Q2017	2Q2017	3Q2017	4Q2017
A CỬ CHI								
1	Nhiệt độ	-		°C	31.9	30.2	32.6	30.2
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	65.1	62.4	61.5	60.9
3	Bụi	0.3		mg/m ³	0.26	0.25	0.28	0.27
4	NO ₂	0.2		mg/m ³	0.072	0.06	0.066	0.07
5	SO ₂	0.35		mg/m ³	0.065	0.061	0.064	0.061
6	CO	30		mg/m ³	5.6	5.28	5.3	5.78
B TRẢNG BÀNG 1, 2								
1	Nhiệt độ	-		°C	31.2	31.5	32.6	29.2
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	63.6	61.9	62.5	63.5
3	Bụi	0.3		mg/m ³	0.27	0.26	0.27	0.26
4	NO ₂	0.2		mg/m ³	0.069	0.071	0.068	0.07
5	SO ₂	0.35		mg/m ³	0.063	0.065	0.061	0.063
6	CO	30		mg/m ³	5.2	5.74	5.8	6.96
C TRẢNG BÀNG 3								
1	Nhiệt độ	-		°C	31.6	31.8	32.5	29.5
2	Độ ồn	-	70(")	dBA	65.8	66.2	65.2	62.7
3	Bụi	0.3		mg/m ³	0.27	0.28	0.26	0.26
4	NO ₂	0.2		mg/m ³	0.068	0.078	0.08	0.081
5	SO ₂	0.35		mg/m ³	0.061	0.065	0.066	0.065
6	CO	30		mg/m ³	5.41	5.4	5.78	6.7

→ Kết quả tham số quan trắc không khí tại khu vực cổng Công ty đều đạt QCVN 05:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

a. Các thông số và kết quả quan trắc chất lượng không khí (tiếp theo):

KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT											
STT	Thông số	TCVS 3733/2002/QĐ-BYT	Đơn vị	1Q2017		2Q2017		3Q2017		4Q2017	
				Xưởng POY	Xưởng DTY	Xưởng POY	Xưởng DTY	Xưởng POY	Xưởng DTY	Xưởng POY	Xưởng DTY
A CỬ CHI											
1	Nhiệt độ	≤32	°C	29.2	29.4	28.1	29.5	28.3	29.7	28.6	28.2
				28.6	29.3	28.5	28.6	28.6	28.1	28.1	29.5
2	Độ ồn	≤85	dBA	90.7	82.9	84.6	83.1	84.1	83.6	83.5	83.6
				86.8	83.1	84.1	84.9	84.5	82.5	82.4	83.2
3	Bụi	8	mg/m ³	0.29	0.28	0.35	0.27	0.39	0.3	0.42	0.32
				0.31	0.3	0.39	0.32	0.31	0.38	0.35	0.39
4	NO ₂	10	mg/m ³	0.106	0.131	0.116	0.196	0.128	0.174	0.13	0.12
				0.11	0.125	0.16	0.13	0.18	0.169	0.178	0.174
5	SO ₂	10	mg/m ³	0.091	0.124	0.104	1.3	0.127	0.147	0.109	0.15
				0.11	0.106	0.108	0.113	0.13	0.14	0.116	0.169
6	CO	40	mg/m ³	6.9	5.57	6.63	5.15	6.7	5.68	6.87	5.87
				7.12	5.82	7.5	6.63	7.85	6.12	7.64	6.3
7	VOC	-	mg/m ³								

KHU VỰC XƯỞNG SẢN XUẤT											
STT	Thông số	TCVS 3733/2002/QĐ-BYT	Đơn vị	1Q2017		2Q2017		3Q2017		4Q2017	
				Xưởng POY	Xưởng DTY	Xưởng POY	Xưởng DTY	Xưởng POY	Xưởng DTY	Xưởng POY	Xưởng DTY
B TRẢNG BÀNG 1, 2											
1	Nhiệt độ	≤32	°C	28.9	28.2	28.5	28.6	28.2	27.3	28.5	28.6
2	Độ ồn	≤85	dBA	90.1	88.9	87.3	86.2	84.2	83.9	87.3	86.2
3	Bụi	8	mg/m ³	0.29	0.32	0.35	0.39	0.31	0.32	0.35	0.39
4	NO ₂	10	mg/m ³	0.095	0.098	0.108	0.093	0.11	0.097	0.108	0.093
5	SO ₂	10	mg/m ³	0.081	0.09	0.087	0.092	0.084	0.095	0.087	0.092
6	CO	40	mg/m ³	6.2	5.7	6.68	5.13	6.22	6.75	6.68	5.13
7	VOC	-	mg/m ³	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)
C TRẢNG BÀNG 3											
1	Nhiệt độ	≤32	°C	29.2	28.5	28.7	28.6	28.2	28.9	28.2	28.9
2	Độ ồn	≤85	dBA	87.7	85.3	84.1	83.7	83.5	84.8	83.5	84.8
3	Bụi	8	mg/m ³	0.29	0.33	0.36	0.39	0.4	0.42	0.4	0.42
4	NO ₂	10	mg/m ³	0.091	0.102	0.098	0.109	0.094	0.107	0.094	0.107
5	SO ₂	10	mg/m ³	0.089	0.093	0.088	0.097	0.087	0.091	0.087	0.091
6	CO	40	mg/m ³	6.16	7.5	6.24	7.95	6.68	7.3	6.68	7.3
7	VOC	-	mg/m ³	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)	KPH (LOD =0,02)

→ Kết quả tham số quan trắc không khí tại khu vực sản xuất đều đạt TCVS 3733/2002/QĐ-BYT



b. Khí thải

Công ty quản lý nghiêm ngặt việc xử lý khí thải theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trên thực tế, Công ty không có phát sinh khí thải do không sử dụng lò hơi trong hoạt động sản xuất. Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty thực hiện đo kiểm khí thải tại khu vực ngoài trời và các khu vực trong sản xuất để có biện pháp khắc phục ngay khi có ô nhiễm về khí thải. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về khí thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.

Một số biện pháp Công ty đã thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải:

- ♦ Kiểm soát các loại xe hoạt động trong Công ty như xe container, xe tải, xe nâng, xe con của Công ty trong việc phát thải khói bụi. Có biện pháp cho ngưng hoạt động các loại xe trên nếu gây ra phát thải nhiều.
- ♦ Tiết giảm sử dụng xăng, dầu DO.
- ♦ Bảo trì thường xuyên đối với những xe cộ, máy móc, thiết bị sử dụng xăng, dầu DO để giảm thiểu ô nhiễm về khí thải.
- ♦ Thay đổi tất cả xe nâng từ sử dụng dầu qua sử dụng điện góp phần giảm thiểu tác động ô nhiễm về khí thải.

STT	Thông số	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) (Kq=1,0; Kf=1,0)	Đơn vị	KẾT QUẢ			
				1Q2017	2Q2017	3Q2017	4Q2017
TRẢNG BÀNG 1, 2							
1	Nhiệt độ	-	°C	190	123	156	120
2	Bụi	200	mg/Nm ³	87.6	63.1	70.9	63.1
3	NO _x	850	mg/Nm ³	110	156	180	74
4	SO ₂	500	mg/Nm ³	208	196	126	56
5	CO	1000	mg/Nm ³	320	298	310	81
TRẢNG BÀNG 3							
1	Nhiệt độ	-	°C	130	146	123	117
2	Bụi	200	mg/Nm ³	90.5	70.3	72.6	70.2
3	NO _x	850	mg/Nm ³	97	106	128	86
4	SO ₂	500	mg/Nm ³	165	120	137	60
5	CO	1000	mg/Nm ³	221	213	250	95

→ Kết quả tham số quan trắc khí thải ở nhà máy Trảng Bàng đều đạt quy chuẩn của Bộ Tài Nguyên Môi Trường.

c. Nước thải

Nước thải của Sợi Thế Kỷ xuất phát từ 2 nguồn là nước thải sinh hoạt của công nhân và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng nhuộm, kiểm phẩm)

Đối với việc quản lý nguồn nước thải, Công ty đưa ra những cam kết sau:

- ♦ Xử lý nguồn nước thải theo qui định của pháp luật hiện hành.
- ♦ Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải riêng biệt và được phép đấu nối đầu ra với hệ thống thoát nước mưa, nước thải của KCN.
- ♦ Nhận diện các nguồn gây ô nhiễm môi trường, thường xuyên quan trắc các thông số chất lượng nước thải, đảm bảo xử lý chỉ tiêu chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn GRS.
- ♦ Thực hiện báo cáo giám sát môi trường cho cơ quan chức năng về nước thải 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật hiện hành.
- ♦ Đo lường nước thải ra hàng ngày, có ghi chép lưu hồ sơ báo cáo đầy đủ.
- ♦ Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

CÁC THÔNG SỐ VÀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC NƯỚC THẢI:

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị C Cột B- QCVN 40:2011/BTNMT	Đơn vị	NƯỚC THẢI HỆ THỐNG SAU XỬ LÝ			
				1Q2017	2Q2017	3Q2017	4Q2017
CỦ CHI							
1	pH	5-9	-	7.65	7.7	7.2	7.12
2	BOD5	50	mg/l	40	27.6	45	45.6
3	COD	150	mg/l	94	60.1	91	112.6
4	TSS	100	mg/l	30	67.2	31	57.5
5	Đồng (Cu)	2		0.085	0.21	0.09	0.13
6	Tổng N	40	mg/l	3.8	19.88	3.2	4.51
7	Tổng P	6	mg/l	1.12	2.12	1.42	2.12
8	Tổng Coliform/100ml	5000	MPN	4000	4000	4400	4500
TRẢNG BÀNG 1, 2							
1	pH	5-9	-	7.67	8.15	7.2	7.15
2	BOD5	50	mg/l	36	47.6	37	49.1
3	COD	150	mg/l	84	118.5	81	113.5
4	TSS	100	mg/l	39.3	87.5	31.2	57.8
5	Đồng (Cu)			0.009	0.37	0.01	0.09

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị C Cột B- QCVN 40:2011/BTNMT	Đơn vị	NƯỚC THẢI HỆ THỐNG SAU XỬ LÝ			
				1Q2017	2Q2017	3Q2017	4Q2017
6	Tổng N	40	mg/l	3.01	15.68	4.22	6.12
7	Tổng P	6	mg/l	1.55	4.75	1.6	2.67
8	Tổng Coliform/100ml	5000	MPN	3600	4200	4000	4100
TRẢNG BÀNG 3							
1	pH	5-9	-	6.85	7.23	6.9	6.86
2	BOD5	50	mg/l	43	42.1	41	45.1
3	COD	150	mg/l	105	106.2	96	109
4	TSS	100	mg/l	52.3	89.6	46.5	61.1
5	Đồng (Cu)			0.11	0.26	0.058	0.071
6	Tổng N	40	mg/l	2.66	11.9	2.01	6.71
7	Tổng P	6	mg/l	1.07	3.12	1.68	2.61
8	Tổng Coliform/100ml	5000	MPN	4400	4700	4200	4300

→ Kết quả tham số thu được từ việc đo phân tích nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN là hoàn toàn đạt tiêu chuẩn.

BẢNG THỐNG KÊ LƯỢNG NƯỚC THẢI:

		Đvt	2015	2016	2017
Lượng nước thải	Củ Chi	m ³	11,482	6,137	6,188
	Trảng Bàng 1,2	m ³	14,581	9,462	12,988
	Trảng Bàng 3	m ³	4,431	17,724	12,786
	Tổng cộng	m ³	30,494	33,323	31,961
Chi phí tiền nước thải	Củ Chi	VNĐ	53,850,580	32,483,330	34,488,180
	Trảng Bàng 1,2	VNĐ	217,946,267	127,973,093	108,612,335
	Trảng Bàng 3		31,681,650	139,964,682	129,958,270
	Tổng cộng	VNĐ	303,478,496	300,421,105	273,058,785

d. Chất thải nguy hại

Công ty nhận diện 2 loại chất thải là chất thải nguy hại và chất thải thông thường. Công ty rất chú trọng trong việc đào tạo cho người lao động về ý thức quản lý, phân loại rác thải tại nguồn cũng như việc lưu kho và vận chuyển chất thải, làm giảm ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại: Công ty thu gom về kho chứa theo đúng quy trình phân loại và quản lý rác thải, sau đó hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Đối với chất thải nguy hại: Công ty có nhà rác nguy hại riêng với biển báo, ký hiệu nguy hại theo quy định. Công ty dán mã chất thải nguy hại và quản lý nghiêm ngặt cho từng loại chất thải. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải này.

Hàng năm, Công ty đều thực hiện báo cáo quản lý chất thải cho cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty cũng rất quan tâm đến việc tìm ra các giải pháp để tối thiểu lượng hóa chất thải trong sản xuất thông qua mục tiêu phát triển các sản phẩm mới không sử dụng hóa chất và tăng cường tái sử dụng hoặc tái chế nguồn chất thải.

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu)	18 02 01	8	Thiêu đốt	Cty TNHH MTV SX-TM-DV Môi trường Á Châu
Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại (bình mực máy in, máy fax)	08 02 04	0.5	Thiêu đốt	Cty TNHH MTV SX-TM-DV Môi trường Á Châu
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (Dầu thải)	17 02 03	14	Thiêu đốt	Cty TNHH MTV SX-TM-DV Môi trường Á Châu
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2	PH-HR-C	Cty TNHH MTV SX-TM-DV Môi trường Á Châu
Bao bì cứng thải bằng kim loại (Phuy sắt)	18 01 02	0	Tái chế	Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và dịch vụ Đại Phúc
Bao bì cứng thải bằng nhựa (Phuy nhựa)	18 01 03	5194	Tái chế	Cty TNHH Sản xuất Cơ khí và dịch vụ Đại Phúc
Tổng số lượng		5218.5		

6. Đo kiểm tra môi trường lao động

Để phòng tránh bệnh nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe cho người lao động, hàng năm Công ty phối hợp với Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động thực hiện đo kiểm môi trường lao động nhằm xác định những nguy cơ, đưa ra những biện pháp giảm thiểu sự ảnh hưởng của những yếu tố nguy cơ đó trong môi trường lao động của người lao động.

- Phương pháp đo:** Đo các chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, nồng độ bụi, hơi khí độc tại các vị trí kỹ thuật theo thường quy kỹ thuật của Viện Y học Lao Động và Vệ sinh môi trường – nhà xuất bản Y học năm 2002.
- Tiêu chuẩn áp dụng:**
 - Tiêu chuẩn vệ sinh lao động Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT.
 - Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5508:2009- vi khí hậu nơi làm việc.
 - Tiêu chuẩn QCVN 24:2016/BYT.

a. Nồng độ bụi

NỒNG ĐỘ BỤI TRONG KHÔNG KHÍ							
STT	VỊ TRÍ ĐO	Bụi toàn phần (mg/m ³)					
		CỬ CHI		TRẮNG BÀNG 1, 2		TRẮNG BÀNG 3	
		Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ
	Nhà máy DTY KV 1						
1	KV đầu xưởng	0.71		0.45		0.76	
2	KV giữa xưởng	0.75		0.46		0.75	
3	KV cuối xưởng	0.7		0.58		0.72	
	Nhà máy DTY KV 2						
5	KV đầu xưởng	0.72		0.56		0.7	
6	KV giữa xưởng	0.74		0.64		0.75	
7	KV cuối xưởng	0.76		0.68		0.73	
8	KV giữa xưởng Winder	0.7		0.59		0.72	
9	KV giữa xưởng Spinning	0.72		0.54		0.75	
	Tổng cộng	8	0	8	0	8	0
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG (Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT) Giá trị nồng độ tối đa cho phép bụi không chứa silic		4,0					

b. Vi khí hậu

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVSLĐ	Mẫu không đạt TCVSLĐ	Mẫu đạt TCVSLĐ	Mẫu không đạt TCVSLĐ	Mẫu đạt TCVSLĐ	Mẫu không đạt TCVSLĐ
	Mùa thời điểm đo: Mùa mưa							
CỦ CHI								
	Ngoài trời ngày 22/08/2017		34		78,0		0,2-1,0	
	Nhà máy DTY KV 1							
1	KV đầu xưởng		31		76		0,1-0,6	
2	KV giữa xưởng		30,6		74,8		0,1-0,6	
3	KV cuối xưởng		31,2		77,2		0,1-0,6	
	Nhà máy DTY KV 2							
4	KV đầu xưởng		32		82		0,1-0,6	
5	KV giữa xưởng		31		81		0,1-0,6	
6	KV cuối xưởng		32		82		0,3-1,0	
	Xưởng Winder							
7	KV đầu xưởng		32		75		0,1-0,6	
8	KV cuối xưởng		32		75		0,1-0,6	
	Xưởng Spinning							
9	KV đầu xưởng		33,6		62		0,2-0,5	
10	KV cuối xưởng		32		67		0,2-0,5	
	TỔNG CỘNG		10	0	10	0	10	0

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVSLĐ	Mẫu không đạt TCVSLĐ	Mẫu đạt TCVSLĐ	Mẫu không đạt TCVSLĐ	Mẫu đạt TCVSLĐ	Mẫu không đạt TCVSLĐ
TRẢNG BÀNG 1, 2								
	Ngoài trời ngày 24/08/2017		32		78		0,02-1	
	Nhà máy DTY KV 1							
1	KV đầu xưởng		29,1		76,5		0,11	
2	KV giữa xưởng		30,2		73,7		0,9	
3	KV cuối xưởng		29,4		75,3		0,9	
	Nhà máy DTY KV 2							
4	KV đầu xưởng		29,8		80		0,7	
5	KV giữa xưởng		29,2		77,5		0,8	
6	KV cuối xưởng		28,9		79		0,6	
	Xưởng Winder							
7	KV đầu xưởng		29,4		77		0,05	
8	KV cuối xưởng		28		70		0,16	
	Xưởng Spinning							
9	KV đầu xưởng		29,6		67		0,6	
10	KV cuối xưởng		30		68,5		0,5	
	TỔNG CỘNG		10	0	10	0	10	0

b. Vi khí hậu (tiếp theo)

STT	VỊ TRÍ ĐO	THỜI GIAN (h)	NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (Hr %)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
			Mẫu đạt TCVSLĐ	Mẫu không đạt TCVSLĐ	Mẫu đạt TCVSLĐ	Mẫu không đạt TCVSLĐ	Mẫu đạt TCVSLĐ	Mẫu không đạt TCVSLĐ
TRẢNG BÀNG 3								
	Ngoài trời ngày 22/08/2017		34		78		0.02-1.0	
	Nhà máy DTY KV 1							
1	KV đầu xưởng		31		79		0.04	
2	KV giữa xưởng		32		72		0.07	
3	KV cuối xưởng		30		75		0.05	
	Nhà máy DTY KV 2							
4	KV đầu xưởng		28		67		0.1	
5	KV giữa xưởng		26		65		0.2	
6	KV cuối xưởng		27		69		0.15	
	Xưởng Winder							
7	KV đầu xưởng		27.3		68		0.11	
8	KV cuối xưởng		28		70		0.15	
	Xưởng Spinning							
9	KV đầu xưởng		28.6		65		0.16	
10	KV cuối xưởng		30		67		0.2	
	TỔNG CỘNG		10	0	10	0	10	0
TCVN 3733:2002								
Yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động của không khí ở vị trí làm việc			≤32		≤80		0,2-1,5	

c. Ánh sáng

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		TIẾNG ÒN (dBA)		GHI CHÚ Được phép tiếp xúc ồn (8h/ngày)
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
CỦ CHI						
	Nhà máy DTY KV 1					
1	KV đầu xưởng	300			100.7	
2	KV giữa xưởng	305			105	
3	KV cuối xưởng	302			95	
	Nhà máy DTY KV 2					
5	KV đầu xưởng	301		77		
6	KV giữa xưởng	406		67.9		
7	KV cuối xưởng	304		70.5		
	Xưởng Winder					
9	KV đầu xưởng	300			96.3	
10	KV cuối xưởng	305			97.3	
	Xưởng Spinning					
12	KV đầu xưởng	576		82.1		
13	KV cuối xưởng	672		80.5		
	TỔNG CỘNG	10	0	5	5	

c. Ánh sáng (tiếp theo)

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		TIẾNG ỒN (dBA)		GHI CHÚ Được phép tiếp xúc ồn (8h/ngày)
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
TRẢNG BÀNG 1, 2						
	Nhà máy DTY KV 1					
1	KV đầu xưởng	300			105.2	
2	KV giữa xưởng	305			96.7	
3	KV cuối xưởng	338			96.8	
4	Nhà máy DTY KV 2					
5	KV đầu xưởng	330		83.4		
6	KV giữa xưởng	472		74.5		
7	KV cuối xưởng	302		73.3		
8	Xưởng Winder					
9	KV đầu xưởng	301			87.2	
10	KV cuối xưởng	304			91.3	
11	Xưởng Spinning					
12	KV đầu xưởng	581		71		
13	KV cuối xưởng	342		77.6		
	TỔNG CỘNG	10		5	5	

STT	VỊ TRÍ ĐO	ÁNH SÁNG (Lux)		TIẾNG ỒN (dBA)		GHI CHÚ Được phép tiếp xúc ồn (8h/ngày)
		Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	Mẫu đạt TCVS	Mẫu không đạt TCVS	
TRẢNG BÀNG 3						
	Nhà máy DTY KV 1	354			104	
1	KV đầu xưởng	605			110	
2	KV giữa xưởng	455			98	
3	KV cuối xưởng					
4	Nhà máy DTY KV 2	325		74.5		
5	KV đầu xưởng	354		68.2		
6	KV giữa xưởng	368		73.7		
7	KV cuối xưởng					
8	Xưởng Winder	302			88.1	
9	KV đầu xưởng	300			104.2	
10	KV cuối xưởng					
11	Xưởng Spinning	315		76.2		
12	KV đầu xưởng	365		78.5		
13	KV cuối xưởng	10		5	5	
	TỔNG CỘNG	10		5	5	

TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT

* Tiếng ồn

- Vùng có công nhân làm việc trong các phân xưởng và trong nhà máy

* Ánh sáng

- Công nghiệp dệt

+ Xe sợi, cuộn, đánh ống, nhuộm

300

≤85

8h

d. Hơi khí độc

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Cacbon đioxit (mg/m ³)	Etylen (mg/m ³)
CỦ CHI			
	Nhà máy DTY		
1	KV đầu xưởng	400	
2	KV giữa xưởng	400	
3	KV cuối xưởng	400	
4	KV giữa xưởng Winder	400	
5	KV giữa xưởng Spinning	400	
6	KV phòng lạp		700
7	KV phòng nhuộm thử nghiệm		840
	TỔNG CỘNG	5	2
TRẢNG BÀNG 1, 2			
	Nhà máy DTY		
1	KV đầu xưởng	325	
2	KV giữa xưởng	425	
3	KV cuối xưởng	400	
4	KV giữa xưởng Winder	450	
5	KV giữa xưởng Spinning	300	
6	KV phòng lạp		780
7	KV phòng nhuộm thử nghiệm		865
	TỔNG CỘNG	5	2

STT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	Cacbon đioxit (mg/m ³)	Etylen (mg/m ³)
TRẢNG BÀNG 3			
	Nhà máy DTY		
1	KV đầu xưởng	590	
2	KV giữa xưởng	425	
3	KV cuối xưởng	410	
4	KV giữa xưởng Winder	500	
5	KV giữa xưởng Spinning	400	
6	KV phòng lạp	400	
7	KV phòng nhuộm thử nghiệm		840
	TỔNG CỘNG	6	1
TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG (Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT) Giá trị giới hạn các hóa chất trong không khí vùng làm việc: -Trung bình 8 giờ (TWA) -Từng lần tối đa (STEL)		900 1800	1150 -

e. Tiếng ồn:

STT	VỊ TRÍ ĐO	Mức âm chung (dBA)	MỨC ÂM Ở CÁC GIẢI TẦN (Hz)							
			63	125	250	500	1K	2K	4K	8K
CỦ CHI										
	Nhà máy DTY									
1	Máy 7	100	63,7	64.5	66.8	81.2	78.2	77.8	75.9	73.2
2	Máy 8	105	62.8	63.9	67.5	80.4	77.6	76.2	74.3	72.9
3	Máy 9	95	62.3	63.5	67.2	79.9	77.1	75.4	73.9	72.5
4	Máy 11	77	54.5	57.3	55.2	65.3	68.3	67.5	65.2	63.8
5	Máy 12	67.9	54.2	57	54.7	64.8	67.8	67.1	64.7	63.2
6	Máy 13	70.5	56.2	56.3	54.3	65.2	68.1	67.2	65.2	63.5
7	KV giữa xưởng Winder	97.3	62.7	63.7	67.4	80.2	77.5	75.8	74.6	72.8
8	KV giữa xưởng Spinning	82.5	54.1	56.8	54.3	64.5	67.3	66.4	62.5	62.8
TRẢNG BÀNG 1, 2										
	Nhà máy DTY									
1	Máy 34	100	63.7	64.5	66.8	81.2	78.2	77.8	75.9	73.2
2	Máy 31	105	62.8	63.9	67.5	80.4	77.6	76.2	74.3	72.9
3	Máy 27	95	62.3	63.5	67.2	79.9	77.1	75.4	73.9	72.5
4	Máy 28	77	54.5	57.3	55.2	65.3	68.3	67.5	65.2	63.8
5	Máy 24	67.9	54.2	57	54.7	64.8	67.8	67.1	64.7	63.2
6	Máy 25	70.5	56.2	56.3	54.3	65.2	68.1	67.2	65.2	63.5
7	KV giữa xưởng Winder	97.3	62.7	63.7	67.4	80.2	77.5	75.8	74.6	72.8
8	KV giữa xưởng Spinning	82.5	54.1	56.8	54.3	64.5	67.3	66.4	62.5	62.8

STT	VỊ TRÍ ĐO	Mức âm chung (dBA)	MỨC ÂM Ở CÁC GIẢI TẦN (Hz)							
			63	125	250	500	1K	2K	4K	8K
TRẢNG BÀNG 3										
	Nhà máy DTY									
1	KV máy 36	100	63,7	64.5	66.8	81.2	78.2	77.8	75.9	73.2
2	KV máy 38	105	62.8	63.9	67.5	80.4	77.6	76.2	74.3	72.9
3	KV máy 39	95	62.3	63.5	67.2	79.9	77.1	75.4	73.9	72.5
4	KV máy 41	77	54.5	57.3	55.2	65.3	68.3	67.5	65.2	63.8
5	KV máy 43	67.9	54.2	57	54.7	64.8	67.8	67.1	64.7	63.2
6	KV máy 44	70.5	56.2	56.3	54.3	65.2	68.1	67.2	65.2	63.5
7	KV giữa xưởng Winder	97.3	62.7	63.7	67.4	80.2	77.5	75.8	74.6	72.8
8	KV giữa xưởng Spinning	82.5	54.1	56.8	54.3	64.5	67.3	66.4	62.5	62.8
	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động QĐ 3733/2002/QĐ-BYT * Tiếng ồn - Vùng có công nhân làm việc trong các phân xưởng và trong nhà máy	85	99	92	86	83	80	78	76	74

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐO, KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG:

STT	Yếu tố đo, kiểm tra	CỬ CHI			TRẢNG BẢNG 1, 2			TRẢNG BẢNG 3		
		Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt TCVSLĐ	Số mẫu không đạt TCVSLĐ
1	Vi khí hậu									
	Nhiệt độ	10	10	0	10	10	0	10	10	0
	Độ ẩm	10	10	0	10	10	0	10	10	0
	Tốc độ gió	10	10	0	10	10	0	10	10	0
2	Ánh sáng	10	10	0	10	10	0	10	10	0
3	Tiếng ồn	10	2	8	10	2	8	10	2	8
4	Tiếng ồn phân tích dải tần	8	8	0	8	8	0	8	8	0
5	Bụi toàn phần	5	5	0	5	5	0	5	5	0
6	Hơi khí độc									
	- Cacbon đioxit	5	5	0	5	5	0	5	5	0
	- Etylen	2	2	0	2	2	0	2	2	0
	Tổng cộng	70	62	8	70	62	8	70	62	8



Nhìn nhận, vì tính chất đặc thù của máy sản xuất nên tiếng ồn đã có mẫu vượt TCVSLĐ. Tuy nhiên, để đảm bảo cho sức khỏe của người lao động Công ty đã trang bị đầy đủ bảo hộ lao động nút chống ồn cho người lao động khi làm việc kết hợp việc bồi dưỡng bằng hiện vật.

→ **TỔNG QUAN KẾT LUẬN:** Thông qua các tham số tham chiếu kết quả trong các báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý (4 lần/năm) và báo cáo đo kiểm môi trường định kỳ hàng năm của STK. Trong năm 2017, Công ty không có bất kỳ một vi phạm và bị phạt nào liên quan đến lĩnh vực môi trường.

III. TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Mục tiêu

STK xác định rõ nguồn nhân lực là một trong những tài sản quý giá nhất của Công ty, đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp. Với mục tiêu nhằm hài hòa lợi ích của Công ty và Người lao động, STK luôn chú trọng việc duy trì nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp cũng như không ngừng cải thiện các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đánh giá theo hiệu quả làm việc và năng suất, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đào tạo và phát triển của nguồn nhân lực cho doanh nghiệp cũng như tạo điều kiện phát huy năng lực của CBCNNV và xem nó như một trong những chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Giải pháp và hành động

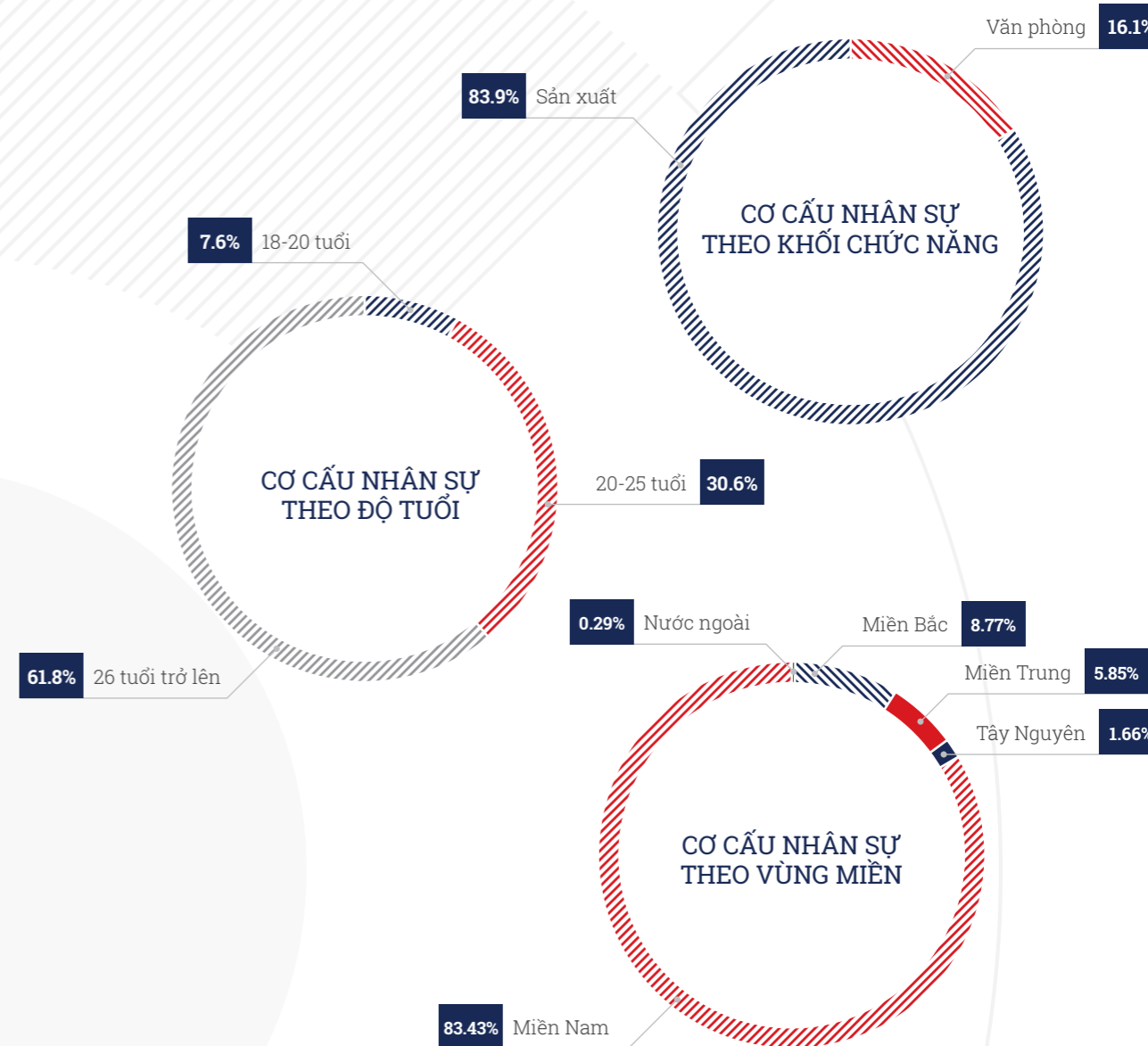
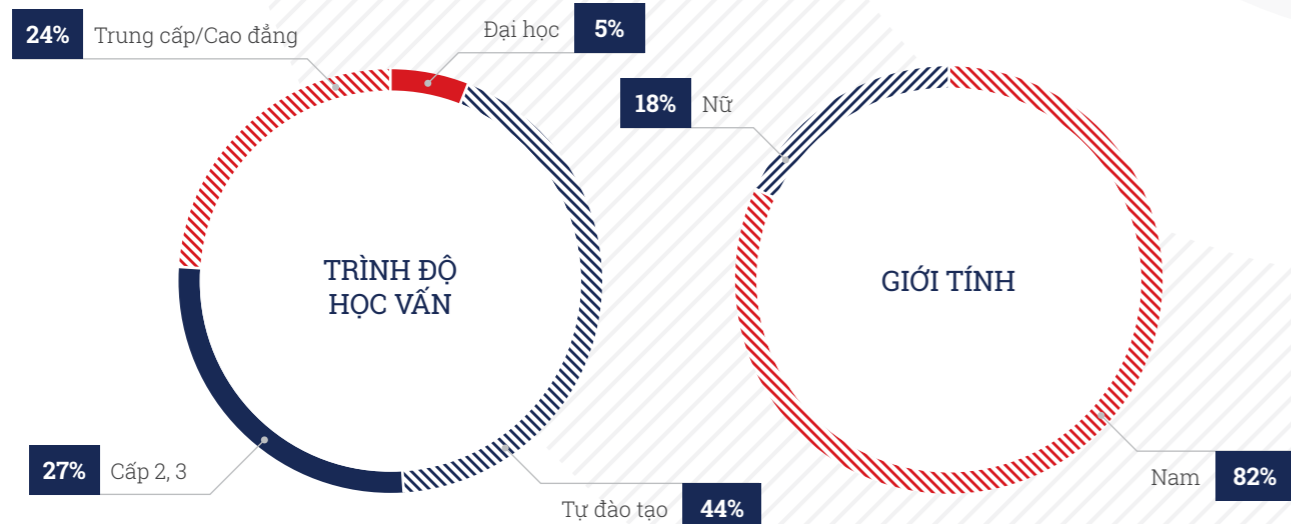
- ♦ Chính sách tuyển dụng
- ♦ Chính sách lương bổng, phúc lợi và đãi ngộ
- ♦ Chính sách đào tạo và đề bạt
- ♦ Chính sách an toàn lao động

1. Chính sách tuyển dụng

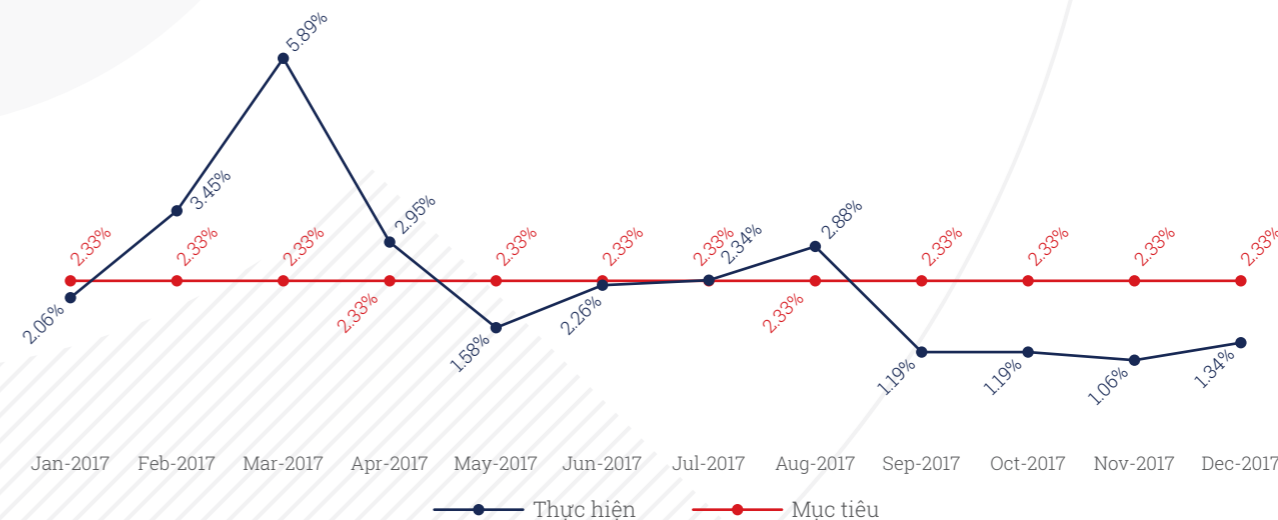
Hướng tới mục tiêu tạo ra những sản phẩm chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của khách hàng, STK luôn chú trọng đến việc phát triển đội ngũ lao động chuyên nghiệp, có tay nghề kỹ thuật cao. Chính vì thế, trình độ học vấn và tinh thần kỷ luật lao động luôn là một trong các tiêu chí tuyển dụng của Công ty. STK thực hiện tuyển dụng dựa trên nhu cầu sử dụng lao động của Công ty và khả năng đáp ứng các yêu cầu cho vị trí tuyển dụng của ứng viên, tuyệt đối không dựa trên những đặc điểm nào khác. STK cam kết minh bạch trong quá trình tuyển dụng, công ty đảm bảo môi trường công bằng minh bạch với người ứng tuyển và xác định bất kỳ mối quan hệ gia đình với nhân viên các cấp trong Công ty sẽ không mang lại những thuận lợi hay ưu đãi nào trong quá trình tuyển dụng. Ngoài ra, Công ty còn cam kết không sử dụng lao động trẻ em (dưới 18 tuổi).

Thông tin tổng quan về lao động chính thức đến hết 31/12/2017

1026
người



TỶ LỆ BIẾN ĐỘNG NHÂN SỰ THEO THÁNG TRONG NĂM 2017



Tình hình biến động nhân sự tại công ty năm 2017 biến động mạnh vượt chỉ tiêu chủ yếu rơi vào các tháng cuối và sau tết Nguyên đán Việt Nam do người lao động nhập cư có xu hướng nghỉ dài để trở về quê và thường bỏ việc.

2. Chính sách cho người lao động

Tất cả lao động làm việc ở Công ty đều theo chế độ hợp đồng lao động. Tùy theo công việc và đối tượng lao động, Công ty sẽ xác định loại hợp đồng có thời hạn hoặc không thời hạn theo luật định hiện hành.

Giờ làm việc tại Công ty là 08 giờ/ngày, 06 ngày/tuần. Khối văn phòng làm việc từ 08:00 đến 17:00 từ thứ 2 đến thứ 7. Do tính chất công việc, máy hoạt động 24/24 nên khối sản xuất sẽ làm việc cả ngày Chủ nhật, Lễ, Tết và thời gian làm việc được chia theo 3 ca. Công ty sẽ bố trí nghỉ bù bất cứ ngày khác trong tuần, không nhất thiết là Chủ nhật.

Trong một số thời điểm, do yêu cầu đẩy nhanh tiến độ sản xuất, thực hiện đơn hàng theo hợp đồng hoặc những yêu cầu phát sinh đột xuất khác thì việc làm thêm được thực hiện và đảm bảo theo các nguyên tắc sau: (1) trên cơ sở tự nguyện của người lao động; (2) không thường xuyên và không vượt quá 12 giờ/tuần; (3) Tổng thời gian không vượt quá 200 giờ/năm; (4) Tiền lương trong thời gian làm thêm sẽ được trả cao hơn so với thời gian làm chính thức và đảm bảo theo đúng luật định.

LƯƠNG CƠ BẢN

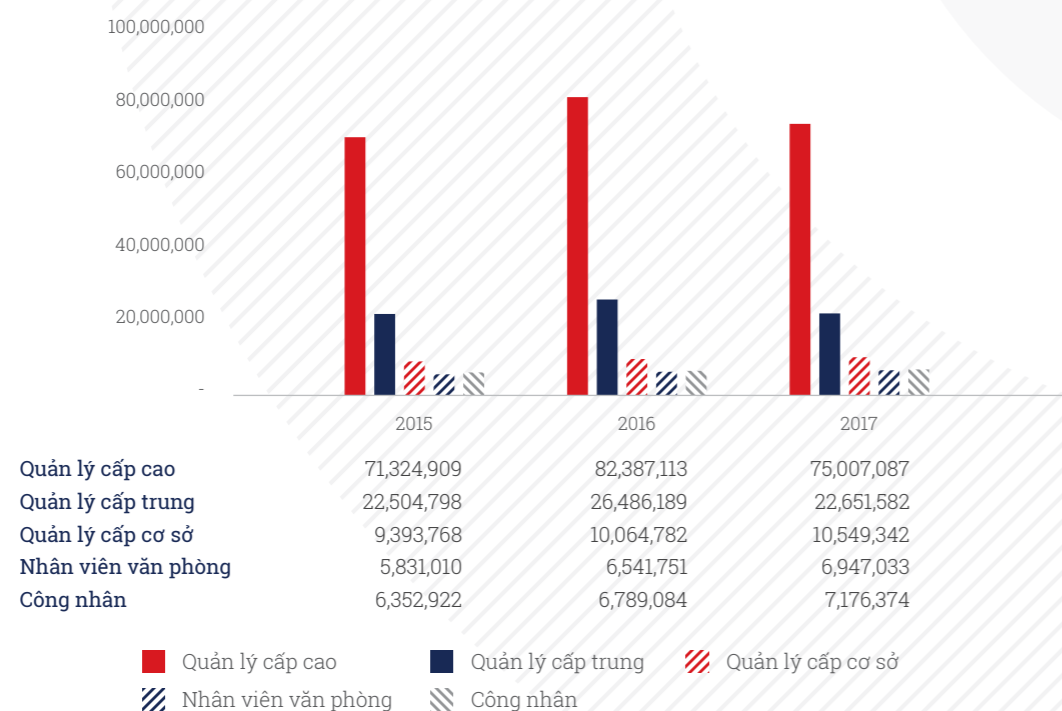
Căn cứ theo mức lương tối thiểu vùng tại từng thời điểm, Công ty xây dựng, điều chỉnh hệ thống thang lương bảng lương phù hợp theo quy định của Nhà nước theo từng năm nhằm đảm bảo tuân thủ của công ty với luật lao động. Mức lương làm cơ sở tham gia bảo hiểm cho người lao động được căn cứ theo thang bảng lương. Đồng thời, người lao động được thay đổi lương cơ bản kịp thời theo quy định của nhà nước.

LƯƠNG THỰC LÃNH

Khối văn phòng	Khối sản xuất
Tùy thuộc vào tính chất của từng vị trí công việc, Công ty sẽ xây dựng mức lương theo từng bậc tương ứng từng vị trí công việc.	Hưởng lương theo sản phẩm và theo hiệu suất làm việc. Đơn giá lương sản phẩm sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng thời điểm.

Công ty không áp dụng hình thức trừ lương nhân viên như biện pháp kỷ luật lao động, ngoại trừ biện pháp chế tài bồi thường vật chất do gây ra thiệt hại theo phán quyết của Hội đồng kỷ luật công ty có sự tham gia của Ban chấp hành Công Đoàn cơ sở.

THU NHẬP NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA TỪNG NĂM



Mức thu nhập bình quân của khối quản lý cấp cao và cấp trung tại doanh nghiệp giảm trong năm 2017 chủ yếu do biến động thay đổi nhân sự (khi nhân sự thay thế có bậc lương) và một số cán bộ quản lý nữ có thời gian thai sản dài hạn (những người này được hưởng trợ cấp thai sản do BHXH trả thay vì nhận lương của Công ty trong giai đoạn này).

TIỀN THƯỞNG

Tiền thưởng cho người lao động căn cứ theo quy chế trả lương thưởng của Công ty, được tính vào thu nhập hàng tháng nếu các cá nhân đạt được các tiêu chí thưởng theo quy chế, có các loại tiền thưởng như sau:

- Thưởng tác nghiệp viên
- Thưởng chấp hành nội quy
- Thưởng trợ cấp độc hại
- Thưởng hoàn thành nhiệm vụ
- Thưởng bồi dưỡng bằng hiện vật
- Thưởng bậc tay nghề
- Thưởng theo doanh số bán hàng
- Thưởng hiệu quả mua hàng
- Thưởng cho vị trí bốc xếp/ phụ kho/ xe nâng
- Thưởng các ngày Lễ

Ngoài tiền thưởng hàng tháng như trên, cuối năm Công ty sẽ trích thưởng cho CB-CNV:

- Thưởng Tết
- Thưởng hiệu quả hoạt động trong năm

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM

Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp thực hiện theo quy định của Nhà nước, tỷ lệ tham gia bảo hiểm của CBCNV Công ty là **100%**. Ngoài ra, Công ty thực hiện mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB-CNV.

PHÚC LỢI

Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm chăm sóc đến đời sống của cán bộ công nhân viên làm việc tại công ty, công ty hỗ trợ nhà trọ miễn phí cho CB-CNV và ưu tiên cho những trường hợp ở cách xa Công ty từ 30 km trở lên. Ngoài ra, Công ty còn đãi ngộ bữa ăn giữa ca; bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các vị trí công việc có điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại; phép năm; khám sức khỏe định kỳ...và các loại phụ cấp: làm đêm, điện thoại, xăng...

Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật là cầu nối hữu hiệu giữa người lao động và doanh nghiệp. Các chế độ BHXH, BHYT được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng BHXH, chấp hành nghĩa vụ đóng BHXH đầy đủ và đúng hạn cho cơ quan BHXH Thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ tham gia các buổi thương lượng thỏa ước lao động tập thể và bảo hiểm của nhân viên tại công ty là 100%.

Tại STK, tất cả chính sách lương, thưởng và phúc lợi đều được ban hành chi tiết, rõ ràng thành quy chế, thể hiện đầy đủ trong thỏa ước lao động tập thể, phù hợp với quy định hiện hành và được phổ biến công khai trong toàn công ty.

Ngoài ra, để xây dựng và củng cố tinh thần gắn kết lâu bền của đội ngũ CBCNV với STK, Công ty đã phát hành cổ phiếu với giá ưu đãi cho CBCNV trong các năm 2011 và 2015. Công ty dự kiến sẽ phát hành khoảng 600,000 cổ phiếu theo giá ưu đãi cho CBCNV trong năm 2018.

3. Đào tạo và đề bạt

Hàng năm công ty luôn củng cố việc xây dựng các chương trình đào tạo với nội dung luôn được cập nhật theo tiêu chuẩn mới của khách hàng, nhu cầu sản xuất của công ty, và quy định hiện hành của nhà nước với khung nội dung về kiến thức cơ bản về Công ty, văn hóa Công ty, sản phẩm của Công ty, ISO/5S/KAIZEN/LEAN/SAP/POC, an toàn lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp, ý thức nghề nghiệp, đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo trưởng ca.



Hình thức đào tạo: đào tạo nội bộ và thuê ngoài.

Nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả hoạt động, Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo cho tác nghiệp viên, công nhân, kỹ thuật viên khối sản xuất. Ngoài các nội dung cơ bản được huấn luyện hàng năm, trong năm 2017 Công ty đã đưa vào chương trình đào tạo một số nội dung mới như sau: chương trình đào tạo về các vấn đề môi trường, xã hội, an toàn lao động theo tiêu chuẩn GRS; các đào tạo ngắn hạn về "Tôn Trọng Sản Phẩm", "Quản Lý Cấp Trung" góp phần nâng cao kỹ năng làm việc của người lao động và củng cố kiến thức chuyên môn cho các nhà quản lý.

	2015	2016	2017
Số lượng khóa đào tạo	45	21	20
Đào tạo nội bộ	37	17	13
Thuê ngoài	8	4	7
Ngân sách dành cho đào tạo (đồng)	809,733,599	439,804,000	175,000,000
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (đồng)	351,246,171	44,037,576	158,422,368
Chi phí đào tạo sử dụng thực tế (đồng) (tính thêm lương cho nhân viên đào tạo)	1,216,345,469	900,505,576	821,013,000
Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	43%	10%	87%
Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người/năm)	188.27	207.2	222.34

Về chính sách đề bạt: STK luôn khuyến khích và duy trì một chính sách đề bạt với cơ hội thăng tiến công bằng cho tất cả nhân viên. CB-CNV có đủ năng lực có thể ứng tuyển vào vị trí cao hơn. Phòng nhân sự sẽ kết hợp cùng cấp chủ quản trong việc theo dõi, định hướng và đánh giá năng lực của nhân viên cho vị trí công việc mới. Nếu kỹ năng của nhân viên đạt trên 70% tiêu chuẩn thì nhân viên đó sẽ được trải qua quá trình đào tạo, thử thách trong 2-3 tháng trước khi chính thức được bổ nhiệm vào vị trí cao hơn. Trong năm 2017 số lượng nhân viên được đề bạt lên các vị trí cao hơn là 55 người cao hơn 32 người so với năm 2016.

Năm	2014	2015	2016	2017
Số lượng nhân viên được đề bạt qua các năm (người)	22	39	23	55

4. An toàn lao động

Để đảm bảo việc xây dựng và cung cấp môi trường làm việc an toàn, hiệu quả cho người lao động theo Bộ luật lao động Việt Nam hiện hành, thỏa ước quốc tế ILO và tiêu chuẩn GRS-V3.0 về các tiêu chuẩn hết sức nghiêm ngặt về an toàn lao động và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, Công ty đã ban hành và áp dụng chặt chẽ các chính sách về an toàn - vệ sinh - lao động:

- ♦ Tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu pháp luật Nhà nước liên quan sức khỏe, an toàn lao động cho toàn thể người lao động, các nhà cung ứng và các bên liên quan trong suốt quá trình hoạt động của Công ty.
- ♦ Đảm bảo cung cấp điều kiện làm việc sạch sẽ và an toàn tại nơi làm việc.
- ♦ Nhận diện, đánh giá và có biện pháp phòng tránh và kiểm soát các rủi ro trước khi bắt đầu mọi công việc. Các thiết bị bảo hộ lao động được cung cấp cho người lao động đầy đủ.
- ♦ Đảm bảo cung cấp các phương tiện hỗ trợ y tế cần thiết cho tất cả người lao động.
- ♦ Cung cấp đầy đủ thiết bị, phương tiện đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ.
- ♦ Đảm bảo người lao động được đào tạo, huấn luyện đầy đủ trước khi làm việc. Thường xuyên huấn luyện về sức khỏe, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, quản lý chất thải, vận chuyển và xử lý hóa chất và các nguyên vật liệu nguy hiểm cho người lao động và các cấp quản lý theo quy định pháp luật hiện hành.
- ♦ Tuyên truyền chính sách đến tất cả mọi người.
- ♦ Đảm bảo tính tuân thủ của mọi người, mọi cấp trong công ty với chính sách này.
 - Định kỳ 6 tháng một lần, Tổng Giám Đốc sẽ xem xét đánh giá điều chỉnh, bổ sung những bất cập của chính sách cho phù hợp với Luật định.
 - Tham vấn các chính sách liên quan để các bên có thể kịp thời đóng góp và nâng cao tính hiệu quả áp dụng của các chính sách trong hoạt động sản xuất của công ty.

4. An toàn lao động (tiếp theo)

Thực tế thực hiện:

- Công ty bố trí một cán bộ phụ trách an toàn lao động chịu trách nhiệm điều phối các kế hoạch đào tạo, kiểm tra và lập các báo cáo an toàn lao động định kỳ để nộp cho cơ quan quản lý nhà nước.
- Phối hợp với Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động thực hiện đo kiểm tra môi trường lao động theo các định kỳ hằng năm.
- Thực hiện tiến hành định kỳ lập báo cáo tác động đến môi trường, quan trắc các yếu tố tác động môi trường của công ty về nước thải, khí thải... Kết quả trong năm 2017 Công ty không có bất kỳ vi phạm nào về môi trường
- Để đảm bảo an toàn lao động trong các hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty, STK luôn cân nhắc và xem xét việc nhập và sử dụng trang thiết bị, máy móc theo đúng chuẩn an toàn. Định kỳ Công ty luôn nghiêm túc thực hiện kiểm tra kiểm định các máy móc, thiết bị an toàn để đảm bảo chất lượng trong sản xuất và mục tiêu an toàn trong công việc cho người lao động. Công nhân tại các vị trí đứng máy luôn được trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động như nút chống ồn, khẩu trang hoạt tính, giày bảo hộ lao động, nón và găng tay bảo hộ lao động... Để nâng cao ý thức về việc tuân thủ an toàn của người lao động, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa huấn luyện an toàn lao động theo từng nội dung cụ thể nhằm nâng cao ý thức cho CBCNV.
- Định kỳ hằng năm, Công ty kết hợp các cơ quan chức năng y tế tổ chức các khóa huấn luyện sơ cấp cứu kết hợp thực hành cho toàn bộ người lao động nhằm nâng cao ý thức và kiến thức xử lý tình huống cho người lao động khi có các trường hợp tai nạn khẩn cấp xảy ra.
- Nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho người lao động có công việc làm việc liên quan trực tiếp đến hóa chất, STK đã ban hành và quản lý nghiêm ngặt việc sử dụng hóa chất tại công ty. Tất cả mọi hoạt động sản xuất của công ty đều tuân thủ theo "Quy trình thu mua và quản lý hóa chất" "Hướng dẫn sử dụng hóa chất độc hại" góp phần giảm thiểu tối đa tác động của hóa chất đến môi trường. Ngoài ra, nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động, Công ty định kỳ ban hành và tham vấn các chính sách đánh giá rủi ro lao động và an toàn sản phẩm đến toàn thể người lao động để kịp thời cập nhật và áp dụng hiệu quả so với thực tế.
- Để đảm bảo sức khỏe cho người lao động, hàng năm Công ty phối hợp với Phòng Khám Đa Khoa Nhân Ái thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Đối với những nhân viên làm việc ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn, Công ty sẽ bổ sung thêm gói khám thính lực. Trong trường hợp phát hiện CBCNV nào có dấu hiệu bất thường về thính lực, Công ty sẽ đưa đến các bệnh viện lớn ở TPHCM để khám riêng và thực hiện tái khám định kỳ 6 tháng/lần cho các đối tượng này. Công ty cũng thực hiện đầy đủ các kiểm định đối với thức ăn, nước uống và khay ăn của CBCNV, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Công ty cũng bố trí 50 nhà vệ sinh riêng biệt cho nam và nữ tại 2 nhà máy Củ Chi và Trảng Bàng, đảm bảo tuân thủ theo quy định 20 nhân viên/ca/nhà vệ sinh theo tiêu chuẩn 3733 của chính phủ về số lượng nhà vệ sinh tối thiểu tại môi trường làm việc. Các nhà vệ sinh đều được cung cấp nước sạch, trang bị giấy vệ sinh và xà bông rửa tay, được nhân viên vệ sinh quét dọn sạch sẽ hàng ngày.
- Tại 2 nhà máy của STK ở Củ Chi và Trảng Bàng, Công ty đều có phòng y tế đáp ứng tiêu chuẩn với 1 nhân viên y tế phụ trách.



Huấn luyện về an toàn-vệ sinh lao động	2017	
	Củ Chi	Trảng Bàng
Tổng số CB-CNV được huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động	353	605
Chi phí thực hiện kế hoạch an toàn-vệ sinh lao động (triệu đồng)	512	1,284
Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh	05	12
Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	90	180
Chăm sóc sức khỏe người lao động	405	1,080
Tuyên truyền, huấn luyện	12	12
Chi khác	0	0
Số vụ tai nạn lao động	3 (nhẹ)	4 (nhẹ)
Số người lao động mắc bệnh nghề nghiệp	0	0
Số giờ làm thêm bình quân/ngày/người	0.01 giờ/ngày/người	
Số ngày làm thêm bình quân/6 tháng	0.35 ngày/6 tháng/người	
Máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ	16	22

5. Văn hóa và Truyền thống tại STK

Để xây dựng được một tập thể luôn phấn đấu vì sự phát triển của toàn Công ty, định kỳ vào mỗi thứ hai hàng tuần Công ty sẽ tổ chức chương trình Tôn chỉ STK, bao gồm 02 nội dung chính là Tâm nhìn- Sứ mệnh của các phòng ban và thuyết trình sách.

Chương trình chia sẻ tâm nhìn sứ mệnh của các phòng ban là cơ hội để các đơn vị hiểu rõ hơn về các hoạt động của nhau, những khó khăn thách thức mà các đơn vị trong Công ty đang gặp phải. Chương trình này thúc đẩy sự phối hợp giữa các phòng ban để hoàn thành mục tiêu chung của toàn Công ty.

Hoạt động “thuyết trình sách” nhằm góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng và đời sống tinh thần cho đội ngũ CBCNV thông qua việc chia sẻ các kỹ năng nghiệp vụ hay kỹ năng mềm, cũng như những mẫu chuyện từ trích ra từ những quyển sách hay từ các hoàn cảnh thực tế đáng ngưỡng mộ trong cuộc sống.

Quy Chuẩn Văn Hóa Doanh Nghiệp

Để hướng tới mục đích nâng cao chất lượng đời sống cho CBCNV tại STK, định kỳ hằng năm Công ty luôn có những chương trình thiết thực quan tâm đến toàn thể gia đình của cán bộ CNV trong Công ty thông qua các chương trình trao tặng quà, học bổng cho con em công nhân có hoàn cảnh khó khăn luôn phấn đấu học tập và đạt kết quả cao trong các dịp Tết thiếu nhi, Trung thu và các dịp khác...Ngoài ra, định kỳ một hoặc hai năm, Công ty tổ chức những chuyến tham quan dã ngoại, nghỉ dưỡng cho CBCNV. Trong 2017, Công ty đã tổ chức các chuyến nghỉ dưỡng kéo dài 3 ngày cho CBCNV tại Đà Lạt.

Hàng năm trong các dịp lễ tết, Công ty luôn phối hợp với tổ chức công đoàn tại công ty để xây dựng kính phí nhằm trao tặng những phần quà ý nghĩa cho các CBCNV có hoàn cảnh. Trong năm 2017, Công ty đã trao tặng hơn 50 phần quà cho các nhân viên hoàn cảnh khó khăn để họ có một cái tết ấm áp hơn.



IV. TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG – ĐỊA PHƯƠNG

NHỮNG ĐÓNG GÓP TRỰC TIẾP CỦA STK CHO NỀN KINH TẾ TRONG NĂM 2017

Khoản mục	Giá trị
Số tiền chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông	16,361,610,278 đồng
Tổng số tiền lương-thưởng đã chi trả cho người lao động	95,964,679,906 đồng
Doanh thu bán hàng năm 2017	1,990,728,091,353 đồng
Tổng giá trị giao dịch với nhà cung cấp	1,437,953,748,576 đồng
Trong đó giá trị giao dịch với nhà cung cấp nội địa là	184,814,482,255 đồng
Tổng tiền thuế đã đóng trong năm (bao gồm thuế GTGT, thuế XNK, Thuế TNDN, Thuế TNCN, Thuế Tài nguyên và các loại thuế khác...)	136,054,578,193 đồng

1. Hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế địa phương

Với chính sách nâng lương hàng năm và các chính sách phúc lợi của công ty dành cho người lao động (mức tăng bình quân lương bình quân 2017 là 7.3%), CBCNV của Công ty có thể cải thiện chất lượng cuộc sống. Ngoài ra do Công ty liên tục mở rộng quy mô sản xuất (nhà máy TB 4 được đưa vào hoạt động năm 2017 và nhà máy TB5 được dự kiến đưa vào hoạt động trong 2018), nhiều công ăn việc làm đã được tạo ra cho người dân địa phương, góp phần phát triển kinh tế khu vực. Bên cạnh đó, STK còn góp phần nâng cao trình độ cho người dân địa phương thông qua các khóa đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng cho toàn thể CBCNV. Trong năm 2017, STK đã cấp 10 học bổng cho học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục tại địa phương, bao gồm trường Trung Cấp Nghề Củ Chi, Trung Cấp Nghề Khu Vực Nam Tây Ninh, Cao Đẳng Nghề Tây Ninh.

2. Tuân thủ và ủng hộ chủ trương của nhà nước

Với cam kết từ TGD, STK luôn nghiêm túc chấp hành và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chính sách xã hội, pháp luật Việt Nam và các tiêu chuẩn khách trong doanh nghiệp:

- Cam kết thực hiện chính sách lao động tự nguyện, không đặt cọc, thế chân;
- Cam kết thực hiện chính sách không sử dụng lao động trẻ em;
- Cam kết thực hiện chính sách tự do thành lập hiệp hội và Thương lượng tập thể;
- Cam kết thực hiện chính sách không phân biệt đối xử, quấy rối tinh dục và lạm dụng;
- Cam kết chính sách về sức khỏe và an toàn lao động;
- Cam kết thực hiện chính sách về lương-thưởng theo đúng quy định của luật pháp;
- Cam kết về chính sách về giờ làm việc và thời gian nghỉ ngơi.

3. Chống tham nhũng-hối lộ

STK cam kết sẽ thực hiện hoạt động kinh doanh một cách trung thực và có đạo đức, làm việc chuyên nghiệp, công bằng và trung thực trong mọi hoạt động kinh doanh và các mối quan hệ. Công ty cam kết sẽ không khoan nhượng với tham nhũng và hối lộ và cam kết luôn tuân thủ pháp luật. Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của Công ty bị phát hiện vi phạm hoặc nhận hối lộ hoặc các khoản lợi ích không chính đáng của khách hàng và nhà cung ứng đều sẽ bị xử lý kỷ luật một cách nghiêm khắc. Định kỳ hàng quý Công ty còn yêu cầu nhà cung cấp ký cam kết không hối lộ nhân viên của Công ty.



V. THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Để hướng tới thị trường vốn xanh và những dự án đầu tư xanh., STK đã triển khai các dự án sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường, chất lượng cao và mang lại giá trị gia tăng cho Công ty.

TÊN DỰ ÁN	THỜI GIAN BẮT ĐẦU	HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN
RECYCLED YARN (SỢI TÁI CHẾ)	Từ quý 3/2016 STK đã triển khai việc sản xuất sợi tái chế (Recycled Yarn)	Sử dụng nguồn nguyên liệu recycled (Recycled PET chips) và cơ sở vật chất hiện hữu để sản xuất sợi tái chế với chất lượng cao và thân thiện với môi trường đóng góp vào chuỗi giá trị xanh.
SỢI MÀU	Tháng 2 năm 2017, Công ty tiến hành hợp tác với đối tác nước ngoài, thành lập E.Dye Việt Nam để sản xuất sợi màu	Đây là loại sản phẩm sẽ góp phần thay thế công nghệ nhuộm truyền thống và hạn chế sử dụng nguồn nước sạch, từ đó hạn chế lượng nước thải độc hại ra môi trường.
DỰ ÁN TRẮNG BÀNG 5	Năm 2018	STK sẽ triển khai dự án Trắng Bàng 5 trong năm 2018. Trong dự án này bên cạnh việc đầu tư mở rộng công suất, Công ty còn đầu tư thêm 1 dây chuyền tái chế sợi phế thành hạt nhựa với công suất 1,500 tấn, góp phần bảo vệ môi trường, hạn chế sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên.



BẢNG THAM CHIẾU NỘI DUNG BÁO CÁO VỚI TIÊU CHUẨN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA GRI

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
TIÊU CHUẨN CHUNG		
CHIẾN LƯỢC VÀ PHÂN TÍCH		
G4-1	Đưa ra tuyên bố của người ra quyết định cao nhất của tổ chức về sự liên quan của phát triển bền vững với tổ chức và chiến lược của tổ chức đối với vấn đề phát triển bền vững.	✓ 5
G4-2	Đưa ra mô tả về các tác động, rủi ro và cơ hội chính.	✓ ,56 → 57 64 → 67
HỒ SƠ TỔ CHỨC		
G4-3	Báo cáo tên tổ chức	✓ 3, 40
G4-4	Báo cáo các nhãn hiệu, sản phẩm và dịch vụ chính.	✓ 26
G4-5	Báo cáo vị trí trụ sở chính của tổ chức.	✓ 3
G4-6	Báo cáo số lượng các quốc gia mà tại đó tổ chức hoạt động, và tên của các quốc gia mà tổ chức có hoạt động đáng kể hoặc liên quan cụ thể đến các chủ đề phát triển bền vững bao gồm trong báo cáo.	✓ 3, 40
G4-7	Báo cáo tính chất của quyền sở hữu và hình thái pháp lý của tổ chức.	✓ 3, 24,25,28,29,30 →33,40
G4-8	Báo cáo thị trường phục vụ (bao gồm sự phân chia về địa lý, các khu vực phục vụ, và các loại khách hàng và người thụ hưởng).	✓ 23
G4-9	Quy mô tổ chức	✓ 22
G4-10	Báo cáo về lực lượng lao động	✓ 108,109
G4-11	Báo cáo tỉ lệ phần trăm tổng số người lao động được bao gồm trong các thỏa ước lao động tập thể.	✓ 111
G4-12	Mô tả chuỗi cung ứng của tổ chức	✓ 79,80
G4-13	Báo cáo bất kỳ thay đổi đáng kể nào trong giai đoạn báo cáo liên quan đến quy mô, cấu trúc, quyền sở hữu hoặc chuỗi cung ứng của tổ chức	✓ 26,27
G4-14	Báo cáo tổ chức có đưa ra phương pháp phòng ngừa hoặc nguyên tắc phòng ngừa hay không và áp dụng xử lý như thế nào	✓ 64→67
G4-15	Liệt kê các điều khoản, nguyên tắc về kinh tế, môi trường và xã hội được phát triển bên ngoài tổ chức hoặc các sáng kiến khác mà tổ chức tán thành hoặc ủng hộ.	✓ 58→63, 74→76, 79, 87, 118

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
G4-16	Liệt kê quyền hội viên trong các hiệp hội và các tổ chức vận động trong nước và quốc tế mà tổ chức nắm giữ.	✓ 62
XÁC ĐỊNH CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU		
G4-17	a. Liệt kê tất cả các đơn vị bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức hoặc các tài liệu tương đương. b. Báo cáo về việc một đơn vị nào đó có trong các báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức hoặc các tài liệu tương đương không được đề cập trong báo cáo hay không.	✓ 40
G4-18	a. Giải thích quy trình xác định nội dung báo cáo và các Ranh giới Lĩnh vực. b. Giải thích cách tổ chức đã triển khai các Nguyên tắc Báo cáo cho việc Xác định Nội dung Báo cáo như thế nào.	✓ 56→67
G4-19	Liệt kê tất cả các Lĩnh vực trọng yếu đã xác định trong quy trình xác định nội dung báo cáo	✓ 71
G4-20	Với mỗi Lĩnh vực trọng yếu, báo cáo Ranh giới Lĩnh vực trong tổ chức	☒
G4-21	Với mỗi Lĩnh vực trọng yếu, báo cáo Ranh giới Lĩnh vực ngoài tổ chức.	☒
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong báo cáo trước đó, và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó	☒
G4-23	Báo cáo những thay đổi đáng kể về Quy mô và các Ranh giới Lĩnh vực so với các giai đoạn báo cáo trước đây	☒
SỰ THAM VẤN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN		
G4-24	Cung cấp danh sách các nhóm liên quan được tổ chức mời tham gia	✓ 57→63
G4-25	Báo cáo cơ sở của việc xác định và lựa chọn các bên liên quan để mời tham gia.	✓ 57→63
G4-26	Báo cáo phương pháp tiếp cận của tổ chức với sự tham vấn của các bên liên quan, bao gồm tần suất tham gia theo loại và các nhóm liên quan, và chỉ ra có sự tham vấn nào đã được triển khai đặc biệt trong khuôn khổ của quy trình lập báo cáo hay không.	✓ 57→63

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
G4-27	Báo cáo các chủ đề và mối quan ngại chính đã được đưa ra thông qua sự tham vấn của các bên liên quan, và tổ chức đã phản ứng như thế nào đối với các chủ đề và mối quan ngại chính này, bao gồm cả các báo cáo mà tổ chức đã công bố. Báo cáo về các bên liên quan đã đưa ra từng chủ đề và mối quan ngại chính.	✓ 57→61
HỒ SƠ BÁO CÁO		
G4-28	Giai đoạn báo cáo (như năm tài chính hoặc năm theo lịch) dành cho thông tin được cung cấp.	✓ 40
G4-29	Ngày lập báo cáo trước đây gần nhất (nếu có).	✓ 40
G4-30	Chu kỳ báo cáo (như là hàng năm, hai năm một lần).	✓ 40
G4-31	Cung cấp đầu mối liên hệ cho các câu hỏi liên quan đến báo cáo hoặc nội dung của báo cáo	✓ 40
G4-32	a. Báo cáo phương án 'phù hợp' mà tổ chức đã chọn. b. Báo cáo Bảng chú dẫn Mục lục GRI dành cho phương án đã chọn c. Báo cáo tài liệu tham chiếu đến Báo cáo Đảm bảo Bên ngoài, nếu báo cáo này đã được đảm bảo bên ngoài (GRI khuyến khích sử dụng đảm bảo bên ngoài nhưng đó không phải là yêu cầu để 'phù hợp' với Hướng dẫn).	✓ 40, 71, 122
G4-33	a. Báo cáo chính sách và thông lệ hiện hành của tổ chức về việc sử dụng đảm bảo bên ngoài cho báo cáo. b. Nếu không được bao gồm trong báo cáo đảm bảo kèm theo báo cáo phát triển bền vững, báo cáo quy mô và cơ sở của bất kỳ đảm bảo bên ngoài được cung cấp nào. c. Báo cáo mối quan hệ giữa tổ chức và các nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo. d. Báo cáo liệu có cấp quản trị cao nhất hoặc cấp điều hành cao có tham gia vào việc tìm kiếm đảm bảo cho báo cáo phát triển bền vững của tổ chức hay không.	✓ 71
GOVERNANCE		
G4-34	Cơ cấu quản trị, quản lý của tổ chức, bao gồm cả các ủy ban của cơ quan quản lý cao nhất, chịu trách nhiệm cho các trách nhiệm cụ thể	✓ 30→34
G4-35	Báo cáo quy trình ủy quyền cho các chủ đề về kinh tế, môi trường và xã hội từ cơ quan quản trị cao nhất đến các giám đốc điều hành cấp cao và các nhân viên khác	☒

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
G4-36	Báo cáo liệu tổ chức đã chỉ định vị trí cấp điều hành hoặc các vị trí chịu trách nhiệm về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội hay không, và những người nắm giữ các vị trí đó có báo cáo trực tiếp cho các cơ quan quản trị cao nhất hay không.	☒
G4-37	Báo cáo quy trình tham vấn giữa các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, xã hội, môi trường. Nếu việc tham vấn được ủy quyền thì mô tả người được ủy quyền là ai và bất kỳ quy trình phản hồi cho cơ quan quản trị cao nhất nào.	☒
G4-38	Báo cáo thành phần của cơ quan quản trị cao nhất và các ủy ban của cơ quan này.	☒
G4-39	Báo cáo Chủ tịch của cơ quan quản trị cao nhất có phải Giám đốc Điều hành hay không (và, nếu có, chức năng của Chủ tịch trong quá trình hoạt động quản trị của tổ chức và lý do sự sắp xếp này)	☒
G4-40	Báo cáo các quy trình chỉ định và lựa chọn dành cho cơ quan quản trị cao nhất và các ủy ban của nó, và những tiêu chí sử dụng cho việc chỉ định và lựa chọn thành viên của cơ quan quản trị cao nhất.	☒
G4-41	Báo cáo các quy trình dành cho cơ quan quản trị cao nhất để đảm bảo tránh và kiểm soát được xung đột lợi ích. Báo cáo liệu xung đột lợi ích có được công bố cho các bên liên quan hay không.	☒
G4-42	Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất và giám đốc điều hành cấp cao trong việc xây dựng, phê duyệt và cập nhật mục đích, giá trị hoặc các tuyên bố về sứ mệnh, chiến lược, chính sách và mục tiêu của tổ chức liên quan đến các tác động kinh tế, môi trường và xã hội.	☒
G4-43	Báo cáo các biện pháp được triển khai để phát triển và tăng cường kiến thức tổng hợp của cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội.	☒
G4-44	a. Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội. Bao gồm vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc triển khai các quy trình thẩm định. b. Báo cáo hoạt động tham vấn của các bên liên quan có được sử dụng để hỗ trợ việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội của cơ quan quản trị cao nhất hay không.	☒

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
G4-45	Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc rà soát lại tính hiệu quả của các quy trình quản trị rủi ro của tổ chức đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội.	☒
G4-46	Báo cáo tần suất rà soát lại các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội của cơ quan quản trị cao nhất.	☒
G4-47	Báo cáo tần suất rà soát lại các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội của cơ quan quản trị cao nhất.	☒
G4-48	Báo cáo ủy ban hoặc người nắm vị trí cao nhất trong việc rà soát và phê duyệt chính thức báo cáo phát triển bền vững của tổ chức và đảm bảo rằng tất cả các Lĩnh vực trọng yếu đều được đề cập trong báo cáo.	✓ 5
G4-49	Báo cáo quy trình truyền đạt các mối quan ngại cấp bách nhất đến cơ quan quản trị cao nhất.	☒
G4-50	Báo cáo bản chất và tổng số các mối lo ngại cấp bách đã được truyền đạt tới cơ quan quản trị cao nhất và (các) cơ chế được sử dụng để xử lý và giải quyết các mối lo ngại này.	☒
G4-51	a. Report the remuneration policies for the highest a. Báo cáo các chính sách thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và các giám đốc điều hành cấp cao đối với các loại thù lao b. Báo cáo các tiêu chí hiệu quả hoạt động trong chính sách thù lao liên quan đến những mục tiêu kinh tế, môi trường và xã hội của cơ quan quản trị cao nhất và giám đốc điều hành cấp cao như thế nào..	☒
G4-52	Báo cáo quy trình quyết định mức thù lao. Báo cáo về việc các nhà tư vấn về thù lao có tham gia vào việc quyết định mức thù lao hay không và họ có độc lập với ban quản trị hay không. Báo cáo bất kỳ mối quan hệ khác nào của các nhà tư vấn về thù lao với tổ chức.	☒
G4-53	Báo cáo quan điểm của các bên liên quan về thù lao, bao gồm các kết quả biểu quyết cho các chính sách và đề xuất thù lao, nếu áp dụng, được tìm kiếm và rà soát như thế nào.	☒
G4-54	Báo cáo tỉ lệ tổng thù lao hàng năm cho các cá nhân được trả lương cao nhất của tổ chức tại mỗi quốc gia có hoạt động trọng yếu trong tổng thù lao trung bình hàng năm cho tất cả người lao động (không bao gồm cá nhân được trả lương cao nhất) trong cùng quốc gia.	☒
G4-55	Báo cáo tỉ lệ phần trăm tăng trong tổng thù lao hàng năm cho cá nhân được trả lương cao nhất của tổ chức tại mỗi quốc gia của cơ sở hoạt động trọng yếu so với phần trăm tăng trung bình trong tổng thù lao hàng năm cho tất cả người lao động (không bao gồm cá nhân được trả lương cao nhất) tại cùng quốc gia.	☒

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
G4-56	Mô tả các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của tổ chức như bộ quy tắc ứng xử và bộ quy tắc đạo đức.	✓ 42-43
G4-57	Báo cáo các cơ chế nội bộ và bên ngoài tổ chức để có được sự tư vấn về các hành vi đạo đức và tuân thủ pháp luật, các vấn đề liên quan đến tính chính trực của tổ chức, như đường dây trợ giúp hoặc đường dây tư vấn.	☒
G4-58	Báo cáo các cơ chế nội bộ và bên ngoài tổ chức cho việc báo cáo những mối quan ngại về hành vi không hợp đạo đức hoặc phi pháp và các vấn đề liên quan đến tính chính trực của tổ chức, như báo cáo vượt cấp lên cấp cao hơn cấp quản trị trực tiếp, các cơ chế tố cáo hoặc đường dây nóng.	☒
TIÊU CHUẨN CỤ THỂ		
DANH MỤC KINH TẾ		
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 58 → 63
EC1	Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra và phân phối	✓ 118
EC2	Tác động về mặt tài chính, các rủi ro và cơ hội khác trong hoạt động của tổ chức do biến đổi khí hậu.	☒
EC3	Phạm vi trách nhiệm của tổ chức về đáp ứng nghĩa vụ theo kế hoạch phúc lợi đã xác định của tổ chức	☒
EC4	Những hỗ trợ tài chính nhận được từ chính phủ	☒
SỰ CÓ MẶT TRÊN THỊ TRƯỜNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
EC5	Tỉ lệ của mức lương khởi điểm tiêu chuẩn theo giới tính so với mức lương tối thiểu của địa phương tại địa điểm hoạt động trọng yếu.	☒
EC6	Tỉ lệ quản trị cấp cao thuê từ cộng đồng địa phương tại các địa điểm hoạt động trọng yếu.	☒

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
EC7	Sự phát triển và tác động của các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ được hỗ trợ	☒
EC8	Mô tả các tác động gián tiếp về kinh tế chủ yếu, bao gồm cả phạm vi tác động.	☒
PHƯƠNG THỨC MUA SẮM		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
EC9	Tỷ lệ chi tiêu cho các Nhà cung cấp địa phương tại các địa điểm hoạt động trọng yếu.	✓ 118
DANH MỤC: MÔI TRƯỜNG		
VẬT LIỆU		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 78,79
EN1	Vật liệu được sử dụng theo Khối lượng/ Trọng lượng	✓ 81
EN2	Phần trăm vật liệu được sử dụng là nguyên liệu đầu vào từ tái chế	✓ 81
NĂNG LƯỢNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 82 → 84
EN3	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức.	✓ 82
EN4	Tiêu thụ năng lượng ngoài tổ chức.	☒
EN5	Cường độ năng lượng.	✓ 82
EN6	Giảm tiêu thụ năng lượng.	✓ 83 → 84
EN7	Giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ.	☒
NƯỚC		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 85
EN8	Tổng lượng nước thu về theo nguồn.	☒
EN9	Các nguồn nước bị ảnh hưởng đáng kể từ việc thu nước.	☒
EN10	Tỉ lệ phần trăm và tổng khối lượng nước được tái chế và tái sử dụng.	✓ 85

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
ĐA DẠNG SINH HỌC		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
EN11	Cơ sở hoạt động được sở hữu, cho thuê, quản trị trong, hoặc gần kề các khu vực bảo tồn và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao bên ngoài các khu được bảo vệ.	☒
EN12	Mô tả các tác động đáng kể của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ đối với tính đa dạng sinh học trong các khu vực bảo tồn và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao ngoài các khu vực bảo tồn.	☒
EN13	Các môi trường sống được bảo tồn hoặc phục hồi.	☒
EN14	Tổng số loài trong Sách đỏ của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong các khu vực bị các hoạt động tác động, theo mức độ nguy cơ tuyệt chủng.	☒
PHÁT THẢI		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 86,91,92
EN15	Các phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (Phạm vi 1).	✓ 91
EN16	Các phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp năng lượng (Phạm vi 2).	✓ 86
EN17	Các phát thải khí nhà kính (GHG) gián tiếp khác (Phạm vi 3).	☒
EN18	Cường độ phát thải khí nhà kính (GHG).	✓ 86
EN19	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG).	☒
EN20	Phát thải các chất phá hủy tầng ô-zôn (ODS).	☒
EN21	Phát thải NOx, SOx và các phát thải khí đáng kể khác.	☒
NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 92 → 94
EN22	Tổng lượng nước thải theo chất lượng và địa điểm thải.	✓ 93
EN23	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý.	✓ 93
EN24	Tổng số lượng và khối lượng các sự cố tràn đáng kể.	☒
EN25	Lượng chất thải được vận chuyển, nhập khẩu, xuất khẩu, hoặc xử lý được cho là nguy hại theo các điều khoản của Phụ lục I, II, III và VIII của Công ước Basel 2 và tỉ lệ phần trăm chất thải được vận chuyển quốc tế.	✓ 93

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
EN26	Nhận dạng, quy mô, tình trạng được bảo vệ và giá trị đa dạng sinh học của các khu vực chứa nước và các môi trường sống liên quan bị ảnh hưởng đáng kể bởi việc thải nước và dòng nước thải của tổ chức.	☒
THÔNG TIN VÀ NHÃN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ.		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 74 → 77
EN27	Phạm vi giảm nhẹ tác động của các tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ.	✓ 75,76
EN28	Tỉ lệ phần trăm của các sản phẩm đã bán và vật liệu đóng gói của chúng được tái chế theo danh mục.	☒
TUÂN THỦ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 78→106, 119
EN29	Giá trị bằng tiền của các khoản phạt đáng kể và tổng số hình phạt phi tiền tệ cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.	✓ 106,119
VẬN CHUYỂN		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
EN30	Các tác động môi trường đáng kể của việc vận chuyển sản phẩm và hàng hóa và vật liệu khác cho hoạt động của tổ chức, và việc vận chuyển lực lượng lao động.	☒
TỔNG THỂ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
EN31	Tổng chi phí và đầu tư bảo vệ môi trường theo loại.	✓ 79,80 → 81
ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
EN32	Tỉ lệ phần trăm các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường.	☒
EN33	Các tác động môi trường tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể trong chuỗi cung ứng và các biện pháp đã triển khai.	☒

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VỀ MÔI TRƯỜNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
EN34	Số lượng khiếu nại về các tác động môi trường đã nộp, xử lý và giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức.	☒
DANH MỤC: XÃ HỘI		
<i>CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM BỀN VỮNG</i>		
VIỆC LÀM		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 42,108→111
LA1	Tổng số lượng và tỉ lệ người lao động thuê mới và luân chuyển lao động theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực.	✓ 108 → 109
LA2	Phúc lợi cung cấp cho người lao động toàn thời gian không dành cho người lao động tạm thời hoặc bán thời gian theo địa điểm hoạt động trọng yếu.	✓ 110 → 111
LA3	Quay trở lại làm việc và tỉ lệ giữ lại sau khi nghỉ chăm sóc con nhỏ mới sinh, theo giới tính.	☒
QUAN HỆ QUẢN TRỊ/LAO ĐỘNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 42,111
LA4	Các thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động, bao gồm những thay đổi này có được nêu trong các thỏa thuận tập thể hay không.	☒
AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 42, 113→115
LA5	Tỷ lệ phần trăm tổng lực lượng lao động trong các ủy ban về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.	☒
LA6	Loại thương tích và tỉ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ việc, tình trạng người lao động vắng mặt và tổng các vụ tử vong liên quan đến công việc, theo khu vực và theo giới tính.	✓ 115
LA7	Người lao động có tỉ lệ mắc phải hoặc rủi ro mắc các bệnh nghề nghiệp cao.	✓ 115
LA8	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được bao gồm trong thỏa thuận chính thức với công đoàn.	✓ 114

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 112→113
LA9	Giờ đào tạo trung bình mỗi năm của người lao động theo giới tính, và theo danh mục người lao động.	✓ 112→113
LA10	Các chương trình quản trị kỹ năng và học tập dài hạn hỗ trợ khả năng tiếp tục làm việc của người lao động và giúp họ về việc chấm dứt quan hệ lao động.	✓ 112→113
LA11	Tỉ lệ phần trăm người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và theo danh mục người lao động.	☒
TÍNH ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP BÌNH ĐẲNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 42, 60, 108, 118,119
LA12	Thành phần của các cấp quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác	☒
CÔNG BẰNG THÙ LAO CHO NAM VÀ NỮ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 42, 60, 110→111, 118→119
LA13	Tỉ lệ lương và thù lao cơ bản của lao động nữ so với lao động nam theo danh mục người lao động, theo địa điểm hoạt động trọng yếu.	☒
ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
LA14	Tỉ lệ phần trăm các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí cách đối xử với người lao động.	☒
LA15	Các tác động tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể đối với cách đối xử với người lao động trong chuỗi cung ứng và các biện pháp đã triển khai.	☒
CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VỀ CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 43

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
LA16	Số lượng khiếu nại về cách đối xử với người lao động đã nộp, xử lý và giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức.	✓ 119
QUYỀN CON NGƯỜI		
ĐẦU TƯ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
HR1	Tổng số và tỉ lệ phần trăm các thỏa thuận và hợp đồng đầu tư quan trọng có các điều khoản về quyền con người hoặc đã xem xét đến các vấn đề về Quyền con người.	☒
HR2	Tổng số giờ đào tạo người lao động về các chính sách Quyền con người hoặc các thủ tục về các lĩnh vực Quyền con người liên quan đến các hoạt động, bao gồm tỉ lệ phần trăm của người lao động đã được đào tạo.	☒
KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 42,60, 118-119
HR3	Tổng số vụ phân biệt đối xử và các biện pháp khắc phục đã triển khai.	☒
TỰ DO LẬP HỘI VÀ THỎA ƯỚC TẬP THỂ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 42,118-119
HR4	Những hoạt động và các nhà cung cấp đã xác định là có thể vi phạm hoặc có nguy cơ đáng kể vi phạm quyền thực hiện tự do thành lập hiệp hội và thỏa ước tập thể và những biện pháp đã triển khai để hỗ trợ những quyền này.	☒
LAO ĐỘNG TRẺ EM		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 42, 108, 118-119
HR5	Các hoạt động và nhà cung cấp đã xác định là có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em và các biện pháp đã thực hiện để góp phần xóa bỏ lao động trẻ em một cách hiệu quả.	☒
LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 42, 108, 118-119

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
HR6	Các hoạt động và nhà cung cấp đã xác định là có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, và các biện pháp góp phần loại bỏ tất cả các hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	☒
CÁC PHƯƠNG THỨC BẢO VỆ TÀI SẢN		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
HR7	Tỉ lệ phần trăm nhân viên an ninh đã được đào tạo về các chính sách và thủ tục về Quyền con người liên quan đến các hoạt động của tổ chức.	☒
QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
HR8	Tổng số vụ vi phạm liên quan đến các quyền của người dân bản địa và những biện pháp đã triển khai.	☒
ĐÁNH GIÁ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
HR9	Tổng số và tỉ lệ phần trăm các hoạt động cần phải rà soát về Quyền con người hoặc đánh giá tác động.	☒
ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
HR10	Tỉ lệ phần trăm các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về Quyền con người.	☒
HR11	Các tác động về Quyền con người tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể trong chuỗi cung ứng và những biện pháp đã triển khai.	☒
CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI		
HR12	Số lượng khiếu nại về các tác động quyền con người đã nộp, xử lý và giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức.	✓ 118-119
XÃ HỘI		
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 118-119
SO1	Tỉ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển đã thực hiện.	☒

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
SO2	Các hoạt động có tác động tiêu cực thực tế hoặc tiềm ẩn đáng kể đối với các cộng đồng địa phương.	☒
CHỐNG THAM NHŨNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 118-119
SO3	Tổng số lượng và tỉ lệ phần trăm các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng và những rủi ro đáng kể đã xác định.	☒
SO4	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng.	☒
SO5	Các vụ tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp đã triển khai.	✓ 118-119
CHÍNH SÁCH CÔNG		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
SO6	Tổng giá trị của những đóng góp chính trị theo quốc gia và người nhận/người thụ hưởng.	☒
HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 62
SO7	Tổng số hành động pháp lý đối với hành vi hạn chế cạnh tranh, chống độc quyền và các thông lệ chống độc quyền và kết quả của những hành động đó.	☒
TUÂN THỦ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 119
SO8	Giá trị bằng tiền của các khoản phạt đáng kể và tổng số biện pháp xử phạt phi tiền tệ cho việc không tuân thủ luật pháp và quy định.	✓ 106,118-119
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA NHÀ CUNG CẤP ĐỐI VỚI XÃ HỘI		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
SO9	Tỉ lệ phần trăm các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về tác động đối với xã hội.	☒
SO10	Các tác động tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể đối với xã hội trong chuỗi cung ứng và những hành động đã triển khai/	☒
CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI XÃ HỘI		

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
S11	Số lượng khiếu nại về các tác động đối với xã hội đã nộp, xử lý và giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức.	☒
TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM		
AN TOÀN SỨC KHỎE CỦA KHÁCH HÀNG.		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 75-76
PR1	Tỉ lệ phần trăm danh mục sản phẩm và dịch vụ trọng yếu được đánh giá tác động sức khỏe và an toàn để cải thiện.	☒
PR2	Tổng số vụ việc không tuân thủ các quy định và các bộ luật tự nguyện về các tác động sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong vòng đời sản phẩm và dịch vụ, theo loại kết quả.	☒
THÔNG TIN NHÃN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
PR3	Loại thông tin sản phẩm và dịch vụ được yêu cầu trong các quy trình của tổ chức đối với thông tin sản phẩm và dịch vụ và việc ghi nhãn, và tỉ lệ phần trăm danh mục sản phẩm và dịch vụ trọng yếu phải triển khai các yêu cầu về thông tin như vậy.	☒
PR4	Tổng số vụ không tuân thủ quy định và bộ luật tự nguyện về thông tin và việc ghi thông tin và nhãn sản phẩm và dịch vụ, theo loại kết quả.	☒
PR5	Kết quả khảo sát đánh giá sự hài lòng của khách hàng.	☒
TRUYỀN THÔNG TIẾP THỊ SẢN PHẨM		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
PR6	Bán sản phẩm bị cấm hoặc đang tranh chấp.	☒
PR7	Tổng số vụ không tuân thủ các quy định và bộ luật tự nguyện về truyền thông tiếp thị, bao gồm hoạt động quảng cáo, khuyến mại và tài trợ, theo loại kết quả.	☒
QUYỀN RIÊNG TƯ CỦA KHÁCH HÀNG		

Chỉ số GRI	Báo cáo năm 2017	Trang
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	☒
PR8	Tổng số khiếu nại có chứng cứ về hành vi vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và việc mất dữ liệu khách hàng.	☒
TUÂN THỦ		
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	✓ 118-119
PR9	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về việc cung cấp và sử dụng sản phẩm và dịch vụ.	☒